

1974

Namphong
Đồ 186 (7-1433)
(đi)

Ba

chú ý: trong tập này, 8 cuốn phải
mới phải có 15 new leaf TOM XXXII
(từ đồ 180 - 185).

VT 16

40

NAM-PHONG TAP-CH

Fondateur propriétaire
Sáng-lập Chủ-nhân

PHẠM QUỲNH

TOME XXXIII

N^{OS} 186 - 191

JUILLET - DÉCEMBRE



1933



À TAI

ĐÔNG-KINH AN-QUÂN (Imprimerie Tonkinoise)

80 ... Rue de Chancé Hanoi

CUN

NAM - PHONG TẠP - CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỀN THỨ XXXIII (từ số 186 đến số 191)

Số trang

Số 186 — Juillet 1933

Ba cái bầu của kẻ sĩ ngày nay	1
Thuyết Tân-dân	5
Bốn nhân-vật kỳ-vĩ trong cửa Khổng	9
Công-văn về các việc cải-cách trong Triều-đình Huế	18
Khảo về luân-lý-học-sử nước Tàu	33
Cảm-tưởng sau khi đọc sách Gia-long	40
Thơ Đường điển nôm	43
Quảng nghĩa tỉnh-chí. VI	49
Hát tuồng (Lân Phụng kỳ-duyên). I	59
Văn uyên	72
Thời-dâm	75
Quốc-ngữ đình-ngoa. VII	87

Số 187 — Août 1933

Nói chuyện đơn ca Huế	97
Nã-hội tám-giáo	111
Lịch-sử tư-pháp của Nhật-bản hồi duy-tân	125
Luận-ngữ quốc-văn giải-thích. X.	135
Trung-kỳ đã bắt đầu cải-cách hình-chính	144
Công-văn về các việc cải-cách trong Triều-đình Huế (Định thể-lệ tài-chính. Cải-tổ viện Dân-biên. Cải-tổ nền giáo-dục. Định chương-trình thi vào quan-trưởng. Định quan-viên qui-trình mới)	149
Quảng-ngĩa tỉnh-chí. VII.	177
Bề trần chim nổi.	183
Văn-uyên	192
Thời-dâm	195
Quốc-ngữ đình-ngoa. VIII.	205

Số 188 — Septembre 1933

Lời Sắc-ngữ ban cho viện Dân-biên Trưng-kỳ	213
Lược bản về ông Phạm Quỳnh	219
Đáp lại một cái nguyện-vọng hay của ông Lê T.	223
Cổ kim dật-sự	227
Việt-Nam tổ-quốc túy-ngôn. XIII.	242
Đảng-vương-các-tự điển âm	249
Câu chuyện phá nghị.	258
Tư-cách nghị-viên các nước bên ngoài	259

Chuyện cũ về Triều-đình Huế	26
Quảng-nghiã tỉnh-chí. VIII (Hết)	26
Văn-uyên	28
Thời đàm	28
Quốc-ngữ đình-ngoa. IX	29

Số 189 — Octobre 1933

Chính-trị ở Huế	30
Sử-liệu nước nhà	31
Mừng vua Bắc-tuần	31
Bình-luận về sách Khóa hư	31
Hoài-cảm	32
Một quan-niệm mới về đời người	33
Khảo về luân-lý học sử nước Tàu. XI.	33
Cổ kim dật sự	35
Tinh-hải từ hàng. I.	36
Văn-uyên	37
Thời-đàm	37

Phụ số đặc-biệt Nam-phong

Số đặc-biệt đề nghênh giá đưc Bảo-đại Hoàng-đế	30
Cuộc Bắc-tuần của đưc kim-thượng	31
Vị quốc-vương tân-thời thứ nhất của nước Nam	31
Đô-thành Huế là trung-tâm diêm của chính-trị Pháp Việt	31
Triều-đình Huế	31
Triều-đình mới của Việt-Nam hoạt-động	31
Các quan hộ-giã	31
Quan Albert Sarraut đối với kim-thượng	31
Những lời Chỉ dụ của Hoàng-đế	31
Các báo Pháp ca-tụng đưc Bảo-đại	31

Số 190 — Novembre 1933

Nguồn gốc văn-học nước nhà và nền văn-học mới	399
Tâm lý hư-vinh và cách xưng hô	409
Vấn-đề nông-nghiệp của nước ta sau này	430
Việt-Nam tổ-quốc tủy-ngôn. XIV	435
Địa-dư tiện-độc. I	447
Quốc-học đồ-thư-quản thành lập	458
Phê-bình sách Hán-Việt thành-ngữ của ông Bửu-Càn	461
Tinh-hải từ-hàng. II.	463
Hát tuồng (Lân Phụng; ký-duyên). II	469
Văn-uyên	476
Thời-đàm	481
Quốc-ngữ đình-ngoa. X	501

Số 191 — Décembre 1933

Một cái tang lớn cho hai dân Pháp Nam ở xứ Đông-dương	511
Đối với cái tang quan Toàn-quyền Pasquier	515

	Số trang
Dân-tộc kinh tế	519
Chương-trình cầu học của người Việt-Nam hiện nay nên thế nào ?	524
Kontum tỉnh-chí	529
Nhân-cách phụ-nữ	545
Cải-lương kỷ-niệm	553
Bài ca mừng Ngự-giá Bắc-tuần	567
Địa-dư tiên-độc. II.	573
Tỉnh-hải từ-hàng. III.	589
Hát tuồng (Lân Phượng kỷ-duyên). III	595
Văn-nyên	602
Thời-dâm	607

Các tranh ảnh

- Số 186. — Ảnh lễ Nam-giao : Hoàng-thượng tự điền Ngự danh vào văn tế Trời. — Hoàng-thượng thăm sở chè ở *Dalat*. — Kỳ hội-nghị Co-mat tại diện Cẩn-chính.
- Số 187. — Ảnh cảnh *Kontum* : sông *Dak-Bla* và thác *Yali*.
- Số 188. — Chân-dung cụ Hoàng Thái-Xuyên. — Lễ phong-tước Nam cho quan nguyên Hình-bộ Thượng-thư Tôn-thất Đào. — Sau lễ phong tước Nam cho quan Tôn-thất Đào.
- Số 189. — Chân-dung đức Bảo-đại Hoàng đế. — Quan Giáo-dục Thượng-thư Phạm Quỳnh. — Quan Công-tác Thượng-thư Tôn-thất Quảng. — Quan Nghi-lễ Đại-thần Bửu-Thạch.
- Số 190. — Ảnh Thề-mên huyện Hải-an khi đón Ngự-giá Bắc-tuần — Mã một viên tri-phủ Mọi ở *Kontum*.
- Số 191. — Chân dung quan cố Toàn-quyền Đông-Pháp PASQUIER. — Đền An-khe, sông *Bla*, thác *Yali* và Mọi *Bahnard* ở *Kontum*.

Phụ-trương bằng chữ Pháp: Supplément en français

Allocution prononcé par M. le Résident Supérieur Thibaudeau à son premier contact avec leurs Excellences les nouveaux Ministres du Gouvernement Annamite.	1
Devoirs du Français à l'étranger.	3
Les « Intouchables »	5
Gandhi et la question des « Intouchables »	6
Du Laos au Cambodge	9
Le lincoln vert.	12
La politique de la Cour de Hué.	15
La politique à Hué.	21
L'ouverture de la session du Conseil Colonial.	25
Son Excellence Hoàng Cao-Khai.	27
Patriotisme et éducation	29
Les obsèques de S. E. Hoàng Cao-Khai	30
La cuisine et la santé	34
Le voyage de S. M. Bảo-đại au Tonkin	37
Le Premier Souverain moderne de l'Annam La journée de l'Empereur	38
Huế, centre de la politique Franco-Annamite. La cour de Hué.	41
M. Abert Sarraut et S. M. Bảo-đại.	43
Eloge funèbre prononcé par M. le Secrétaire Général Graffeuil	47

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

BA CÁI BẦU (三寶) CỦA KÊ SĨ NGÀY NAY

THUẬN

Muốn biết kê sĩ sao mà phải có ba cái vật bầu, trước phải nên biết địa-vị của kê sĩ ở trong xã-hội ngày-xưa với ngày nay thế nào đã. Ngày-xưa chia dân ra làm bốn hạng, gọi là "tứ dân 四民", tức là sĩ, nông, công, thương. Sĩ là kê binh-dân có tài-học đã thành-tựu, tài-học ấy có thể dùng ra làm ích-lợi cho nước, cho ba hạng binh-dân nông, công, thương kia được. Và bấy giờ ai đã là kê sĩ thì chung-thần chỉ có một nghề là đem cái tài-học của mình ra làm quan hoặc làm thầy mà thôi, ít có kê sĩ quay ra làm những nghiệp nông, công, thương vất-vả. Cho nên trong bốn hạng dân ấy, hạng kê sĩ với ba hạng nông, công, thương khác hẳn tư-cách và địa-vị của nhau. Nghĩa là kê sĩ tất là kê có học nhiều, mà những kê nông công thương đều là kê không có học hoặc ít học cả. Bởi vì xã-hội ngày-xưa sự sinh-hoạt còn đơn-sơ, sự học-vấn còn hiếm, những nghề nông công thương không phải đọc sách cũng làm được, còn kê sĩ đã có công-phu học-vấn, tiện-thị có cái địa-vị xứng-đáng của xã-hội dãi cho là cái nghề làm quan với làm thầy, thừa đất tôn-qui, còn cùn gì phải làm việc khác cho vất-vả. Ấy cái đặc-tính của kê sĩ ngày-xưa là thế.

Ngày nay sự sinh-hoạt ngày càng tinh-mật phiền-phức, sự học-vấn ngày càng mở-mang. Không những chính-trị, lễ-pháp phải học mới hay, mà đến những nghề nông công thương

cũng phải học mới làm được. Cho nên trong những nghề nông công thương ngày nay cũng có nhiều những kê có tài-học tương-đang với những kê chuyên cái học làm quan làm thầy, mà cái tiếng gọi là « kê sĩ » ít dùng đến nữa.

Tuy nhiên, ngày nay cõi học đã mở rộng cho nhiều nghệ-thuật, nhưng học lại có bề bậc khác nhau, gọi là kê có tài-học lớn về nghề gì bao giờ cũng ít. Những kê có tài-học ở trong những nghề nông công thương ngày nay cũng tất là những người lam hươg-đạo, làm mó-phạm, dù không làm quan thì cũng làm thầy trong nghề mình. Là kê lao-tâm chủ-động chứ không phải là kê lao-lực bị-động. Cho nên lại phải chia xã-hội ra làm hai phái là thức-giã xã-hội với thông-thương xã-hội. Thức-giã xã-hội là gồm cả những hạng có tài-học làm quan, làm thầy, làm hươg-đạo cho những nghề nông công thương. Thông-thương xã-hội là những hạng ít học làm dân lao-lộng trong những nghề nông công thương vậy.

Coi đó thì kê có địa-vị và làm tiêu-biểu cho xã-hội, bao giờ cũng vẫn là kê có tài học thành-tựu. Mà hạng kê sĩ ngày-xưa tức là về phái thức-giã xã-hội ngày nay, còn phái thông-thương xã-hội ngày nay tức là về ba hạng nông công thương ngày-xưa. Vậy bài-này nói kê sĩ là trở vào tất cả những kê có tài-học thành-tựu, những kê sẽ ra làm quan làm thầy làm hươg-đạo mó-phạm cho những nghề nông, công, thương.

mà chưa ra làm hay là mới ra làm. Chứ không phải chỉ nói về những kẻ chuyên có một cái học về nghề làm quan như nghĩa chữ « sĩ » ngày xưa.

Làm cái việc lao-lực với làm cái việc lao-lực, nói rõ là làm cái nghề của ông cả bà lớn với làm cái nghề của bố cu mẹ dī, tuy tài-trí có khác nhau thì hưởng-thụ đã không giống nhau, song chẳng qua ai nấy cũng là làm cái nghề sinh-nhai của mình cả mà thôi, thế mà kẻ sĩ vẫn được trong xã-hội xưa nay người ta quý-trọng, há không có cơ gì đâu. Chúng ta phải biết rằng xã-hội xưa nay người ta vẫn phải quý-trọng kẻ sĩ, ý-vọng vào kẻ sĩ, há không phải người ta lấy rằng những kẻ ấy sẽ đem tài-học ra giúp nước giúp đời, giúp cho mọi người dân cùng được nhờ cái ơn-huệ của tài-học ấy mà nên thịnh-vượng đấy ư? Há không phải trông-mong vào những cái chỗ làm quan, làm thầy, làm người hướng-dạo cho những nghề nông công thương của kẻ sĩ sau này đấy ư? Thế thì giá-trị của kẻ sĩ, địa-vị của kẻ sĩ đáng quý-trọng ở trong xã-hội là phải. Song lại phải biết rằng không có tài-học lớn sao có gọi là kẻ sĩ. Cho nên xã-hội xưa nay sở dĩ tôn-quí mong cầu ở kẻ sĩ không phải ở cái chỗ kẻ sĩ có tài-học lớn, không phải ở cái chỗ kẻ sĩ sẽ làm nên quan cao, thầy cả, làm nên những nhà phú-hào về nông công thương để mưu lợi-lộc cho mình. Mà chính là xã-hội người ta sở dĩ tôn-quí mong cầu về kẻ sĩ là ở chỗ sẽ làm ích-lợi cho nước cho đời cho cả mọi người dân vậy. Vì thế kẻ sĩ ngày xưa họ hay có cái tính tự-tôn tự-phụ cũng là họ tự biết cái địa-vị của họ, họ tự-nhận lấy cái trách-nhiệm của họ ở trong xã-hội đó. Cho nên kẻ sĩ ngày xưa lúc chưa những tay vào việc đời mà động nói thì họ tự hứa mình ngày cho sự thực-hành: « Ta

muốn làm cho sáng tỏ đạo học của Thánh-nhân để mà hóa cho dân đời nay » (Lê Quát). Không thì họ cũng tự-nhận ngay lấy cái gánh giang-sơn mà rằng: « Ấy mang tiếng đứng trong trời đất, phải có danh gì với núi sông » (Nguyễn Công-Trứ).

Thế mà coi ra những người mà họ đã tự-phụ như thế, thì khi ra làm việc đời họ cũng ít dám cầu-thả.

Kẻ sĩ ngày nay, so phần tài-học kỹ-năng kẻ còn rộng sâu mà thiết-thực hơn kẻ sĩ ngày xưa nhiều. Đến như địa-vị với trách-nhiệm thì vẫn không khác mà lại có phần trong-dại hơn thừa trước. Vậy thì làm kẻ sĩ ngày nay há không đáng tự-tôn tự-phụ lắm ư? Thế mà sao ta xem trong cái luồng không-khí của kẻ sĩ ngày nay, dường như lạnh-lẽo thê-lương hầu khắp, tuyet không thấy có cái ý khảng-khái tự-tôn tự-phụ gì như trên kia đã nói. Ôi! há phải áp-lực của thời-thế, ma-lực của kim-tiền, nó khốc-liệt, nó điêu-ngoa, nó bó-huộc, nó cám dỗ, mà khiến cho sĩ-phong sĩ-khí của đời ta bị tiêu mòn quá đến thế kia ư?

Cứ như thế thì kẻ sĩ còn đáng tôn-quí gì ở trong xã-hội, mà đời người ta còn mong cầu cho có kẻ sĩ làm gì. Phải biết kẻ sĩ hào-khiết thì không có thời-thế nào là không có thể làm được, và không có cái sức yêu-ma nào là đánh đổ được lòng mình. Vậy muốn không phụ với tài-học, không hổ với địa-vị tôn-quí của xã-hội, không hổ với trách-nhiệm nặng-nề của mình, kẻ sĩ chúng ta ngày nay ai nấy đều phải giữ lấy ba điều gọi là « tam bảo », nghĩa là coi như ba cái vật báu, thiếu một không được. Ba điều ấy là: *Lập-chí, dưỡng-khí và tri-sinh*. Ba điều ấy tuy thường thấy nói rải-rắc ở trong các sách, nhưng ở đây đã gọi là tam-bảo thì nó phải liên-kết với nhau làm một mối theo thứ-tự không đời nhau

ra được. Như phật, pháp, tăng là tam bảo của Phật-gia; tinh, khí, thần là tam-bảo của Đạo-gia; bên nào thiếu mất một phần nào thì không thành đạo-pháp gì. Cho nên gọi là bảo là coi nó như cái của báu phải quý-hóa giữ-gìn rất cẩn-thận cho bao giờ cũng đều vẹn-toàn, mà không dễ xảy mất hoặc vỡ mẻ đi vậy.

Trên kia đã nói không có tài-học khá cao, sao gọi là kẻ sĩ. Thế nhưng cũng cùng là kẻ sĩ đó, mà người thì làm nên thánh-hiền, hào-khiết, chí-sĩ nhân-nhân; kẻ thì chịu tiếng là gian-nịnh là tham-ô, đáng khinh đáng bỉ. Vậy thì đối với kẻ sĩ, tài-học không đủ cậy mà cốt phải lập lấy chí mình. Song có cái chí hay cũng có cái chí hèn. Người xưa nói: Ông Thuấn cứ gầy gầy thì thức dậy lo ngay-ngáy làm điều lợi chung cho mọi người. Thằng Chích cũng cứ gầy gầy thì thức dậy lo ngay-ngáy làm điều lợi riêng cho một mình. Đó cũng cùng là lập-chí cả, mà chỉ làm lợi chung cho đời thì ông Thuấn làm nên bậc thánh; chỉ làm lợi riêng cho mình thì thằng Chích chỉ là thằng trộm bọm. Thế cho nên kẻ sĩ lập-chí là quyết làm cho được nên thánh-hiền hào-khiết hoặc chí-sĩ nhân-nhân mới thôi. Mà quyết đã không chịu lấy cái tiếng hư hèn, nhưng cũng không cam làm cái kẻ bình-thường dung-lục. Như thế thì sự lập-chí của kẻ sĩ là rất cần.

Chí lập rồi, mục-dịch đã định, cứ theo đường thẳng mà tiến. Song đường đời lắm nỗi ngoắt-ngóe mà nghiêukhê, không tính trước hết được. Chí càng to thì nơi qui-túc càng lâu tới, việc càng lớn thì đối-phó càng khó-khăn. Cho đến nào người nào việc nào hoàn-cảnh xung-quanh, đều quay cả vào mà ngăn-trở mà ép uổng, bắt ta phải khuất-tiết mà hàng-phục nó. Khaluân-bổ lúc đi tìm đất mới, ngày đi đã lâu, lương ăn hầu hết, mà đất mới

chưa thấy, bị bọn cùng thuyền làm rầy-rà ở mé tây Đại-tây-dương; Nữ-phá-luân lúc bắt đầu mới đi viễn-chinh đem quân trèo băng vịn đá, vượt qua núi Bạch-sơn dễ sang đánh Ý-đại-lý; Trần Quốc-Tuấn lúc quân Nguyễn trăm vạn kéo vào chiếm lấy kinh-dô, vua chạy ra ngoài bởi có nền đầu-hàng hay không. Ôi! những thời-thế ấy, thành công với thất-bại, há không cách nhau chỉ sợi tóc mà thôi dư? Những kẻ đương-đầu những thời-thế đó, nếu không có cái khí-phách cương-cường bất-biến, bách-chiết bất-hối, không có cái khí-khái sừng-sực cao nghìn trượng như núi Tản-viên coi thường cả các gò đồng nhỏ, không có cái khí-thể chảy xuống âm-âm như nước sông Hồng-hà không ra lối bề thì không thôi, không có cái khí-lượng mông-mênh như biển Thái-bình bao-dung hết các nguồn sông đục trong trong thế-giới, thì tất không khỏi sợ hãi chán-nản mà ngã lòng. Đã ngã lòng thì chí xưa vất đi hết, không bỏ dở thì cũng cải đường mà theo chúng. Như thế thì sự đường-chí lại càng trọng.

Bây giờ nói đến sự trị-sinh. Lập-chí với đường-khi là hai điều đề đối với sự nghiệp, trị-sinh thì là điều quan-hệ với sự sống của kẻ sĩ. Vẫn biết làm việc cho xã-hội thì xã-hội phải nuôi; song kẻ sĩ tuy làm việc cho xã-hội, nhưng mà là làm theo cái chí định của mình, cho nên có nhiều khi không toàn trông nhờ ở xã-hội nuôi mà phải tự sinh-hoạt lấy. Như là muốn đem cả đời mình mà hi-sinh cho sự học, một thân cặm-cui trong góc nhà. Nhưng khôn nổi « một đàn rách-rưới con như bố, ba chữ nghèo-ngao vợ chán chồng », thì rồi không khỏi đến bãi ngành cả thánh-hiền cùng chân-lý. Lại như là muốn vì công-nghĩa mà quên cả lợi riêng, cơm nhà thôi tù-và cho hàng lũng,

mới là hiệp-sĩ. Nhưng khốn nỗi nhà không gạo sáng mà hàng xóm không ai cho vay, thì cũng phải đến đem trả tù-và mà đánh phụ lòng với xứ-sở. Hoặc lại như đang có việc làm bỗng gặp, có thể hành cái sở-học mà dù cung cái sở-nhu đó. Nhưng gặp phải điều trái ý mình, điều làm tổn-nhục mình, đáng lẽ đứng phắt ngay lên mà về mới là nam-tử. Nhưng khốn nỗi thân mình lao-khổ chưa từng, vợ con thì xa-hoa lười-biếng đã quen, về làng cây sáo cuộc bầm đã không chịu nổi, ra phố thì bán buôn kỹ-nghệ một nghề nhỏ gì cũng không biết. Nhục một mình còn hơn chết đói cả đồng. Thế là nay lẫn mai lẫn, lâu thành vô-sĩ. Tội chính-khách bốn-tàu nơi chính-giới, bọn lại-dịch lần-quất cửa công-đường, phần nhiều là kẻ sĩ vùng đường trị-sinh. Thậm-chí làm công-vụ đến già đời, được hưu-bổng về vườn là hạnh-phúc, mà mới rồi kẻ thì dặt con thơ ra khóc với nhà-nước, người thì liêu thần tự-tận, tình-trạng đáng thương. Họ không những là tham mà cũng là sợ không biết trị-sinh thì sẽ bị khổ. Thế thì trị-sinh lại càng cần-thiết cho kẻ sĩ hơn nữa.

Không lập-chí không đúng nên được tài-học, không dưỡng-khi không giữ vững được chí xưa. Thế mà không biết trị-sinh thì lại không những không chủ-trị được chí-khí mà đến không bảo-toàn được thân-danh. Kẻ sĩ há không nên lấy trị-sinh làm trọng lắm dư? Kẻ sĩ trị-sinh không phải là làm cho lấy giàu có, mà chỉ là lo phòng cho bản-thân, cho gia-quyển có đủ nghề-nghiep thường, có đủ tư-cách độc-lập về đường sinh-nhai mà thôi. Bởi vì kẻ

sĩ hào-kiệt là người đã hứa mình cho xã-hội, nếu lại bo-bo sợ đói, khu-khu làm giàu thì còn thì-giờ đâu mà nghiên-cứ sự học, hoặc mưu-tính việc công nghĩa nữa. Thế cho nên ngày xưa nhà Nho nước ta, người nào nhiệt-tâm nghĩa-vụ, tuy làm đến quan to lộc hậu mà họ vẫn giữ kiem-ước, để vợ con ở nhà chuyên việc canh nông thương-mại. Ngày nay học-giả bên Tây, người nào quyết hi-sinh cho học-thuật, ít dám lập thành thất-gia. Các người ấy há không nghĩ thề-noa là cái trở-lực của thiên-tài, mà đỉnh-chung là cái thù-nghịch của danh-tiết, không thể kiếm được cả hai dư?

Nói tóm lại, kẻ sĩ như một cái thân tàu, tài-học là bộ máy mà tam-bảo là tay lái. Tàu to thì máy phải mạnh, máy có mạnh thì tàu mới chạy nhanh. Nhưng khiến cho cái tàu hoành-bành khắp nam bắc đông tây trên mặt bể, qua hiểm-trở, trải xa gần mà đi tới cái bến vui của mình cầu-nguyên, thì không ở tàu to máy mạnh mà chính ở tay lái vững-vàng.

Ngày nay sự học quý sáng-kiến, nghĩa-vụ quý thực-hành, trách-nhiệm của kẻ sĩ đã nặng-nề hơn cổ-nhân nhiều mà kinh-tế lại khó-khăn hơn ngày trước. Thế-lực kim-tiền dễ làm cho dọa-lạc phẩm-cách con người. Vậy tôi cả dám khuyên anh em ta trong làng kẻ sĩ mà nhất là kẻ sĩ tân-học: muốn không phụ với địa-vị tôn-quí ở trong xã-hội, phải giữ toàn lấy ba cái của báu của kẻ sĩ.

NGUYỄN THỌNG-TRUẬT

THUYẾT TÂN-DÂN

I

Tự hồi thế-giới mới có loài người cho đến ngày nay, các nước ở trên hoàn-cầu biết mấy nghìn mấy vạn mà kể. Thử hỏi những nước vẫn cứ nguyên-nhiên còn được đến nay, có nhan-sắc ở trên địa-dò, ở ngũ-dại-châu, phỏng được mấy? Ước trăm phần được mười phần mà thôi. Trong trăm nước được mười nước đó, có thể ngật-nhiên cường-lập, có sức tá-hữu thế-giới, sau này có cơ chiến-thắng được trong cõi thiên-diễn, phỏng được mấy? Ước trăm phần được bốn, năm phần mà thôi. Ôi! cũng cùng một trời đất ấy, cùng một núi sông ấy, cùng một giống chân vuông đầu tròn, mà kẻ này thời đấy, kẻ kia thời diệt, kẻ này thời yếu, kẻ kia thời mạnh, là có làm sao? Hoặ-giả nói: đó là tại địa-lợi. Vậy thời đất Mĩ đời nay cũng như đất Mĩ đời xưa, mà người dân Anh-cát sao lại được hưởng sự vẻ-vang? La-mã đời xưa cũng như La-mã đời này, mà làm sao người dân Lạp-dinh lại bị suy đốn? Hoặ-giả nói đó là tại kẻ anh-hùng. Như vậy thời không phải không có vua Á-lich-soa-dại mà làm sao đất *Macédoine* nay đã thành như một đám tro tàn? Không phải không có vua Thành-cát-tư-hãn mà sao đất Mông-cổ hầu như không còn thoi-thóp được nữa? Than ôi! thương thay! Ta biết cái nguyên-do nó rồi. Nước là tích-dân mà thành. Nước có dân, cũng như thân-thể có tứ-chi, ngũ tạng, có cân-mạch huyết-luân vậy, chưa từng khi nào tứ-chi đã đoạn, ngũ-tạng đã tề, cân-mạch đã thừa, huyết-luân đã cạn, mà thân-thể lại còn, thời cũng chưa từng khi nào dân ngu-lộn, khiếp-nhược, hoải-lấn, hỗn-trọc, mà nước lại còn đứng vững

được. Cho nên muốn cho thân-thể được sống lâu mạnh-khỏe, thời tất phải trồng cách vệ-sinh. Muốn cho nước được an-phủ tôn-vinh thời cũng phải giảng cái đạo tân-dân mới được.

II

Nay ta muốn thiết-tha nói về nghĩa *tân-dân* là cấp-vụ đương-thời, thời lập-luận gốc ở hai điều: một là quan-hệ về phần nội-trị, hai là quan-hệ về phần ngoại-giao.

Nói quan-hệ về phần nội-trị là thế nào? Những kẻ bàn về chính-trị trong thiên-hạ vẫn nhiều lắm. Hễ mở miệng là nói: Anh Giáp làm ngô-quốc, anh Ất làm hại dân; việc nọ là tại chính-phủ thất-cơ, việc kia là tại quan-lại nệch-chức. Ta không dám nói rằng những lời ấy là không phải. Tuy-nhiên, chính-phủ bởi đâu mà thành? Quan-lại ở đâu mà ra? Há không phải tự trong dân-gian mà ra ư? Anh Giáp kia anh Ất nọ, há không phải là một phần trong quốc-dân dư? Xưa nay bao giờ cũng vậy: hợp lũ dui không bao giờ thành người mắt sáng như Ly-Lâu được, hợp lũ diếc, không bao giờ thành người tai suốt như Sư-Khoảng được, hợp một lũ khiếp-nhược không bao giờ thành một người mạnh-bạo như Ô-Hoạch được. Dân như vậy, thì chính-phủ như vậy, quan-lại như vậy, tức như tục-ngữ nói rằng: « Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu », có gì mà lạ. Tây-triết thường có câu ví rằng: Chính-phủ đối với nhân-dân, cũng như hàn-thủ-biểu đối với không-khí vậy. Khí-hậu trong không, cùng với thủy-ngân trong ống, cái độ nó phải tương-quân với nhau, không có sai nhau một ly một chút. Quốc-dân mà

trình-độ văn-minh còn thấp, thì tuy có vua giỏi tướng hiền dễ thay mà cai-trị đó, nhưng đến khi người mất thời cái chính sách hay cũng mất. Cũng vì như đương ngày đông giá lạnh, nếu để cái biểu vào trong nước sôi, thời độ nó vẫn là vọt lên cao thật, nhưng nước nguội đi một cái, thời nó lại sụt xuống như cũ ngay. Quốc-dân mà trình-độ văn-minh cao, thời tuy ngẫu-nhiên có gặp phải kẻ bạo-quân ô-lại, tàn-hại trong một lúc, nhưng sức dân vẫn đủ để tự bảo-cứu mà chỉnh-đốn được. Cũng vì như đương buổi nắng bức nóng-nân, nếu để cái biểu lên trên một khối nước đá, thời cái độ nó hạ sụt xuống ngay, nhưng chẳng bao lâu khối nước đá tan, thời nó lại lên cao như cũ vậy. Vậy thời nếu dân đã có tư-cách «tân-dân», lo gì không có chế-độ mới, không có chính-phủ mới, không có quốc-gia mới. Nếu dân không có tư-cách tân-dân thời tuy ngày nay đổi phép này, ngày mai thay người kia, bới chỗ này, cạo chỗ nọ, bắt-chước người ta mà làm khéo, chưa từng thấy làm nên được bao giờ.

Ngày nay, những nhà ưu-quốc ở nơi thảo-dã, thường ngồi một mình mà nghĩ sâu-xa, thở-than mà tưởng-vọng rằng: ước gì cho được vua hiền tướng giỏi để cứu-vớt cho dân ta! Không biết các ông ấy gọi tôi hiền tướng giỏi, phải như thế nào mới là cập-cách. Tuy-nhiên, nếu cứ lấy cái dân-đức, dân-lực, dân-trí của ta ngày nay, thời tôi dám chắc rằng tuy có vua hiền tướng giỏi, cũng khó lòng mà làm cho nên công được. Nã-phá-luân kia, là bậc danh-tướng muôn đời, nếu trao cho một lũ quân hèn-nhất hủ-bại thời đánh nhau với người Mọi cũng không xong. Kha-luân-bổ kia là tay hàng-hải tuyệt-luân, nếu trao cho một chiếc thuyền nát thời vượt qua cái khe cái ngòi cũng không xong. Kể làm vua làm tướng, không phải một mình mà

độc-trị được, thế phải dùng đến các bậc cương-thần; các bậc cương-thần lại thế phải dùng đến các hàng giám-ti, các hàng giám-ti lại thế phải dùng đến các quan phủ-huyện; các quan phủ-huyện lại thế phải dùng đến các hạng nha-lại. Trong bấy nhiêu hạng người, từng-sử được nửa phần tốt nửa phần xấu, cũng còn chưa gọi là chính-trị tốt được; huống trăm phần trăm được một phần tốt thời làm thế nào! Nay ta bàn đây vẫn biết chính-trị của Thái-Tây là tốt mà muốn cho nước ta bắt-chước lấy. Nhưng thử xét cho kỹ, cái chính-trị của họ đó, không phải là tự vua, tự tướng họ độc-lực mà chế-tạo ra đâu. Thử đi chơi các nơi đó: thị ở Anh, ở Mỹ, ở Đức, ở Pháp, mà xem cái cách nhân-dân người ta tự-trị thế nào, xem nhân-dân cùng với chính-phủ quan-hệ thế nào. Thử xét trong một tỉnh, thấy cái phép cai-trị cũng nghiêm-nhiên như một nước vậy. Lại xét trong một xóm, một làng, cách cai-trị cũng nghiêm-nhiên như một nước vậy. Lại xét đến một hội nào, một công-ti, một trường học, phép cai-trị cũng nghiêm-nhiên như một nước vậy. Rồi xét đến một người, cái phép tự-trị của họ cũng lại nghiêm-nhiên như một nước vậy. Tức cũng vì như muối có tính mặn: tích muối thành đồng, cái tính mặn nó lại càng mặn; nhưng nếu chia cái đồng đó ra mà đóng thành bao nhiêu thùng, thùng lại đóng thành bao nhiêu đấu, đấu lại đóng thành bao nhiêu bát, bát lại chia ra thành từng hột, hột lại biến nhỏ tan ra từng phần-lũ một, mỗi phần-lũ nhỏ như cái mảy cái bụi, đều cũng là mặn cả. Thế cho nên chất đồng lại mới thành ra mặn-nồng như vậy. Chứ nếu vò cát hay rải phấn ra mà muốn cầu cho nó được mặn thời tuy đắp lại cao như núi Thái-sơn, mặn nó cũng vẫn không mặn vậy. Cho nên dân các nước Anh Mỹ thường không đợi có

vua hiền tướng giỏi mà chính-trị vẫn được tốt. Kể nguyên-thủ trong nước như Nghiêu, Thuấn cũng được, mà như Thành-vương cũng được; kể quan-lại trong nước như Tào Sâm cũng được, mà như Thành-Tân cũng được. Là bởi sao vậy? Bởi đã có dân rồi, cho nên quân-tướng thường ý-lại ở quốc-dân, chứ quốc-dân không ý-lại ở quân-tướng. Nước nhỏ còn vậy, huống nước lớn thời lại càng không thể một vài người mà chi-phối cho khắp được vậy.

Cứ lấy ngay một nhà mà ví với một nước. Trong một nhà, nếu anh em, con-cái đều có bản-nghiệp cả, đều có kỹ-năng, đều được trung-tín, đốc-kính, cần-lao, tiến-thủ cả, thời cả nhà tất là được sầm-uất thịnh-vượng. Nếu không vậy mà mỗi người đều bỏ trách-nhiệm mình, chỉ trông vào một người gia-trưởng mà thôi, người gia-trưởng ấy mà không tốt, thời đến đóng cửa mà chết đói hết cả. Người gia-trưởng ấy mà tốt ra thời phỏng dùm bọc cho ta được bao lâu? Mà cho dẫu có dùm bọc cho ta nữa, thời làm thân kẻ con em, đề lụy cho cha anh, khiến cho suốt năm khó-nhọc, ngày đêm lo phiền, trong lòng không được lúc nào yên, thế chẳng phải là làm cái khổ cho nhà dư? Ngày nay chỉ thấy những người trách chính-phủ sao không được tốt, mong-mỏi được những vua hiền tướng giỏi. Người Anh thường có câu rằng: « Anh làm rồi, ta không thể giúp anh được đâu ». Câu đó tuy là một câu lầm-thường của cái chủ-nghĩa chế-kỹ, nhưng cũng là một lời răn-dạy để thúc-giục cho người ta biết tự-trị và tự-trợ vậy. Cho nên ta tuy hằng ngày mong cho nước có vua hiền tướng giỏi, nhưng ta lại sợ rằng dẫu có vua hiền tướng giỏi sẵn lòng thương yêu ta mà chưa chắc đã giúp được ta vậy, là bởi sao? Là bởi hệ trách-vọng ở vua hiền tướng giỏi nhiều

thì tự trách-vọng ở mình lại ít, mà cái tật trách người không trách mình, mong ở người, không mong ở mình là cái cố-tật ở nước ta xưa nay, và là một cái nguyên-nhân lớn làm cho nước bấy lâu không đổi mới được. Ta trách người, người cũng lại trách ta, ta mong ở người, người cũng lại mong ở ta, mấy triệu người đều cứ tiêu-mòn ở trong cái vòng tương trách tương-vọng đó cả, thời nước nhờ vào đâu mà đứng được. Gọi là « tân-dân » đó không phải là mới ở người mà thôi, lại tự mới ở mình nữa, mà suốt dân trong nước ai cũng biết tự-tân hết cả. Mạnh-tử nói rằng: « Người cứ tự-lực mà làm, tức là làm cho nước người được mới đó ». Ấy cái chủ-nghĩa tự-tân là thế, ấy cái chủ-nghĩa tân-dân là thế.

III

Nói là tân-dân không phải là muốn cho dân ta bỏ cả cũ để theo người đầu. Nghĩa tân-dân có hai: một là trau-chuốt cái của mình vốn có cho mới-mẻ ra; hai là thâu-nhập cái mình vốn không có để cho mới thêm ra. Hai phần đó mà khuyết một thời cũng không nên công-chuyện gì. Các tiên-triết lập-giáo cũng không ngoài hai đường đó, là « nhân-tài nhi đắc 因材而篤 » (nhân cái tài-liệu đã sẵn có mà trau-giồi thêm ra), và « biến-hóa khí-chất 變化氣質 », (thay đổi khí-chất cho mới-mẻ thêm ra), tức như trên kia vừa nói là trau-chuốt cái mình vốn có và thâu-nhập cái mình vốn không có vậy. Một người như thế, chủng-dân cũng vậy. Phàm một nước có thể đứng vững được ở trên thế-giới, tất phải có cái đặc-chất một quốc-dân, trên từ đạo-dức, pháp-luật, dưới đến phong-tục, tập-quán, văn-học, mĩ-thuật, nhất-nhất đều có cái tinh-thần độc-lập, tỏ-phụ truyền cho, con

châu kể lấy, nhiên-hậu dân mới thành, nước mới lập. Đó thực là cái nguồn-gốc sâu-xa của chủ-nghĩa dân-tộc vậy. Dân-tộc ta lập-quốc đã mấy nghìn năm trên cõi Á-châu tất phải có cái đặc-chất hần-hoi, cũng hay-ho cũng tốt-đẹp, chúng ta nên bảo-tồn lấy đừng dễ cho thất-lạc đi mất. Tuy-nhiên nói là bảo-tồn đó, không phải là cứ phó-mặc cho tự-sinh tự-trưởng rồi nói đại lên rằng thế là bảo-tồn đấy. Cũng ví như cái cây kia, nếu năm năm không có mọc mầm mọc trời mới ra, thời nó chết khô ngay; lại cũng ví như cái giếng nước kia, nếu không có nước mạch tuôn lên không dứt, thời cũng tức-khắc cạn khô ngay. Cái mầm non, cái mạch nước đó, há phải là tự ngoài mà lại dư? Vẫn là cũ đó, vốn sẵn có đó, nhưng cũng không thể không cho là mới được. Cho nên làm cho càng ngày càng mới ra, chính là để giữ toàn cho cái cũ vậy. Lau chùi cho nó được bóng sáng, nung-dúc cho nó được cứng-bền, đắp gốc khơi nguồn cho được vững được sâu, tiếp cho dài, tăng cho cao, ngày qua tháng lại, tinh-thần của quốc-dân nhờ đó mà bảo-tồn, nhờ đó mà phát-đạt. Người đời hoặc lấy hai chữ thủ-cự làm một cái danh-từ đáng chán, thật là lắm to. Tôi sợ không phải là sợ ở cái thủ-cự, chỉ sợ ở cái không biết thật thủ-cự. Thật thủ-cự là thế nào? Tất là trau-chuốt những cái cổ-hữu của mình vậy.

Nhưng ci i biết trau-chuốt những cái cổ-hữu mà thôi, thế đã là đủ chưa? Thế chưa phải là đủ được. Đời ngày nay không phải như đời ngày xưa; người ngày nay cũng không phải như người ngày xưa. Xưa kia nước Tàu chỉ có «bộ-dân» chứ không có «quốc-dân». Không phải là không làm quốc-dân được, chỉ là vì cái thế sử-nhiên như vậy. Trong cõi Á-dông, nước Tàu vốn là lớn-lao cả-thể hơn cả, chung-

quanh toàn là những dân mọi-rợ hết; đối với các nước lớn ở phương ngoài chưa từng giao-thông, cho nên dân coi nước mình là thiên hạ. Phàm những cái tiếp-xúc đến tai mắt, thẩm-nhiễm vào não-cân, phàm những điều thánh-hiền dạy-dỗ, tổ-tông di-truyền, đều có thể thành cái tư-cách làm người riêng, cái tư-cách làm người một nhà, người một làng, người một họ, lại có thể làm cái tư-cách người trong thiên-hạ nữa; duy chỉ có làm cái tư-cách người một nước, làm cái tư-cách một quốc-dân thì không thể được mà thôi. Nay cái tư-cách làm quốc-dân, tuy chưa tất đã hay hơn gì các cái tư-cách kia cho lắm, nhưng đời này là cái đời các nước tranh-dua, lớn ăn thịt bé, khỏe được yếu thua, nếu mà khuyết cái tư-cách đó thời quyết không thể tự-lập được ở trong khoảng trời đất vậy. Cho nên ngày nay, nếu không muốn cho nước được mạnh thời thôi, chứ đã muốn cho nước được mạnh thời không thể không xét rộng cho biết cái đạo tự-lập của các dân các nước thế nào, để lấy cái sở-trưởng của người ta mà bỏ vào cái sở-đoan của mình. Ngày nay những người bàn về chính-trị, về học-thuật, về kỹ-nghệ, không ai là không biết rằng nên lấy cái hay của người mà bỏ cho cái dở của mình, chỉ không biết rằng dân-đức, dân-trí, dân-lực, thực là cái nguồn lớn của chính-trị, của học-thuật, của kỹ-nghệ, không biết như vậy, nên không lấy cái đáng lấy mà lấy cái không đáng lấy, bỏ gốc mà tìm ngọn, có khác nào như trông thấy cái cây kia tươi-tốt, muốn chặt lấy cành nó mà tiếp vào cái gốc khô của mình; hay là trông thấy cái giếng trong kia muốn thu lấy mạch nước của nó để dồn vào cái ao cạn của mình vậy. Cho nên thấu-nhất lấy những cái mình không có để giúp cho cái đạo tân-dân của mình, không thể không suy nghĩ cho kỹ vậy.

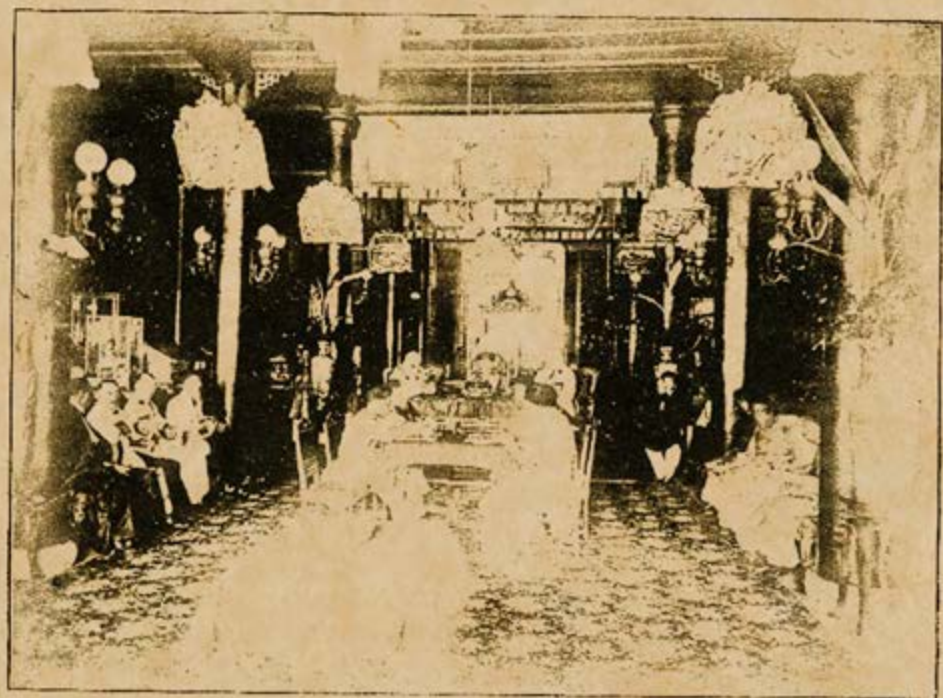


Lễ Nam-giao : Hoàng-thượng đương tự
điền Ngự-danh vào văn tế Trời



Hoàng-thượng thăm sở chè ở Dalat

Kính ảnh Nguyễn Hữu-Tiến.



Kỳ Hội-nghị Cơ-mật tại điện Cần-chánh ngày 26 tháng năm 1933
(Ngồi ở bàn giữa là nam quan Thượng-thư mới)

Cái hiện-tượng của muôn việc trên thế-giới, không ngoài hai chủ-nghĩa lớn: một là *báo-thủ*, hai là *tiến-thủ*. Người ta vận-dụng hai chủ-nghĩa đó, hoặc thiên về bên nọ, hoặc thiên về bên kia, hoặc hai bên cùng phát ra mà thành xung-đột, hoặc hai bên cùng giữ nhau mà thành điều-hòa. Nếu thiên về một bề nào thì không thể đứng được. Đã có xung-đột nhau thì tất-sau có điều-hòa, sự xung-đột tức là cái bước trước của sự điều-hòa. Vậy nên khéo biết điều-hòa, ấy là thành một quốc-dân vĩ-dại. Giống người Anh-cát-lợi chính là một giống khéo biết điều-hòa như vậy đó. Cũng vì như bước đi, phải có một chân

đứng một chân đi; lại cũng vì như nắm lấy, phải có một tay cầm một tay lấy vậy. Cho nên tôi gọi là tấn-dân ấy, không phải là những kẻ say-sưa về lối Tây, không coi cái đạo-đức, học-thuật, phong-tục mấy nghìn năm của nước mình là gì cả, chỉ cầu lấy a-dua với người mà thôi; lại cũng không phải là những kẻ chỉ khu-khu giữ lấy mớ giấy cũ, cho rằng cứ ôm chặt lấy cái đạo-đức, học-thuật, phong-tục mấy nghìn năm xưa, thế là đủ sống được ở trên cõi đại-dịa này.

Nguyễn hán-văn của Lương Khải-Siêu
Dịch ra quốc-ngữ

N-P.

BỒN NHÂN-VẬT KỶ-VĨ TRONG CỬA KHÔNG

Đời Xuân-thu là thời-kỳ mưa gió, đức Khổng-tử như vầng mặt trời, điều đó ai cũng đã biết. Nhưng lại nên biết rằng đức Khổng-tử như một vị hóa-công, ba nghìn học-trò như ba nghìn cổ cây, bảy-mươi-hai người hiền như bảy-mươi-hai cái hoa có đặc-sắc, mà bốn nhân-vật này thì lại như bốn cái hoa đã rất có đặc-sắc mà lại rất ly-kỳ, mỗi người mỗi vẻ, đều là vẻ trác-tuyệt trong hàng nhân-vật thiên-cổ, sẽ biết cái tay hóa-công trong chốn hạnh-dân kia là cao-diệu vô-cùng, mà cái phạm-vi trong Khổng-giáo thực không phải là hẹp. Nay kể ra đây để những nhà có chí xem xét về Khổng-giáo cũng thấy được một hai:

Tử-Lộ 子路

Tử-Lộ là vai tướng-quân mà học đạo trong cửa Khổng. Ông sở-tràng về nghề dụng-binh. Nước nào dùng ông, ông chỉ luyện binh ba năm là nước ấy

mạnh. Ông lại sở-tràng về nghề đoán-ngục. Phàm cái ngục-án khó giải-quyết đến đâu, ông chỉ phán-đoán bằng nửa lời nói thì cái ngục-án ấy giải-quyết xong.

Ông tên là Trọng-Do 仲由, người nước Lỗ, vốn là người tinh-nết thô bạo, ưa thích bề dũng-lực, chỉ-khi mạnh thắng, không chịu khuất người.

Khi mới bắt đầu tiếp-kiến đức Khổng, ông đầu đội mũ mào-gà là lối mũ kẻ vũ-nhân, tay chống thanh tràng-kiếm, thấy đức Khổng mặc lối nhà Nho, tỏ ý khinh-bí, toan sự uy-hiếp. Đức Khổng làm lễ khách chủ, tỏ ý cung-kính đem lời khuyên dỗ, nhưng ông chỉ-khi còn hăng-hái, đứng dậy tuốt gươm ra múa mà nói rằng:

— Những bậc quân-tử đời xưa, chắc cũng phải dùng gươm để làm cái vật tự-vệ đấy chứ?

Đức Khổng nói rằng :

— Bậc quân-tử ngày xưa, lấy điều trung-tín làm tính-chất, lấy điều nhân-nghĩa để giữ mình; học rộng biết nhiều, chẳng ra khỏi cái nhà một gian, mà biết việc ngoài nghìn dặm; thiên-hạ có kẻ bất thiện, thì dùng điều trung-tín cảm-hóa cho họ, có kẻ cường-lao thì đem điều nhân-nghĩa cổ-kết lòng họ, cày gì một thanh gươm, thanh gươm là cái mạnh của kẻ sắt-phu, trung-tín nhân-nghĩa mới là cái mạnh của người quân-tử.

Ông khi ấy mới tỏ ý cảm-phục mà nói rằng :

« Ngày nay mới được nghe lời ấy. »
Liền đặt gươm ngồi xuống thu-liễm vật áo để vâng chịu lời đức Khổng dạy.

Đến lần thứ hai, ông bỏ lối mặc vũ-nhân, mặc lối nhà Nho vào cửa Khổng, nhờ kẻ môn-nhân dẫn vào yết-kiến đức Khổng, xin làm học-trò. Đức Khổng hỏi rằng :

— Nhà người ưa thích sự gì ?

Ông thưa rằng :

— Do này bình-nhật chẳng ưa thích sự gì, chỉ ưa thích sự vũ-dũng.

Đức Khổng nói :

— Chẳng phải là ta muốn hỏi sự vũ-dũng của nhà người mà thôi đâu, là ý ta bảo rằng nhà người đã có cái sở-tràng về nghề vũ-dũng ấy, mà lại học-vấn thêm, thì người khác sao kịp được vậy.

Ông hỏi :

— Sự học-vấn có ích gì đấy không ?

Đức Khổng đáp :

— Ông vua không có quan sư-phó để dạy thì chính-sự đồ nát. Người sĩ không có bạn hiền để học thì kiến-vân hẹp-hòi, con ngựa kia phải theo dây cương thì mới hay, cày gỗ kia phải theo dây mực thì mới thẳng, người quân-tử chẳng khá chẳng học.

Ông lại cãi rằng :

— Kìa cây trúc ở Nam-sơn, chẳng đợi uốn mà tự-nhiên thẳng, dẫn về mà dùng làm cái tên, có thể bắn suốt được đa loài té-tượng, coi đó mà bàn, việc gì phải học.

Đức Khổng nói :

— Cái tên kia, vót đi cho nhẵn, mà cái lông cho nhẹ, bít đầu cho nhọn, mà mài đi cho sắc, thì khi bắn vào cái vật khác chẳng cùng được sáu bảy đũa ?

Ông từ đấy mới cúi đầu xin chịu đức Khổng dạy.

Đức Khổng thường bàn ông rằng :
« Chẳng sợ kẻ uy-vũ, chẳng khinh kẻ cô-hàn, lời ác chẳng nghe vào tai, bản-linh làm sao thì nói ra như vậy, tài khéo dụng-bình, ấy là cái nết người Do đó ; người ấy đã thịnh về đức võ, ta chỉ điều-hòa cho đức văn, thì có thể tiến mà làm bậc người hoàn-toàn vậy ».

Chính-thể đời Xuân-thu còn là chính-thể quí-tộc, cho nên những kẻ sĩ tài giỏi thường ra giúp việc cho quan đại-phu, làm chức Ấp-tề để cai-trị một ấp riêng, gọi là gia-lhần. Ông thường giúp việc cho họ Quí nước Lỗ, cai-trị ấp Phí. Họ Quí khi ấy chuyển quyền nước Lỗ, ấp Phí là ấp rất mạnh trong nước Lỗ, binh-quyền dân-quyền nước Lỗ dường như ở cả trong tay ông. Liệt quốc khi ấy giao-thông với nước Lỗ, chỉ mong được có lời ông ở một tiếng, thì hai nước không phải dùng đến sự uống máu ăn thề kết lập điều-ước nữa, vì ông là người tin, đã ở thì không sai.

Ông sắp-sửa đi làm chức đại-phu ấp Bò đến từ già đức Khổng, đức Khổng nói rằng : « Đất Bò nhiều kẻ trảng-sĩ khó cai-trị, nhưng ta bảo cho mấy điều : Cưng kính mà tin để gìn giữ đức mình, trung-tín mà khoan để bao-dung kẻ chúng, nghiêm-đoan mà mình để báo đền người trên ».

Kịp khi ông cai-trị đất Bò được ba năm, đức Khổng đi qua đất Bò, vào

đến cõi thì khen rằng : « Giỏi thay Do vậy ! làm được điều tin rồi ». Vào đến ấp thì khen rằng : « Giỏi thay Do vậy ! làm được điều khoan rồi ». Vào đến sân thì khen rằng : « Giỏi thay Do vậy ! làm được điều minh rồi ». Khi ấy ông Tử-Cống theo hầu ngự xe cho đức Không hỏi rằng :

— Thầy chữa trông thấy chính-sự người Do mà đã ba lần khen là giỏi, xin hỏi giỏi đó là thế nào ?

Đức Không nói rằng :

— Ta đã trông thấy chính-sự Do kia rồi. Vào đến cõi thì ruộng nương làm kỹ, cỏ rả chẳng rườm, ngôi lạch chỉnh-lẻ, chắc là Do kia làm được điều tin cho nên dân Sở hết sức vậy. Vào đến ấp thì tường nóc vững bền, cây cối xanh tốt, chắc là Do kia làm được điều khoan, cho nên dân Bồ không thói đơn-bạc vậy. Vào đến sân thì sân rất có vẻ thanh-nhàn, kẻ dưới đều theo phép, chắc là làm được điều minh, cho nên chính-sự chẳng phiền-nhiều vậy. Lấy đó mà xem thì dấu ba lần khen là giỏi cũng chưa hết được điều hay đâu.

Nghề đàn võn là nghề quan-hệ với tinh-tinh đạo-đức của nhà Nho ngày xưa. Ông học đàn trong cửa Không, tiếng đàn của ông nghe ra vẫn có tiếng sát-phạt kém bề thanh-hòa, đức Không từng răn rằng : « Tiếng đàn Do kia sao lại ở cửa Khuru này ! » Học-trò trong cửa Không vin lời ấy chẳng kinh ông, đức Không hiểu cho rằng : « Do kia học đạo đã lên đến cõi đạo rồi đây, duy chữa vào được chốn sâu mà thôi ».

Ông là người hiếu-dùng, cái khi cương-cường bất-khuất bao giờ cũng thường thấy hiện ra sắc mặt. Đức Không từng than rằng : « Do kia ỏi ! sau này chắc là chết về sự đồ máu ! »

Về sau ông từng làm gia-thần giúp việc cho một vị đại-phu nước Vệ là

Không Khôi. Nước Vệ khi đó có cái loạn Khoái-Hội với Công-Chiếu là hai cha con tranh nước nhau, bè-dã đánh giết lung-tung. Ông nghe Không Khôi ở trong thành bị nạn, bèn kíp đi vào cứu. Đi đến giữa đường gặp người bạn là Tử-Cao vừa ở trong thành đi ra can ông rằng :

— Bác trở về, bây giờ vào thành chỉ chịu lấy cái chết thôi, mà chết cũng vô-ích.

Ông nói :

— Người quân-lữ ăn lộc của người tất phải cứu nạn cho người. Rồi ông cứ đi, vào thì cửa thành đã đóng. Ông phải đứng chờ ở cửa thành hồi lâu, may gặp có sứ-giả ở ngoài vào, cửa thành mới mở, ông liền theo sứ-giả vào thành, thì Không Khôi đã bị vây ở trên đài cao. Ông toan lập mẹo đốt đài để cứu Không Khôi, bị loạn-dã xông lại đánh làm đứt chiếc dải mũ của ông, mũ ông bị lệch. Khi đó ông đã bị trọng-thương mà còn nói rằng : « Ta nghe người quân-lữ lúc chết chẳng đội mũ lệch ». Ông liền buộc lại chiếc dải, đội mũ cho ngay, chiếc dải mũ vừa buộc xong thì ông tắt nghĩ.

Câu truyện « Anh quan nhi tuyệt » và câu truyện « Dịch trách nhi thế » (1), hai câu truyện ấy đến nay còn thịnh-truyền trong giáo Không.

Trước kia đức Không nghe nước Vệ có loạn, ngài đã nói ngay rằng : « Ta có hai người học-trò đương làm quan ở nước Vệ là Sài (tức Tử-Cao) với Do. Sài kia vậy, chắc còn sống mà trở lại với ta, Do kia vậy, tất là chết mất ! » Sau quả-nhiên như lời ngài nói, vì ngài biết Sài có tính viên-thông, cần nhắc sự sống chết, Do một bề thủ-ngữ, coi sự chết như sự về. Song-le hai đường ấy cũng không trái ngược gì với đạo cả.

(1) Anh-quan nhi tuyệt = Buộc cái dải mũ cho ngay mà chết. Dịch-trách nhi thế = Thay cái nệm nằm cho hợp lẽ mà chết, tức là truyện ông Tăng-Sâm.

Nhan-tử 顏子

Nhan-tử là một vị đại-hiền đứng đầu khoa đức-hạnh trong cửa Khổng. Nguyên đức Khổng có đặt ra bốn khoa: khoa đức-hạnh, khoa ngôn-ngữ, khoa chính-sự, khoa văn-học, để dạy học-trò. Trong bốn khoa thì khoa đức-hạnh là đứng đầu, mà trong khoa đức-hạnh thì ông Nhan-tử lại là đứng đầu. Nhân-vật ông Nhan-tử kể là nhân-vật đệ-nhất trong cửa Khổng vậy.

Ông tên là Hồi 回, tên tự là Tử-Uyên 子淵, người nước Lỗ. Người cha là Nhan-Lộ, cha con hai đời đều là học-trò đức Khổng.

Ông là một nhà bán-sĩ học đạo, lại là một nhà tiểu-nông cấy ruộng. Đức Khổng thấy ông học rất giỏi mà nhà rất nghèo, từng khuyên ông rằng:

— Nhà nghèo, nơi ăn chốn ở ngặt-ngỏi lụp sụp, sao chẳng ra làm quan?

Ông thưa rằng:

— Hồi này có mấy thửa ruộng ở ngoài chân-thành đủ để cung-cấp sự hồ-cháo; có mấy thửa ruộng ở trong chân-thành đủ để cung cấp sự lơ-gai, gầy dân đủ để tự-thích, những điều học được ở cửa thầy đủ để tự vui, Hồi này chẳng nguyện-vọng ra làm quan vậy, Hồi này chỉ nguyện rằng xử cảnh nghèo cũng như xử cảnh giàu, xử cảnh hèn cũng như xử cảnh sang, không dùng-lực mà có uy-quyền, chung-thần không lo sợ, như thế có nên chăng?

Đức Khổng nói rằng:

— Thiện thay người Hồi vậy. Bậc người như thế là rất bậc.

Ngài từng khen ông rằng: « Hồi kia hiền thay! Một rổ cơm, một bầu nước, ở ngõ hẹp, người ta chẳng kham được sự lo mà Hồi kia vẫn vui. Hồi kia hiền thay! »

Người khác trong cửa Khổng thi-thư lục-ngệ, chẳng thiếu gì người trứ-danh, mà một mình ông trứ-danh về một rổ cơm, một bầu nước, trứ-danh

về cái ngõ hẹp mà làm thầy cho trăm đời, sẽ biết nhân-vật ông là thế nào.

Ông là người hiểu-học bậc nhất trong cửa Khổng, ông không những là người lạc-đạo an-bản, mà chính ông là người minh-tập lễ-nhạc. Thường khi ông có hỏi đức Khổng về cái phương-pháp trị nước, đức Khổng nói rằng: « Việc làm lịch thì theo chế-độ nhà Hạ, việc cưới xe thì theo chế-độ nhà Ân, việc mũ-miến thì theo chế-độ nhà Châu, việc âm-nhạc thì múa nhạc Thiệu ». Đó là đức Khổng chăm-chước tồn-tch việc lễ-nhạc của bốn đời để dạy ông.

Có một khi đức Khổng đi lên phía bắc chơi núi Nông-sơn, ông với ông Tử-Lộ, ông Tử-Cống, ba người cùng theo hầu, đức Khổng bảo rằng:

— Các người thử nói cái chí của mình ra, ta sẽ xét cho.

Ông Tử-Lộ tiến lên nói chí mình, đức Khổng khen rằng: « Hùng-dũng thay! »

Ông Tử-Cống lại tiến lên nói chí mình, đức Khổng khen rằng: « Minh-đạt thay! »

Duy ông thì lui xuống mà chẳng nói. Đức Khổng nói rằng:

— Hồi kia! Nhà người một không chi-nguyện gì ư?

Ông mới thưa rằng:

— Hồi này nguyện được đứng minh-vương thành-chúa mà mình phụ-tá, ban-bố cái giáo-hóa trong ngũ-luân, dạy dân về đường lễ-nhạc, khiến cho dân: thành-quách không phải sửa, ruộng ngòi không phải tranh, đem gươm-giáo đúc làm cây bừa, đem trâu ngựa thả về đồng ruộng, cửa nhà không có cái nạn lìa tan, nghìn năm không có cái vạ chiến-đấu, thì tưởng cái tài hùng-dũng của người Do bất-tất phải hiện-hành, cái tài minh-đạt của người Tử, bất-tất phải thi-thố vậy.

Đức Khổng tỏ ý kính-trọng mà khen rằng: « Tốt thay là lời thịnh-đức vậy ».

Những đức-hạnh tốt của ông ghi-chép ở mọi sách trong cửa Không nhiều lắm, kể ra cũng không xiết. Quí nhất là cái nốt « bất-nhi-quá », nghĩa là có lỗi thì đổi ngay, không để cái lỗi ấy phạm đến hai lần. Kìa những kẻ có lỗi phạm đến hai ba lần mà chưa chịu đổi, lại có kẻ cái lỗi phạm đến chung-thân mà vẫn chẳng chịu đổi, nghe cái phong-thói ông Nhan-tử, có biết hưng-khởi đấy chăng?

Ông sống được 32 tuổi thì mất. Khi ông mất đức Không khóc quá thương, thậm chí nói rằng: « Trời làm mất ta! Trời làm mất ta! » Là ý ngài tin rằng cái đạo của ngài, đã truyền-đức vào thân ông, trời làm mất ông, chẳng khác gì trời làm mất ngài. Học-trò kêu rằng ngài khóc quá thương, ngài đáp rằng: « Chẳng vì người ấy quá thương thì vì ai! »

Tử-Cống 子貢

Tử-Cống là một nhà ngôn-ngữ trứ-danh trong cửa Không, và là một nhà ái-quốc rất đặc-lực của nước Vệ và nước Lỗ, lại là một nhà tồ-sư cho những khách hợp-tung liên-hoành như bọn Tô Tần, Trương Nghi đời Chiến-quốc.

Ông họ là Đoan-Mộc 端木, tên là Tử 端木, người nước Vệ, học ở cửa Không có tài minh-đạt, đức Không truyền cho cái đạo nhất-quán, ngộ-hầu cùng ông Tăng Sâm tề-danh.

Ông từng sang du-lịch nước Tề, vào tiếp-kiến vua Cảnh-công. Vua Cảnh-công hỏi rằng:

— Nhà ngươi học ai?

Ông thưa rằng:

— Tôi học ông Trọng-Ni nước Lỗ.

Cảnh-công hỏi rằng:

— Trọng-Ni có phải là bậc hiền đấy không?

Ông nói rằng:

— Trọng-Ni là bậc thánh-nhân vậy, há những là bậc hiền mà thôi.

Cảnh-công hỏi:

— Trọng-Ni thánh thế nào?

Ông đáp:

— Tôi chẳng biết.

Cảnh-công nổi giận mà rằng:

— Trước kia nói Trọng-Ni là thánh-nhân, bây giờ nói là chẳng biết, thế là có sao?

Ông nói:

— Từ này chung-thân đối trời chẳng biết trời là cao, chung-thân đạp đất, chẳng biết đất là dày. Từ này thờ ông Trọng-Ni làm thầy mà học, ví như khát thì cầm gáo ra sông ra bể múc nước mà uống, đầy bụng mà đi, lại biết đâu sông bể là sâu vậy.

Cảnh-công rằng:

— Nhà ngươi há lại chẳng khen quá đấy ư?

Ông nói:

— Từ này sao dám khen quá, chỉ lo nói chưa đúng đấy mà thôi. Từ này mà khen Trọng-Ni ví như hai tay bưng hòn đất mà phụ thêm cho núi Thái-sơn, cũng không ích gì cho núi Thái-sơn vậy. Vì khiến chẳng khen ông Trọng ni, thì cũng ví như chỉ chấp hai tay vói núi Thái-sơn, cũng không thiệt gì cho núi Thái-sơn vậy.

Cảnh-công nói:

— Lời nói của nhà ngươi là phải lắm, có hẳn như thế chẳng?

Năm thứ 12 vua Ai-công nước Lỗ, tức là cuối đời Xuân-thu, nước Ngô đang cường-thịnh nhất, Ngô-vương là Phù-Sai nài-ép nước Vệ vào hội đồng-minh. Vệ-hầu phải sang nước Ngô để dự-hội. Không biết vì có sao nước Ngô lấy binh vây bọc cung-quán của Vệ-hầu, dường như có ý giam-bắt Vệ-hầu. Khi ấy ông chỉ làm một người si, thấy nước có nạn, vua bị nhục, đem lòng nghĩa-hiệp, tự mình mang một bó gấm đi sang nước Ngô vào yết-kiến quyền thần nước Ngô là Thái-tề Bì, nhân khi tiếp chuyện, nói đến duyên-cớ nước Vệ.

Thái-lê Bì rằng :

— Vệ-quân lại dự-hội chậm-trễ, quốc-quân ló lẩy làm lo-ngại, cho nên loan bắt giữ.

Ông nói :

— Vệ-quân đi dự-hội tất mưu-bàn với kẻ thù. kẻ thì muốn, kẻ thì không muốn, cho nên chậm-trễ. Những kẻ muốn đi là đồng thân-thiện với nước Ngô, những kẻ không muốn là đảng cừu-thù với nước Ngô. Nếu bắt giữ Vệ-hầu, thế là bỏ kẻ thân-thiện mà thêm kẻ cừu-thù. Nay muốn được lòng chư-hầu mà lại bắt giam Vệ-quân, hoặc-giả khó thành được nghiệp bá-chương ?

Thái-lê Bì mới tha cho Vệ-hầu về nước.

Khi đó có một kẻ cường-thần là Điền-Thường muốn làm loạn nước Tề để chuyển chính, nhưng còn sợ bốn nhà quý-tộc trong nước là bọn họ Cao, họ Quốc, họ Pháo, họ Ân, cho nên đem dân của bốn họ đi đánh nước Lỗ để giảm thế-lực của bốn họ. Quân nước Tề hiện đã tiến đến áp-bách biên-cảnh nước Lỗ. Đức Khổng nghe tin báo các học-trò rằng :

— Nước Lỗ là nước cha mẹ ta sinh ra ta, mồ-mả tổ-tiên ta ở đó, nay nước nguy như vậy, các người sao chẳng đi ra cứu nước ?

Ông Tử-Lộ xin ra, đức Khổng ngăn lại. Ông Tử-Trương, ông Tử-Thạch xin đi, đức Khổng không cho. Cuối cùng ông xin đi, đức Khổng cho đi. Ông mới sang nước Tề nói với Điền-Thường rằng :

— Quý-dại-phu đánh nước Lỗ là làm vậy. Ôi ! nước Lỗ là nước khó đánh, thành nước ấy mỏng và thấp, đất nước ấy hẹp mà nhỏ, vua nước ấy ngu mà bất-nhân, đại-thần nước ấy gian-ngụy mà vô-dụng, dân nước ấy lại chân-nân việc giáp-binh, chẳng nên cùng nước

ấy khai-chiến. Chẳng gì bằng đánh nước Ngô. Ôi ! nước Ngô thành cao mà đầy, đất rộng mà lớn, áo giáp bền mà mới, quân-sĩ khỏe-mạnh mà no-né, trọng-khí linh-bình ở cả trong ấy, lại có tướng giỏi để giữ nước, nước ấy dễ đánh vậy.

Điền-Thường âm-âm nổi giận nói rằng :

— Chỗ nhà người lấy làm dễ thì người ta lấy làm khó, chỗ người ta lấy làm khó thì người lấy làm dễ, đem điều vô-lý ấy bảo Thường này là cơ sao ?

Ông nói rằng :

— Tôi nghe có câu rằng sự lo ở trong thì đi đánh nước mạnh, sự lo ở ngoài thì đi đánh nước yếu, nay đại-phu sự lo ở trong, Tôi từng nghe đại-phu ba lần cử-sự mà ba lần chẳng thành, vì có bọn quý-tộc trong nước ngăn-trở vậy. Nay đại-phu phá nước Lỗ để làm rộng cho nước Tề, chiến-thắng để làm kiêu cho bọn quý-tộc, mà công-trạng của đại-phu chẳng dự gì hết thấy, mà bốn nhà quý-tộc kia họ chỉ thêm lòng ghen ghét, thế là trên làm kiêu cho chủ họ, dưới làm mạnh cho dân họ, muốn thành đại-sự thực khó lắm thay ! Đại-phu trên cùng chủ họ có hân-khích, dưới cùng dân họ giao-tranh, đại-phu đứng ở nước Tề sẽ có cơ nguy-hiểm, cho nên tôi nói chẳng gì bằng đánh nước Ngô. Nếu đánh nước Ngô mà thất-bại, thì nhân-dân bọn quý-tộc chết ở ngoài, thế-lực bọn quý-tộc yếu ở trong, trên không kẻ cường-thần đối-địch, dưới không kẻ dân-chúng nào ngang-trái, làm yếu bốn nhà quý-tộc để chuyển-chở nước Tề, chỉ ở trong thủ-đoạn của đại-phu vậy.

Điền-Thường khen rằng :

— Phải lắm ! Song quân ta chót đã đánh Lỗ, nếu dờ đi đánh Ngô thì bọn quý-tộc trong nước tất đem lòng ngờ ta thì làm thế nào ?

Ông nói rằng :

— Đại-phu cứ yên-lặng đóng quân, đừng đánh nước Lỗ, lời xin sang sứ nước Ngô, khiến nước Ngô dấy quân đi cứu nước Lỗ mà đánh nước Tề, khi đó đại-phu sẽ nhân-tiện đem quân mà đón đánh quân Ngô.

Diên-Thường nghe lời, khiến ông xuống phương Nam yết-kiến Ngô vương mà nói rằng :

— Tôi nghe có câu rằng : Vương-giả thì không dễ cho kẻ nào đến tuyệt-diệt, bá-giả thì không dễ cho kẻ nào là cường-dịch, đá mà chơi với trũng thì trũng tất vỡ. Nay nước Tề đã là một nước muốn cỗ xe, lại được thêm nước Lỗ là một nước nghìn cỗ xe để tranh-cường với nước Ngô, trộm lấy làm nguy-hiểm cho đại-vương vậy. Vả lại cứu nước Lỗ là một sự hiền-danh, đánh nước Tề là một sự đại-lợi, cứu nước Lỗ để được lòng bọn Tử-thượng chư-hầu, giết nước bạo-Tề để uy-phục nước cường-Tấn, lợi chẳng gì lớn hơn ; cịn lại nước Lỗ mà là phần danh, làm khốn nước Tấn mà là phần thực, kẻ tri-giả chẳng phải ngờ.

Ngô-vương là Phù-Sai nói rằng :

— Thực phải. Tuy vậy, ta từng chiến-thắng nước Việt, còn để nước Việt ở Cối-kê, Việt-vương vẫn có chí báo-thù ta, đợi ta đánh xong nước Việt đã, rồi sẽ nghe lời nhà người mà đi đánh Tề.

Ông nói rằng :

— Nước Việt dầu mạnh chẳng hơn được nước Lỗ, nước Ngô dầu cường chẳng hơn được nước Tề. Đại-vương nếu bỏ nước Tề mà đi đánh nước Việt, thì nước Tề đã diệt được nước Lỗ rồi. Vả chẳng đại-vương đang muốn làm việc danh-dự với chư hầu lại đi đánh nước Việt là nước nhỏ mà sợ nước Tề là nước mạnh, thì điều dừng ở đâu ? Nay tha cho nước Việt để báo chư-hầu biết mình là

nhân, cứu nước Lỗ đánh nước Tề, oai-lực kịp nước Tấn, chư-hầu tất rủ nhau về châu-phục nước Ngô, thì bá-nghiệp thành vậy. Nếu đại-vương tất-nhiên còn e-ngại nước Việt, thì tôi xin đi sang phía đông tiếp-kiến Việt vương, khiến Việt-vương phải đem quân đi theo nước Ngô, ấy thực là làm rõ ràng không nước Việt để chuyên-ý đi đánh nước Tề.

Ngô-vương cả đẹp lòng, mới khiến ông sang sứ nước Việt. Việt-vương là Câu-Tiền quét dọn đường-xá, ra khỏi quốc-đó đón ông, thân-hành đến lặn sứ-quán hỏi ông rằng :

— Nước tôi là nước man-di, có sao tiên-sinh lại chịu khó quá bước đến đây ?

Ông nói rằng :

— Hiện nay tôi đem sự cứu nước Lỗ đánh nước Tề báo Ngô-vương, chỉ Ngô-vương cũng muốn thế, nhưng lại sợ nước Việt mà nói rằng : « Đợi ta đánh nước Việt trước đã rồi sẽ đi đánh Tề, như vậy thì sự phá vỡ nước Việt đã tất-nhiên vậy.

Việt-vương là Câu-Tiền khấn-dầu tái-bái hỏi ông rằng :

— Quả-nhân từng chẳng lượng sức cùng Ngô-vương chiến-tranh, thôi-thóp ở đất Cối-kê, ngày nay chính-sách nên làm thế nào ?

Ông nói rằng :

— Ngô-vương là người mạnh-bạo tàn-ác, Ngũ Tử-Tư vì can vua bị chết, Thái-tề Bì dụng sự, chiêu lới vua để được lợi mình. Nay đại-vương nếu đem quân Việt giúp nước Ngô để chiêu lòng Ngô-vương, nhân lới hậu của để tôn lễ Ngô-vương, thì Ngô-vương tất-nhiên đi đánh Tề. Ngô-vương mà chiến bại, thì là cái hạnh-phúc của đại-vương đã dành, Ngô-vương mà chiến-thắng thì tất-nhiên đi sang uy-hiếp nước Tấn. Tôi xin đi sang báo nước Tấn, cùng hợp sức đánh nước Ngô, chắc làm yếu được

nước Ngô. Khi ấy đại-vương sẽ thừa-cơ quân Ngô suy-yếu mà cất quân vào đánh nước Ngô, chắc phá vỡ được nước Ngô.

Việt-vương cả bằng lòng nghe lời ông, sai bề-lôi là đại-phu Chung sang Ngô, khấu-đầu nói với Ngô-vương rằng: « Kề ngoại-thần ở đông-hải là Câu-Tiền, nghe đại-vương toan dấy đại-nghĩa, giết kẻ mạnh cứu kẻ yếu để giúp nhà Châu, xin đem hết sĩ-lốt trong nước 3000 người, Câu-Tiền này thân mặc đồ võ-trang để xông-pha chốn tiền-dạn.

Ngô-vương cả đẹp lòng, đem sự đó báo với ông mà hỏi rằng :

— Việt-vương muốn thân-hành theo quả-nhân đi đánh nước Tề, có nên nghe không ?

Ông nói rằng :

— Không nên. Lấy hết quân người, làm rỗng nước người, lại bắt vua người ta đi theo là bất-nghĩa, chỉ bằng chỉ dùng quân nước Việt mà cho vua nước Việt ở nhà giữ nước là hơn.

Ngô-vương nghe lời, mới từ-lạ Việt-vương, rồi thì đại-khởi chín quân quân Ngô đi đánh nước Tề. Khi đó ông lại tự nước Ngô trở về đi sang nước Tấn, báo vua Tấn rằng :

— Mưu nên định trước để đợi lúc lâm-thời, binh nên trị trước để phòng khi ứng-dịch. Nay nước Ngô đánh nước Tề, hễ bại thì nước Việt tất-nhiên nhiên-loạn ở mặt sau, hễ thắng thì nước Tấn tất bị uy-hiếp.

Vua Tấn cả sợ-hãi hỏi rằng :

-- Nay nên ứng-phó như thế nào ?

Ông nói rằng :

— Nước Tấn chỉ nên sắp-sẵn giáp binh để đợi cơ-hội.

Vua Tấn nghe lời. Rồi ông tự nước Tấn trở về nước Lỗ.

Ngô-vương quả-nhiên cùng nước Tề chiến-đấu ở đất Ngải-lăng, cả đánh được

quân Tề, bắt được bảy doanh-quân tướng nước Tề mà chẳng trở về, liền dấy quân uy-hiếp nước Tấn, cùng quân Tấn gặp nhau ở đất Hoàng-tri, nước Ngô nước Tấn còn đương tranh nhau yếu mạnh, Việt-vương dấy quân vào sông Giang đánh úp nước Ngô, đóng quân ở ngoài thành Cô-lô cách thành 7 dặm. Ngô-vương nghe tin bỏ nước Tấn kịp trở về, cùng Việt-vương đánh nhau ở hồ Ngũ-hồ, ba trận đánh đều thua cả. Cửa thành nước Ngô thất-thủ, quân Việt mới vây cung-diện nước Ngô, giết Ngô-vương và Thái-tể Bì. Việt-vương phá nước Ngô được ba năm, rửa sạch sỉ-thù, thành bá-nghiếp.

Về sau ông từng làm tướng nước Lỗ nước Vệ, nhà ông thường có nghìn vàng. Ông chỉ làm một người sĩ chỉ lấy ngôn-ngữ đi du-thuyết nước Tề nước Tấn nước Ngô nước Việt trong một thời-gian rất mau chóng, mà kết-quả nước Lỗ nước Vệ được an-toàn, nước Tề nước Ngô mất thói cường-bạo, nước Việt được hưng-bang, nước Tấn cũng được vô-sự, ông thực đã vẻ-vang là nhân-vật trong khoa ngôn-ngữ thời !

Tả Khuru-Minh 左丘明

Tả Khuru-Minh là một nhà đại-trước-thuật trong cửa Khổng mà mất lại lạ, ông là người nước Lỗ, nhưng ông nguyên là con cháu quan Tả-sử là Tả-Tướng nước Sở. Sách Tam-phần sách Ngũ-diên sách Bát-sắc sách Cửu-khư, lự thừu nhỏ ông đã lâu thông. Ông vào làm đệ-tử trong cửa Khổng, bình-nhật thân-cận đức Khổng, chỉ có sở-văn mà không có sở-kiến, vì ông có bệnh mục-mạnh. Khi đức Khổng làm xong kinh Xuân-thu, biết ông là người học-lực phi-thường, bắt đầu đem kinh ấy truyền cho ông khiến ông làm truyện để giải-thích nghĩa kinh. Vì trong cái thời-kỳ 242 năm hồi Đông Châu liệt-quốc ấy, nước có nhiều nước, việc có nhiều việc,

người có nhiều người, truyện có nhiều truyện, câu lấy một tay làm truyện để thích kinh, thì ông không ai đương nổi.

Ông trước-thuật ra có sách Tả-truyện và sách Quốc-ngữ, hai sách ấy đều là tinh-chất sử-học và tinh-chất văn-chương. Nói về tinh-chất sách Tả-truyện thì có chỗ theo kinh mà đoán-nghĩa cũng có chỗ khác kinh mà lập-truyện. Sách ấy rất có quan-hệ mật-thiết với kinh Xuân-thu, có kinh tốt phải có truyện, có truyện tốt phải có kinh.

Nói về sách Quốc-ngữ, thì trên tự đời vua Mục-vương nhà Châu, dưới đến vua Đạo-công nước Lỗ, chỉ ghi-chép những lời danh-ngôn của các bậc hiền đạt các nước mà thành sách, cho nên gọi là sách Quốc-ngữ. Sách ấy không quan-hệ với kinh Xuân-thu lắm, vì ông làm truyện Xuân-thu xong có lại-liệu thừa, ông mới làm thêm ra sách Quốc-ngữ, nhưng cũng là để phụ-vê cho kinh, cho nên cũng gọi là sách Xuân-thu ngoại-truyện.

Hai pho sách ấy đều là hai pho sách vĩ-dại phi-thường, mà về bề văn-chương cũng trác-tuyệt thiên-cổ. Đời sau cho rằng văn Tả-truyện, cùng với kinh Nam-hoa, sử Tư-mã, Li-tao Khuất-tử, đều là tuyệt-nghệ trong cổ-kim.

Ông tuy không tại-triều như bọn nhạc-quan là Sư-Trí, Sư-Tương, nhưng nước Lỗ có chính-sự lớn; vua nước Lỗ thường đem hỏi ông. Một hôm Lỗ-hầu muốn dùng ông Khổng-tử làm chức Tư-

đồ, sắp-sửa mưu với ba họ Hoàn (tức Mạnh-tôn Trọng-tôn Quí-tôn, ba nhà quyền-thần nước Lỗ), trước đem việc ấy hỏi ông. Ông thưa rằng :

— Khổng-tử là thánh-nhân vậy, muốn được thánh-nhân mà nhiệm-chính, thì ba họ Hoàn tất-nhiên bất-hợp mà chẳng xong.

Lỗ-hầu hỏi rằng :

— Nhà ngươi sao lại biết trước ?

Ông thưa rằng :

— Người nhà Châu khi xưa có kẻ ư-a áo cừ đẹp, mà thích ăn cỡ to. Chẳng hay muốn chế cái áo cừ thiên-kim mà cùng với con cáo mưu sự lấy da, muốn làm cỏ tam-sinh mà cùng với con dê mưu sự lấy thịt, nói chữa rút lời thì con cáo đã trốn vào trong gò sâu, con dê đã náu về chốn rừng xa. cho nên người nhà Châu năm năm chẳng chế xong cái áo cừ, mười năm chẳng làm xong một mâm cỗ. Vì cơ-sao ? Vì người nhà Châu sở-mưu đó là lừa-vậy. Nay nhà vua muốn triệu ông Khổng-tử mà mưu với ba họ Hoàn, chẳng khác gì cùng con cáo mưu việc chế áo cừ, cùng con dê mưu việc làm cỗ vậy.

Lỗ-hầu mới nghe lời ông chẳng nghị-sự với ba họ Hoàn, mà quả-quyết triệu đức Khổng-tử làm chức Tư-đồ, rồi lại dùng làm chức Đại-tư-không Đại-tư-khẩu. Nước Lỗ có thánh-nhân trị nước được ít lâu, cũng là bởi lời ông, mà lời ông thực cũng có thủ-vị.

TÙNG-VÂN



Công-văn về các việc cải-cách trong Triều-đình Huế

Một kỳ trước bản-chí đã thuật rõ về đầu đuôi việc cải-thiết tân-chính tại Triều-đình Huế ngày mồng 2 tháng 5 tây vừa rồi. Nhưng đó mới là đoạn khai-mạc của chính-cục mới. Kế-tiếp đó còn nhiều lớp quan-trọng nữa, lần-lượt di-ễn-xuất ra. Các lớp đó là những việc cải-cách về hành-chánh, về tư-pháp, về giáo-dục, về tài-chánh, về chánh-thê, về xã-hội, theo một cái chương-trình có trật-tự, có phương-pháp, mục-dích là gây nên một cái chánh-phủ Việt-Nam có thực-lực, có hiệu-quả, có giá-trị, có thể - thống, không đến nỗi mang tiếng là một cái triều-đình hủ-bại nữa.

Bản-chí cứ theo lệ thường, đứng về phương-diện khách-quan mà thuật các việc đó. Trước không gì bằng sưu-tập cả các công-văn thuộc về những việc cải-cách mới thi-hành ở Huế.

I

Cải-cách về hành-chánh

Triều-đình Huế mãi đến gần đây là gồm cả ở viện Cơ-mật. Viện Cơ-mật vốn là một cơ-quan để giúp vua mà bàn định các việc quân-cơ trọng-yếu. Hồi đầu không cứ là quan đại-thần mới được sung Cơ-mật ; quan tam tứ phẩm mà có mưu-lược, được vua tin, cũng cho dự bàn-bạc được. Song bao giờ quyền chủ-trương vẫn ở vua : Nguyễn-triều không hề có đặt Tề-tướng bao giờ.

Sau lần lần, từ khi đặt Bảo-hộ, quyền vua mỗi ngày một kém, viện Cơ-mật nguyên là một cơ quan tư-vấn, nghiêm-nhiên thành một cơ quan hành-chánh, các quan Thượng-thư đều là Cơ-mật đại-thần, nhiều khi trực-tiếp làm việc

với Bảo-hộ hơn là làm việc với vua. Nhưng vua vẫn còn cái danh-vị là cầm quyền chúa-tể. Mãi đến cuối đời Khải-định, Tiên-đế thấy trong người suy-yếu, không đủ sức tự chủ-trương việc nước, mới đặt ra chức Cơ-mật-viện-trưởng, giao cho quan Lại-bộ là cụ Phước-môn quận-công mới về hưu. Nhưng đó là một sự làm-thời-kiến-thiết chứ vốn trong cổ-chế nước Nam không có.

Hồi kịp đến khi Tiên-đế thăng-hà, kim-thượng còn ấu-xung, ký tờ hiệp-ước năm 1925, quyền hành-chánh Bảo-hộ đương lấy cá, đặt thêm ra chức Phụ-chánh-thần-thần để thay vì vua trong việc giao-thiệp cùng lễ-lự. Viện Cơ-mật bấy giờ, tuy có chức Viện-trưởng đó, nhưng cũng chẳng khác gì như một cái tiền-nha-môn phụ-thuộc với phủ Khâm-sứ vậy.

Nay Hoàng-đế đã trưởng-thành, về nước thân-chánh, tất phải định lại quyền-hạn cho phân-minh.

Hoàng-đế đã thân chánh thì chức Cơ-mật-viện-trưởng tất phải bãi. Cơ-mật-viện-trưởng đã bãi, thì viện Cơ-mật không thể là một cơ-quan hành-chánh nữa, mà lại trở lại thành một cơ-quan tư-vấn như xưa. Hoàng-đế làm chúa-tể đứng chủ-trương, Bảo-hộ làm cố-vấn đứng chỉ-bảo, các quan Bộ-trưởng Bộ nào phải có chức-chưởng Bộ ấy, quyền-hạn phải định cho phân-minh, trách-nhiệm phải có chỗ sở-cứ, không thể mô-hồ cầu-thả được.

Thượng-dụ ngày 23 tháng 5 tây tức là đề định rõ các chức quyền, việc gì thuộc Hoàng-đế tự tài-định, việc gì thuộc các Bộ phải chuyên-trách.

Dụ ngày 29 tháng 5 năm Bảo-đại
thứ 8 (23 Mai 1933)

Từ khi ta cầm lấy thiết-quyền chính-trị trong nước, ta xét rõ cách sắp-dặt và cách làm việc của các cơ-quan hành-chánh của Chính-phủ, thời ta thấy rõ ràng là tự-lai không có phương-pháp nhất-định để quyết-đoán các công-việc, tức như việc làm-thường đáng lẽ do các bộ sở-quan định-đoán lấy, mà cũng đem lâu hầu-tài. Các bộ ấy tự mình không biết rõ quyền-hạn của mình đến đâu, lắm khi tự cho mình như là một nha-môn truyền-dệ, không nhận trách-nhiệm và không dám dè-xuống việc gì; hễ gặp việc gì hơi quan-hệ đôi chút, là giao cho Cơ-mật để tạ-trách. Việc Cơ-mật là một hội-đồng, chứ không phải là một cơ-quan hành-chánh, mà cũng làm sai cái địa-vị chân-chính của mình, mà thành ra một cơ-quan chức-chưởng không rõ-ràng, lại xâm quyền của các bộ.

Tình-hình như vậy, không thể dè lâu mà khỏi bối-rối cho công-việc. Cách làm việc ấy đã quá chậm rồi, mà đề như vậy, thời lại làm chậm thêm, rồi cứu-cánh không sao mà định cho rõ ràng trách-nhiệm về đâu.

Trước khi thi-hành những việc cải-cách mà ta đương bàn-định với các quan Đại-diện của Bảo-hộ, ta nghĩ nên định cách-thức việc làm cho hẳn-hoai, để mà bỏ-cứu các tệ ấy và sửa-sang việc triều-chính cho có trật-tự, có qui-thức.

Vậy nên ta sắc cho Văn-phòng thương-đồng với tòa Khâm-sứ, bàn-định một cái tổng-tắc cho rõ-ràng để theo mà định-đoán công-việc. Cái tổng-tắc ấy chia ra làm ba lối :

I) Về quyền để dành tự ta thương-đồng với quan Khâm-sứ mà đặc-tài, về các việc gì hoặc do Văn-phòng trực-tấu, hoặc do Bộ nào tâu lên.

2) Về quyền tài-đoán sau khi có ý-kiến Hội-đồng Thượng-thư.

3) Về quyền giao cho các bộ định-đoán lấy, rồi tâu đồng-tất.

Ta đã sắc làm mấy bản liệt-biểu kê rõ những việc gì để dành về quyền ta đặc-tài, và việc gì sẽ định-đoán sau khi có ý-kiến Hội-đồng Thượng-thư, hay là do các Bộ tự định-đoán lấy.

Các bản liệt-biểu ấy dính theo Dụ này, định rõ chức-chưởng từng cơ-quan của Chính-phủ, sau này có thể sửa-dổi hay bỏ khuyết cho đủ, nhưng theo công-việc kê vào đó, thời cũng đã đủ có mấy cái nguyên-tắc đại-khái như sau này :

I — Các bộ từ nay không phải là nha-môn truyền-dệ, không trách-nhiệm, không sáng-kiến, như bây giờ nữa, mà thiết là những cơ-quan chịu trách-nhiệm, có chức-chưởng phân-minh, có quyền-hạn rõ-ràng, ở dưới quyền của Vua và quan Khâm-sứ.

II — Cơ-mật là một Hội-đồng, chứ không phải là một Cơ-quan hành-chánh vị-trí lên trên các Bộ khác, để xâm quyền các bộ đầu. Tự-lai viện ấy đồng âm cơ-quan tập-trung và liên-lạc với các Bộ. Phần việc ấy, từ nay về sau giao về phần Ngự-liên Văn-phòng. Theo nghĩa thiết, thời Cơ-mật là Hội-đồng do ta tự chủ-trương, tức là chỗ xu-jếu để bàn việc quân-quốc lớn-lao của Triều-đình, như là thể-lệ xưa đã giải-thích rõ-ràng vậy. Hễ khi các quan Thượng-thư hội-nghị do quan Khâm-sứ chủ-tọa, tức là « Hội-đồng Thượng-thư » hay kêu là « Hội-đồng cải-cách », để duyệt xét những việc gì quan-hệ của các Bộ trình, trước khi tâu lên ta tài-đoán hay là chuẩn-y.

III — Theo chánh-thể nguyên-định trong nước, thời Vua có thiết-quyền giám-đốc hết thảy sự-vụ Triều-đình. Quyền ấy, Vua tự cầm lấy, hay là ủy giao cho các bộ. Hành-dụng quân-

quyền về phần lập-pháp hay là phần hành-chánh, thời có các biểu-hiệu sau này :

10 — *Dụ* là các lời phán-định pháp-luật về phần lập-pháp và thể-lệ công-đồng vĩnh-viễn, ban-bố thi-hành chung cho cả nước, và định các điều-khoan trừng-phạt những người trái-phép ;

20 — *Sắc* là những giấy tờ đặt ra thể-lệ bổ-buộc phải theo trong phần hành-chánh, và cũng có thể định cách trừng-phạt ;

30 — *Chỉ* là các mạng-lệnh của Vua về phần hành-chánh để quyết-đoán những việc gì không phải dùng đến *Dụ* hay *Sắc*.

Các quan Thượng-thư bộ-trưởng là người ủy-quyền của Vua, được tùy theo phạm-vi chức-chưởng của mình mà làm các giấy tờ sau này :

10 — *Nghị-định* là những bản quyết-nghị của các quan Thượng-thư tùy theo phạm-vi chức-chưởng của mình mà nghĩ-định công-vụ, có ý bổ-buộc những quan-lại thuộc về dưới quyền mình và nhân-dân phải tuân-theo. Trong nghị-định phải kê rõ vì lẽ gì, hay là tuân theo *Dụ*, *Sắc* hay *Chỉ* nào mà làm các nghị-định ấy.

20 — *Thông-tư* là những lời của các quan bộ-trưởng chỉ vẽ cho các người làm việc dưới quyền mình về các sự-vụ thuộc quyền của Bộ.

Sau nữa, hành-dụng và thi-hành các *Dụ*, *Sắc* và *Chỉ*, thời có *Điều-lệ* hay là *Quy-tắc*, do hội-đồng Thượng-thư bân-định, rồi trình lên ta chuẩn-y khi giữa hội-nghị Cơ-mật, hay là ngoài khi hội-nghị Cơ-mật, tùy ý ta.

Dụ, *Sắc*, *Chỉ* với *Điều-lệ* và *Quy-tắc*, đều do quan Khâm-sứ ký nhận rồi mới thi-hành.

IV — Muốn theo cho đúng nguyên-tố quân-quyền, ta lại giữ lấy quyền đem ra xét lại những việc mà các Bộ

sở-quan đã cứu-xét định-doán rồi, nhưng việc gì đã thi-hành rồi thời quyền xét lại đó, chỉ hạn trong sáu tháng, kể từ ngày thi-hành làm đầu.

Ấy là những điều quan-yếu ta muốn thân-định cho rõ-ràng để ban-bố cải-tổng-tắc mới này :

Trước khi bày ra việc mới, thời phải sắp-đặt cho hẳn-hoai việc cũ đã. Trước khi nghĩ-định việc cải-cách lớn-lao, thời phải chỉnh-đốn việc hành-chính hiện-thời cho có trật-tự đã.

Ấy là mục-đích của ta theo mà sửa cho đúng các cơ-quan hành-chính của Triều-đình.

Khâm-thử.

Liệt-biểu các sự-vụ để dành Hoàng-đế đặc-tài

1) Quyền đem ra tái-thăm hết thấy các việc chánh-trị và án-kiện đã có cơ-quan chuyên-trách cứu-xử rồi. Việc gì mà đã định-doán rồi, thời quyền tái-thăm ấy hạn là 6 tháng, kể từ ngày lục ra thi-hành. Việc gì đem xét lại, có thể thương-dồng với quan Khâm-sứ mà cải nghĩ.

2) Chuẩn y những *Dụ*, *Sắc*, *Chỉ*, *Điều-lệ* và *Quy-tắc* sau khi do Cơ-mật soạn nghĩ và đã do Hội-đồng Thượng-thư bân-định rồi.

Ngoài các khoản trên này, lại có các sự-vụ khác để dành Hoàng-đế đặc-tài, tùy theo tính-cách mà chia ra các hạng sau này :

- A — Việc hình-án.
- B — Việc hành-chánh.
- C — Việc tài-chánh.

A — Việc hình-án

Việc tư-pháp do quan Thượng-thư bộ Tư-pháp thay mặt Hoàng-đế, và do các quan chức có Hoàng-đế ủy-nhiệm cho mà làm.

1) Hoàng-đế giữ lấy toàn cả quyền gia-ân miễn-tử cho các tù-phạm bị án tử-hình của bộ Tư-pháp tâu sau khi đồng-ý với quan Khâm-sứ.

2) Hoàng-đế chuẩn-y các khoản áu-xá, (thích, giảm, cải tội-danh, huyền-án, tha về giao-quản) cho các tù-phạm khi gặp các lễ chính và có ghi trong lịch tây và lịch nam, hay là gặp khi có lễ-tiết đặc-biệt mà bộ Tư-pháp tâu xin sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ.

B — Việc hành-chánh

1) Bỏ dụng và cho về hưu các quan Thượng-thư, quan Tôn-nhân đại-thần, quan Nghi-lễ đại-thần, và các ấn-quan ở Ngự-tiền văn-phòng và ở Đại-nội. Tái-định về cách vị-trí từng chánh mà án-bổ điều-dụng các quan-chức ấy.

2) Bỏ-dụng, thăng-trật, thuyên-chuyển, truất-giáng, trừng-phạt, án-bổ, cho về hưu-trí vì dưng hạn, hay trước khi dưng hạn, hay vì giảm-ngạch, cho ra đổi-chất trước hội-đồng Thăm-vấn, những ấn-quan, theo lời trần-thỉnh của bộ sở-quan, sau khi có ý-kiến Hội-đồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đồng-ý.

3) Cho ra đổi-chất trước các tòa-án trong nước, những ấn-quan và thuộc-quan, theo lời trần-thỉnh của bộ sở-quan sau khi có ý-kiến của hội-đồng Thượng-thư, và ra đổi-chất trước hội-đồng Thăm-vấn về chính-trị để thăm-định về sự-tình của các quan ấy, sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ.

4) Tuyển-dụng các quan chức dự-sung các hội-đồng đã định trong quan-viên qui-trình, theo lời trần-thỉnh của bộ sở-quan, sau khi có ý-kiến hội-đồng Thượng-thư và thương-đồng với quan Khâm-sứ.

5) Nhưng-lưu các quan Thủ-hiến các tỉnh (Tổng-đốc, Tuần-vũ, Phủ-doãn) tuổi đã quá lệ-hưu, theo lời trần-thỉnh

của bộ Lại, sau khi có ý-kiến của hội-đồng Thượng-thư và thương-đồng với quan Khâm-sứ.

6) Án-bổ, thăng-trật, thuyên-chuyển, trừng-phạt, cho về hưu vì dưng hạn hay trước hạn, hay vì giảm-ngạch, cho ra đổi-chất trước hội-đồng Thăm-vấn về chính-trị, các thuộc-quan mà chức-chương có quyền, theo lời trần-thỉnh của bộ Lại, sau khi có ý-kiến hội-đồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đồng-ý.

7) Cho các ấn-quan cáo-giã và giả-bạn và cho các quan Phủ-Huyện cáo-giã quá 30 ngày.

8) Thuyên-bổ, thăng-trật, cho về hưu và trừng-phạt các thuộc-quan và thuộc-viên-dịch Ngự-tiền Văn-phòng và ở Đại-nội, do bộ Lại tâu thỉnh và đã thương với quan Khâm-sứ ý-hiệp.

9) Đặt thêm hay giảm bớt các ấn-chức, theo lời trần-thỉnh của bộ sở-quan, sau khi có ý-kiến hội-đồng Thượng-thư và thương-đồng với quan Khâm-sứ.

10) Định ngạch ấn-quan và thuộc-quan, theo lời trần-thỉnh của bộ sở-quan, sau khi đã có ý-kiến hội-đồng Thượng-thư và thương-đồng với quan Khâm-sứ.

11) Bỏ-dụng, thăng-trật, cho về hưu và trừng-phạt, cho ra đổi-chất trước hội-đồng Thăm-vấn, các quan Võ-ban và ngạch Kiểm-nghi từ hàm 3-2 trở lên, theo lời trần-thỉnh có chỉ rõ duyên-cớ của bộ Lại và bộ Nghi-lễ sau khi đã có ý-kiến hội-đồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đồng-ý.

12) Tuyển-dụng các quan viên ở các ngạch khác theo thể-lệ tạm-thời trong quan-viên qui-trình mới, theo lời trần-thỉnh của bộ Lại và thương-đồng với quan Khâm-sứ.

13) Cách chức các viên-dịch sau khi có ý-kiến của bộ sở-quan và thương-đồng với quan Khâm-sứ.

14) Ban thưởng huy-chương, phong tước, và thưởng vinh-hàm từ chánh-ngũ-phẩm ấn-hàm trở lên, phong tặng. Các khoản ấy sẽ thương-chiếu với quan Khâm-sứ.

15) Thay đổi giới-hạn các tỉnh và các địa-phương hành-chánh, theo lời trần-thỉnh của bộ Lại sau khi có ý-kiến hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đồng ý. Dời đổi các lý-sở hành-chánh cũng theo thể-lệ trên này.

16) Chuẩn-y việc đặt thêm, giảm bớt, hay sáp-nhập các hương-thôn, theo lời trần-thỉnh của bộ Tài-chánh, sau khi có ý-kiến của hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đoán-hứa.

17) Chức-chương và hành-lễ về lễ-lễ định theo lệ thường và phong-tục, theo lời trần-thỉnh của bộ Lễ-ngiht.

18) Ban sắc Thuần, theo lời trần-thỉnh của bộ Lễ-ngiht (tiết 14 về chức-chương của bộ Lễ-ngiht).

19) Kiến-trúc và tu-bổ Cung Điện và Hoàng-gia. Trừ nghĩ các việc ấy, về phần chuyên-môn thời do bộ Công-tác, về phần tiền bạc thời do bộ Tài-chánh. Hai bộ ấy hội nhau bàn định mà thương với quan Khâm-sứ ý-hiệp rồi, thời dâng phiên trầu-thỉnh. Việc làm thời do bộ Công-tác coi ngó và chịu trách-nhiệm, và do quan Cố-vấn chuyên-môn bộ Công-tác đồng-ly.

20) Chuẩn thưởng vinh-hàm do bộ Công-tác tâu xin, sau khi có ý-kiến hội-dồng Thượng-thư, theo như thể-thức định trong tiết 8 về chức-chương của bộ ấy.

21) Chuẩn thưởng vinh-hàm do bộ Lễ-ngiht tâu xin theo như thể-thức định trong tiết 9 về chức-chương của bộ ấy.

22) Chuẩn thưởng vinh-hàm do bộ Lại tâu xin, theo như thể-thức định trong tiết 20 về chức-chương của bộ ấy.

23) Chuẩn thưởng vinh-hàm và huy-chương do bộ Quốc-dân giáo-dục tâu

xin, theo như thể-thức định trong tiết 12 và 13 về chức-chương bộ ấy.

24) Chuẩn thưởng vinh-hàm và huy-chương do bộ Tư-pháp tâu xin theo như tiết 9 và 10 về chức-chương của bộ ấy.

25) Chuẩn-y những việc kê trong :
— tiết 13 và 19 chức-chương của bộ Lại ;

— tiết 3, 9, 11, 12 về chức-chương của bộ Giáo-dục ;

— tiết 2 chương B, tiết 1 và 3 chương D về chức-chương của bộ Tài-chánh ;

— tiết 2, 5, 6, 9, 10 về chức-chương của bộ Tư-pháp ;

— tiết 5 và 8, về chức-chương của bộ Công-tác ;

— tiết 6, 9, 14, 16, 17, về chức-chương của bộ Lễ-ngiht.

C. — Việc tài-chánh

1) Chuẩn-y cả toàn-thể ngân-sách Nam-triều, sổ kế-toán đồng niên ; sổ xuất-nạp đồng-niên của kho Lưu-hạ và kho lưu-bổng, và các khoản thay đổi trong ngân-sách đương giữa niên-độ, theo lời bộ Tài-chánh trần-thỉnh, sau khi đã có ý-kiến hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đồng-ý.

2) Đặt thuế chánh-cung mới, thêm hay bớt thuế hiện-thời, theo lời trần-thỉnh của bộ Tài-chánh sau khi có ý-kiến hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đồng-ý.

3) Chuẩn-y việc thêm hay bớt lương-bổng và gia-cấp của quan-viên. Định số lương-bổng cấp cho các quan-viên mới, theo lời trần-thỉnh có nói duyên-cớ rõ-ràng của bộ Lại và bộ Tài-chánh, sau khi có ý-kiến của hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đồng-ý.

4) Chuẩn-y việc quản-ly và thi-hành phần ngân-sách giao cho Văn-phòng về các khoản chi-tiêu tại Đại-nội.

5) Chuẩn-y các khoản chi-tiêu không định ngạch và thuộc về lâm-thời, theo

lời trần-thỉnh có chứng rõ của bộ Tài-chánh và quan Khâm-sứ đã doãn-hứa.

Liệt-biểu chức-vụ của Hội-đồng Thượng-thư

Cách nghị-sự của Hội-đồng Thượng-thư

1) Hội-đồng Thượng-thư do quan Khâm-sứ, là Thủ-hiến Ckính-phủ Bảo-hộ làm chủ-tọa, khi nào cần nhóm thời triệu-tập.

2) Hội-đồng Thượng-thư bàn định những vấn-đề đã kê trong chương-trình hội-ng nghị, hay là những vấn-đề gì mà quan Khâm-sứ tỏ bày khi giữa buổi hội-ng nghị đề mà bàn định.

3) Chương-trình hội-ng nghị do quan Khâm-sứ định trước rồi do quan Cố-vấn bộ Lại gửi cho quan Tham-tá hội-đồng Thượng-thư (nguyên trước là Thượng-tá Cơ-mật). Quan Tham-tá đem chương-trình ấy trình với các quan Thượng-thư. Còn quan Nghị-trưởng viện Dân-biêu, thời do quan Cố-vấn bộ Lại báo-cáo.

4) Hội-đồng Thượng-thư hội-ng nghị đều bí-mật cả.

5) Các kỳ hội-ng nghị của Hội-đồng Thượng-thư đều có biên-bản do quan Cố-vấn bộ Lại và quan Tham-tá làm. Quan Khâm-sứ ký trước bản-thảo biên-bản, rồi do quan Cố-vấn gửi cho quan Tham-tá. Quan Tham-tá đem trình với các quan Thượng-thư có dự hội ký tên. Các quan Thượng-thư ký rồi hay muốn thêm-thắt sửa đổi gì, thời đình theo mà trả bản-thảo lại cho quan Tham-tá, trong hạn mười ngày sau khi tiếp-nhận, đề lâu quá thời cho là việc đã qua rồi. Bản biên-bản xác-định kể cả lời sửa đổi, do quan Cố-vấn bộ Lại làm, hễ có thay đổi chi nữa, thời phải đem trình quan Khâm-sứ ký lại rồi do quan Cố-vấn lục-ra nhiều bản giao quan

Tham-tá đệ trình các quan Thượng-thư. Quan Cố-vấn bộ Lại, lại gửi riêng một bản cho quan Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý đại-thần để chuyển tâu lên Hoàng-đế đồng giám.

Chức-chương của Hội-đồng Thượng-thư

Hội-đồng Thượng-thư có chức-trách như sau này :

- A — Chức-trách tài-phán.
- B — Chức-trách công-pháp.
- C — Chức-trách hành-chánh.

A. — Chức-trách tài-phán

Hội-đồng Thượng-thư do quan Khâm-sứ chủ-tọa, làm thành "Tòa án xử việc tranh quyền-hạ", để xử định quyền-hạ từng cơ-quan của Nam-triều, mỗi khi có chuyện gì khó-khẩn xảy ra, và định qui-tắc về chức-chương của các bộ, rồi đến kỳ hội-ng nghị Cơ-mật, các quan Thượng-thư phải tâu lên Hoàng-đế đồng-tất. Hoàng-thượng có thể, tùy theo khi đùng Dụ, Sắc, hay Chỉ, mà chuẩn-y những điều quyết-ngị đã đồng-y với quan Khâm-sứ.

B. — Chức-trách công-pháp

1) Nghị-định và soạn thảo các dạng-bản Dụ, Sắc hay Chỉ, Điều-lệ hay Qui-tắc và những điều mà Hoàng-đế hay quan Khâm-sứ muốn thay đổi trong luật-lệ hiện đương hành dụng, các việc ấy là ở ngoài phần khảo-cứu những việc cải-cách lớn-lao đang khác.

Cách làm :

Các bản dạng-bản ấy do quan Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý Đại-thần đệ tâu lên Hoàng-đế. Nếu trước khi chuẩn-y, Hoàng-đế có chỉ-trích chỗ nào, hay là muốn Sắc ra khảo xét một lần nữa, thời quan Tổng-lý đại-thần thương lại với quan Khâm-sứ biết. Đến

kỳ hội-nghị kể theo đó, quan Khâm-sứ đem ra bàn lại với các quan Thượng-thư. Rồi quan Tổng-lý Văn-phòng đại-thần đem phúc-tấu lên Hoàng-thượng. Các khoản ấy, nếu ý Hoàng-thượng muốn Sắc đem ra bàn lại khi giữa hội-nghị Cơ-mật cũng được.

Các Dự, Sắc, Chỉ, Qui-tắc hay là Điều-lệ mà Hoàng-thượng đã chuẩn y rồi, đều có quan Khâm-sứ ký nhận mới thi-hành.

2) Khảo-cứu các việc cải-cách mà Hoàng-thượng thương đồng với quan Khâm-sứ.

Cách làm :

a) Hội-dồng Thượng-thư nhóm làm hội đồng cải-cách do quan Khâm-sứ chủ-tọa với quan Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý đại-thần làm điều-tra Tổng-ủy-viên.

b) Quan điều-tra Tổng-ủy-viên có thể yêu-cầu cử thêm một hay là nhiều quan Thượng-thư khác làm chuyên-ủy-viên để khảo-cứu những vấn-dề đích-xác hay là những điều tương-tế về việc cải-cách mà riêng về phần chức-chương của các quan Thượng-thư ấy.

c) Quan Tổng-ủy-viên và các quan chuyên-ủy-viên kiểm cho đủ tài-liệu cần-thiết, dò hỏi ý-kiến và giao-tiếp luôn với quan Cố-vấn bộ Lại, và các quan cố-vấn chuyên-môn khác — Quan Cố-vấn bộ Lại bày tỏ ý-kiến và đem trình hỏi ý quan Khâm-sứ có ưng y hay là chỉ bác điều gì không.

d) Các quan chuyên-ủy-viên dự thảo mỗi quan một bản sơ-dịnh dạng-bản, đem trình với quan Tổng-ủy-viên. Quan Tổng-ủy-viên nhân theo công-việc sơ-dịnh ấy mà dự thảo một bản sơ-dịnh tổng-dạng-bản. Bản sơ-dịnh tổng-dạng-bản ấy gửi cho quan Cố-vấn bộ Lại để trình hỏi ý quan Khâm-sứ có ưng y hay là chỉ bác gì không.

e) Đến một kỳ hội-nghị kể theo đó, quan Khâm-sứ đưa bản sơ-dịnh dạng-bản ấy ra Hội-dồng Cải cách bàn định. Trong giữa lúc hội-nghị ấy, quan Điều-tra Tổng-ủy-viên bày tỏ diễn giải bản nguyên-văn, ghi những lời dị-nghị hay là điều xin sửa đổi và lời quyết-nghị của Hội-dồng Cải-cách.

f) Bản sơ-dịnh dạng-bản ấy do quan Điều-tra Tổng-ủy-viên và các quan chuyên-ủy-viên sửa lại theo như lời đã quyết nghị. Xong rồi, quan điều-tra Tổng-ủy-viên gửi cho quan Cố-vấn bộ Lại để hỏi ý-kiến và trình hỏi ý quan Khâm-sứ ưng-thuận hay chỉ-trích điều gì. Đến kỳ hội-nghị sau (Hội-dồng Cải-cách) bản dạng-bản nghị về việc cải-cách đã khảo-cứu rồi đó, sẽ quyết định cho xong, rồi do quan Văn-phòng Tổng-lý đại-thần làm phiên-dăng lên Hoàng-thượng triệu-tập hội-nghị cơ-mật để xét mà làm Dự.

g) Quan Văn-phòng Tổng-lý đại-thần phụng biên những lời chỉ-trích của Hoàng-thượng sau khi xét bản dạng-bản ấy. Hoàng-thượng có muốn sắc đem bản dạng-bản ấy giao Hội-dồng Cải-cách bàn định thì cũng được,

h) Tờ phụng biên lời truyền-phán của Hoàng-thượng do quan Tổng-lý đại-thần thương giao quan Khâm-sứ, rồi đến kỳ hội-nghị sau, sẽ thương đồng với quan Khâm-sứ đem trình với Hội-dồng cải cách. Hội-dồng bàn định sửa đổi lại bản dạng-bản xác-dịnh ấy rồi do quan Điều-tra Tổng-ủy-viên đến kỳ hội-nghị Cơ-mật phúc-tấu lên Hoàng-thượng.

i) Khi Hoàng-thượng và quan Khâm-sứ đã đồng-ý rồi, quan Điều-tra Tổng-ủy-viên sẽ làm dạng-bản Dự-ngũ đem trình với Hội-dồng Thượng-thư, rồi dâng lên Hoàng-đế giữa kỳ Hội-nghị Cơ-mật. Khi ấy Hoàng-đế chuẩn cho việc cải cách và y bản Dự-ngũ. Dự ấy

dem thi-hành sau khi quan Khâm-sứ k^o nhận,

Phụ chú. — a) Quan Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý đại-thần sung cả chức điều-tra Tổng-ủy-viên Hội-đồng Cải-cách nên phải tâu lên Hoàng-thượng biết những điều tiến-hành trong công việc làm và tình-hình về vấn-đề đang bàn định thế nào. Trong giữa khi đang bàn định. Hoàng-thượng có muốn truyền lời chỉ-thị gì, thời quan Tổng-lý đại-thần đệ thương với quan Khâm-sứ và chuyển truyền cho Hội-đồng cải-cách.

b) Cách làm về việc tu-luật và việc lập pháp thời hội-đồng Thượng-thư theo lời đệ-thương của quan Khâm-sứ, đã quyết-nghị từ trước, và Hoàng-thượng cũng đã chuẩn-y rồi nay đề y như cũ vì là phần cải cách ấy thuộc về chuyên-môu. Quan Thượng-thư bộ Tư-pháp chuyên về việc khảo-cứu và thiết-hành khoản cải-cách ấy, có quan Tổng-Trưng-sư Luật-khoa Cổ-vấn giúp đùm. Quan Tổng-lý đại-thần tâu lên Hoàng-đế đồng-tất việc tiến-hành về phần cải-cách ấy thế nào, và Hoàng-đế có truyền phán chỉ-thị điều gì, thời bày tỏ cho quan Khâm-sứ và Hội-đồng Thượng-thư với quan Luật-khoa cổ-vấn biết.

3. — Khảo-cứu các vấn-đề của bộ nào hay là của viện Dân-biểu trần-thỉnh, sau khi Hoàng-đế đoãn-hứa.

4. — Khảo-cứu các vấn-đề của quan Khâm-sứ đệ-thương.

Cách làm về tiết 3 và 4.

a) Nếu việc gì quan-thuộc nhiều bộ, thời quan Khâm-sứ hay là quan Nghị-trưởng viện Dân-biểu giao cho quan Tham-tá Hội-đồng Thượng-thư (nguyên trước là Thương-tá Cơ-mật; dem trình với hội-đồng Thượng-thư; nếu việc gì chỉ thuộc về một bộ nào thôi, thời lại chỉ thương giao cho bộ ấy.

b) Quan Tham-tá Hội-đồng, quan Thượng-thư trần-thỉnh, hay là quan Thượng-thư tiếp-giao, thương-thuyết với quan Cổ-vấn sở-quan. Quan Cổ-vấn bày tỏ ý-kiến và hỏi ý quan Khâm-sứ ưng-thuận hay là chỉ-trích về lời phúc-đáp của quan hay là các quan Thượng-thư ấy.

c) Nếu vấn-đề gì mà có quan-hệ đặc-biệt thời dem biên vào chương-trình kỳ hội-nghị Thượng-thư kể theo đó.

d) Những điều quyết-nghị của Hội-đồng Thượng-thư, do quan Tổng-lý đại-thần tâu lên Hoàng-đế đồng-tất. Những điều quyết-nghị ấy có thể đem làm ra dạng-bản Dự, Sắc, Chỉ, Điều-lệ hay là Qui-tắc, do quan Tổng-lý đại-thần soạn nghĩ trước khi Hội-nghị Thượng-thư nhóm lại mà bàn.

C — Chức-chương hành-chánh.

1) Khảo-cứu các vấn-đề gì đã định là phải có ý-kiến hội-đồng Thượng-thư:

— Tiết 2, 12 và 14 về chức-chương bộ Lại;

— Tiết 2, 3, 11 và 12 về chức-chương bộ Giáo-dục.

— Tiết 3, 6 và 12 chương A; tiết 1 và 2 chương B; tiết độc-nhất chương C; tiết 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8 chương D về chức-chương bộ Tài-chánh;

— Tiết 2 về chức-chương bộ Tư-pháp;

— Tiết 2 và 8 về chức-chương bộ Công-tác.

— Tiết 6 và 12 về chức-chương bộ Lễ-ngự.

2) Xét toàn-thể cả ngân-sách Nam-triều, sổ kê-toán đồng-niên; sổ xuất-nạp đồng-niên của kho Lưu-hạ và kho Hưu-bổng, và các khoản thay đổi trong ngân-sách đương giữa niên-độ, theo lời trần-thỉnh của bộ Tài-chánh sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa, và trước khi bộ Tài-chánh tâu lên Hoàng-thượng chuẩn-y. (Tiết thứ 1 chương C về sự-vụ đề dành quyền đặc-tài của Hoà-ng-đế).

3) Cho ý kiến về các phần Ngân-sách của các bộ sở quan trình.

4) Xét việc đặt thuế chính-cung mới, thêm hay bớt ngạch thuế chính-cung hiện-thời, theo lời trần-thỉnh của bộ Tài-chính sau khi quan Khâm-sứ doãn-hứa và trước khi tâu lên Hoàng-đế chuẩn-y (tiết 2 chương C về sự-vụ để dành quyền đặc-tài của Hoàng-đế).

5) Xét việc thêm hay bớt lương-bổng của quan-lại theo lời trần-thỉnh của bộ sở-quan và bộ Tài-chính sau khi quan Khâm-sứ doãn-hứa và trước khi tâu lên Hoàng-đế chuẩn-y (tiết 3 chương C về sự-vụ để dành quyền đặc-tài của Hoàng-đế).

6) Định các khoản phụ-cấp, khấu bạc nhà thương, quyền vận-tải, lộ-phí, theo lời trần-thỉnh của bộ Lại và bộ Tài-chính sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ, trừ của các quan-viên ở Ngự-tiền Văn-phòng ra ngoài.

7) Xét những khoản huy-chương của bộ sở-quan xin thưởng cho các quan-viên đương làm việc, sau khi quan Khâm-sứ doãn-hứa.

Cách làm về chương C (từ tiết thứ 1 cho đến thứ 7)

Bộ sở-quan thương thắg với quan Cỗ-vấn của bộ ấy. Vấn-đề gì mà có cái năng-lực chung và quan-thuộc nhiều bộ, thời quan Cỗ-vấn ấy lại đem thông-cáo với quan Cỗ-vấn bộ Lại. Quan Cỗ-vấn nào đem việc trình với quan Khâm-sứ, thời phải phúc lại ý-kiến của quan Khâm thế nào, ưng thuận hay có dị-nghị gì. Rồi thời việc ấy đem biên vào chương-tiêu kỳ Hội-nghị kể liền theo đó.

Chức Tham-tá của Hội-đồng Thượng-thư

1) Chức Tham-tá Hội-đồng Thượng-thư là chức Thương-tá của Cơ-mật-cử. Công-việc sẽ sửa đổi cho giản-tiện để

cho thích-hợp với chức-trách mới của Hội-đồng.

2) Chức Tham-tá Hội-đồng Thượng-thư là khảo-tí các giấy tờ của Chánh-phủ Nam-triều, lựa mà hiệp thành tập-loại, và cho in vào tập Trung-kỳ quốc-ngũ công-báo để công-bố ra. Trong tập công-báo ấy sẽ đăng lục những Dự, Sắc, Chỉ, Qui-tắc hay Điều-lệ mà Hoàng-đế đã y rồi và đã có quan Khâm-sứ ký nhận, và đăng những nghị-định và thông-tư của các bộ đã thương-đồng-ý với quan Khâm-sứ.

Chức-chưởng của viện chân- chánh cơ-mật

Chân-chánh Cơ-mật là Hội-đồng năm quan Thượng-thư, do Hoàng-đế chủ-tọa, tức là hội-nghị xu-yếu của Triều-đình, thời mỗi khi Hoàng-đế muốn hỏi ý-kiến gì. Ngai truyền cho triệu-tập.

Chức Thương-tá Cơ-mật sẽ do một viên quan Ngự-tiền Văn-phòng dưới quyền quan Thượng-thư Tổng-lý đại-thần, nhận sung.

Liệt-biểu chức-chưởng của bộ Lại

1) Nghị-định và thông-tư, về cách sắp-đặt và công-việc làm của Bộ, để cho quan-viên thuộc quyền Bộ biết mà tuân theo. Các giấy tờ ấy là quan Bộ-trưởng chiếu theo quyền-hạn chức-chưởng của bộ mình mà làm và có quan Cỗ-vấn của Bộ giúp đùm với quan Khâm-sứ ý hiệp.

2) Trần-thỉnh về việc bổ-dụng, thuyên-chuyển, trừng-phạt, cho ra đối-chất trước Hội-đồng Tham-vấn, cho về hưu các ẩn-quan và thuộc-quan chức-chưởng có quyền, mà thuộc về đặc-quyền của Hoàng-đế tài-doán, sau khi có ý-kiến Hội-đồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ ý hiệp (Tiết 2 và 6 chương B về sự-vụ để dành Hoàng-đế đặc-tài).

3) Bỏ - dụng, thăng-trật, thuyên chuyển, trừng-phạt, cho ra đối-chất trước Hội-dồng Thăm-vấn, cho về hưu những thuộc-quan không giữ chức-trách có quyền, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

4) Khảo xét và trần-thình những khoản định trong tiết 14 chương B, về sự-vụ đề dành đặc quyền của Hoàng-đế, khi nào Hoàng-đế muốn hỏi ý-kiến của Bộ.

5) Trần-thình các khoản định trong tiết 4 và 5, 7 và 8 chương B về sự-vụ đề dành Hoàng-đế đặc-tài.

6) Cho nghỉ giả-hạn và cáo-giã đến 30 ngày với dưới 30 ngày, các thuộc-quan giữ chức-trách có quyền — Cho nghỉ giả-hạn và cáo-giã các thuộc-quan khác và thuộc-viên-dịch, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

7) Khảo-cử và trần-thình những khoản định trong tiết 9, 10, 12, 13, 15 chương B về sự-vụ đề dành Hoàng-đế đặc-tài.

8) Thường vinh-hâm từ hàm tòng-ngũ (5-2) sắp xuống, sau khi quan Khâm-sứ doãn-hứa.

9) Định ngạch thuộc-viên-dịch văn-ban trong ngạch hành-chánh sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

10) Bỏ-dụng, thăng-trật, trừng-phạt, cho ra đối-chất trước Hội-dồng Thăm-vấn, thuyên-chuyển các thuộc-viên-dịch trong ngạch hành-chánh, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

11) Trừng-phạt, thưởng-thưởng, cho về hưu đúng hạn hay trước hạn, hay vì giảm ngạch, các viên-dịch ngạch hành-chánh.

12) Tru-nghĩ các khoản chi tiêu đề biên vào Ngân-sách Nam-triều thuộc về bộ Lại, về các quan-viên với sự-nhu-yếu theo đó, sau khi thương-dồng với bộ Tài-chánh và đã có quan Cố-vấn cả hai Bộ bàn định dùm — Rồi đem trình

phần Ngân-sách ấy cho Hội-dồng Thượng-thư duyệt.

13) Kiểm-cổ việc động tĩnh. Sắp đặt cách phòng-bị cho thích-liệp với tình-thế động tĩnh đương-thời, sau khi thương-dồng với quan Khâm, mà phải tâu lên Hoàng-đế đồng-tất.

14) Khảo-xét và thương-dồng với bộ Lễ-ngiht mà trần-thình các khoản định trong tiết II chương B về sự-vụ đề dành Hoàng-đế đặc-tài, sau khi có ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ doãn-hứa.

15) Khảo-xét và trần-thình những khoản cải-cách về qui-trình quan-viên văn-ban, sau khi quan Khâm-sứ doãn-hứa, mà phải tâu lên Hoàng-đế đồng-tất.

16) Quản-lý sự-vụ của bộ Binh cử sắp về bộ Lại, và khảo-cử mà dùng cho đúng các thiết-ngạch của bộ ấy.

17) Quản-lãnh việc Trạm. Khảo xét việc cải-cách về ngạch Trạm để làm thành một sở truyền-đệ chung cho công-chúng, sau khi thương-dồng với bộ Tài-chánh và quan Khâm-sứ doãn-hứa.

18) Làm các cáo-sắc của quan-viên văn, võ ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ.

19) Giữ sổ-sách kê biên riêng quan văn và quan võ. Giữ một sổ kê-biên những người được thưởng vinh-hâm.

20) Tâu lên Hoàng-đế xin thưởng-thưởng cho tổng-lý, và các nhà công-nghệ, kỹ-nghệ và thương-mại mà không thuộc về quan-ngạch, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

Liệt-biểu chức-chương của bộ Quốc-dân giáo-dục

1) Nghị-dịnh và thông-tư về cách sắp-đặt và công-việc làm của bộ đề cho quan-viên thuộc quyền bộ biết mà tuân theo. Các giấy tờ ấy là quan Bộ-trưởng chiếu theo quyền-hạn chức-chương

của bộ mình mà làm và có quan Cố-vấn chuyên-môn giúp dùm với quan Khâm-sứ ý hiệp,

2) Khảo-cứu và thương-dồng với bộ Tài-chánh soạn định dạng-bản ngân-sách về phần của bộ, có các quan Cố-vấn bộ Quốc-dân Giáo-dục và bộ Tài-chánh giúp dùm. Dem phần ngân-sách ấy trình với Hội-đồng Thượng-thư duyệt.

3) Khảo-cứu và thi-hành các thể lệ mới định về Pháp Việt Tiểu-học và Việt-Nam Sơ-học Yếu-lược thế nào cho thích-hiệp với việc cần thiết trong nước, có quan Cố-vấn chuyên-môn bộ Giáo-dục giúp dùm. Sắp đặt cách kiểm-cổ về việc giáo dục ấy. Khảo-cứu về việc cần thiết về phần viên-chức và vật-hạng, và cách dem các viên-chức Giáo-ban Bảo-hộ cải sáp vào ngạch mới. Cách-thức và trình-trạng cải-bổ viên chức Bảo-hộ vào ngạch Nam-triều : tinh-thể tài-chánh, lương-bổng, phẩm-hàm, chức-chưởng, quyền-lợi, có quan Cố-vấn chuyên-môn giúp dùm. Các khoản trần-thỉnh ấy đem trình Hội-đồng Thượng-thư duyệt và sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa, thời tâu lên Hoàng-đế tãi-đoán.

4) Cho phép mở trường tư hay trường làng, kiểm-cổ các trường ấy, huấn-thị về việc ấy sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa, (có quan Cố-vấn chuyên-môn).

5) Cho phép mở các lớp học ngoài giờ nhà trường và kiểm-cổ, sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa (có hỏi ý kiến quan Cố-vấn chuyên-môn).

6) Các khoản khảo-cứu và trần-thỉnh về giáo-khoa phổ-thông và việc Quốc-dân Giáo-dục, có quan Cố-vấn chuyên-môn giúp (các hội, các đoàn-thể, nhà đọc sách, văn-văn).

7) Kiểm-quản Quốc-tử-giám, Sử-quan; Cổ-học-viện.

8) Tăng-thư-cuộc và Thư-viện.

9) Nghị-định cách lập một viện Hàn-lâm Việt-nam.

10) Cho phép lập hội Thử-thạo và kiểm-cổ, sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa.

11) Bổ-dụng, thăng-trật, thuyên-chuyển, trừng-phạt cho về hưu các viên chức dưới hàm tòng-lục (6-2), sau khi quan Khâm-sứ ý-hiệp, Còn bổ-dụng, thăng-trật, thuyên-chuyển, trừng-phạt, và cho về hưu các quan-viên hàm cao hơn, thời tâu lên Hoàng-đế, sau khi có ý-kiến Hội-đồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đoãn-hứa.

12) Thường vinh-hàm dưới hàm tòng-lục (6-2) thuộc về công việc của Bộ, sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ. Còn thưởng hàm cao hơn nữa, thời tâu lên Hoàng-đế, sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa và đã có ý-kiến Hội-đồng Thượng-thư.

13) Tâu lên Hoàng-đế xin thưởng huy-chương về phần việc của Bộ, sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa.

14) Bộ Quốc-dân Giáo-dục lại còn chịu lấy phần việc kiểm-sát việc khảo-bạch, soạn định chương-trình, biên-tập sách giáo-khoa, thanh-tra các trường học, sau khi quan Khâm-sứ ý-hiệp và có quan Cố-vấn chuyên-môn giúp dùm. Bộ ấy lại còn chỉ về lối-lang về việc giáo khoa sơ-học yếu-lược và Việt-Nam Tiểu-học, cũng theo cách-thức như trên này.

15) Cấp bằng ấn-sanh theo thể-lệ thường.

Liệt-biểu chức-chương bộ Tài-chánh và Xã-hội cứu-tê

Nghị-định và Thông-tư về cách sắp-đặt và công việc làm của bộ để cho quan viên thuộc quyền Bộ biết mà tuân theo. Các giấy tờ ấy là quan Bộ-trưởng chiếu theo quyền-hạn, chức-chương của bộ

mình mà làm, và có quan Cố vấn của bộ giúp-dùm với quan Khâm-sứ ý-biệt.

Chức-chương của bộ Tài-chánh và Xã-hội Cứu-tế chia ra như sau này :

A — Chức-chương về phần tài-chánh và ngân-sách.

B — Chức-chương về phần thẩm-phán.

C — Chức-chương về phần xã-hội.

D — Chức-chương về phần hành-chánh.

A. — Chức-chương về phần Tài-chánh và Ngân-sách

1) — Khảo xét và đem trình Ngân-sách Nam-triều cho Hội-đồng Thượng-thư duyệt, rồi dâng lên Hoàng-đế chuẩn-y, sau khi đã bàn định với các bộ khác và quan Khâm-sứ đoãn-hứa (tiết 1 chương C về sự-vụ đề đặc-quyền Hoàng-đế. Tiết 2 chương C về chức-chương của Hội-đồng Thượng-thư).

2) Quản-lý và thi-hành Ngân-sách (Trừ các chương thuộc về các khoản chi-tiêu Đại-nội do Văn-phòng chương-quản ra ngoài). (Tiết 4 chương C về sự-vụ đề đặc-quyền Hoàng-đế). Quản-lý kho Lưu-hạ, Quản-lý kho Hưu-bổng.

3) Khảo-cứu và trình các thể-lệ tài-chánh cho Hội-đồng Thượng-thư duyệt, và tâu lên Hoàng-đế, sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa. Thi-hành các thể-lệ ấy.

4) Khảo-cứu và trần-thỉnh các khoản thay đổi trong Ngân-sách đang giữa niên-dộ (ủy-giao các số bạc dự-trừ ; di-du các khoản dự-trừ, trích thủ trong kho Lưu-hạ). Rồi đem tâu Hoàng-đế chuẩn-y, sau khi có ý-kiến của Hội-đồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đoãn-hứa (Tiết 2 chương C về chức-chương của Hội-đồng Thượng-thư. Tiết 1 chương C về sự-vụ đề đặc-quyền Hoàng-đế).

5) Mỗi năm trong tháng giêng tây kê biên số xuất nạp đồng-niên của kho

Lưu-hạ, đem dâng Hoàng-đế chuẩn-y, sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ. Mỗi năm trong tháng tây, kê biên số chi-tiêu đồng-niên của ngân-sách Nam-triều, sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa và đã có Hội-đồng Thượng-thư duyệt rồi (Tiết 2 chương C về chức-chương của Hội-đồng Thượng-thư. — Tiết 1 chương C về sự-vụ đề đặc-quyền Hoàng-đế).

6) Giao-ước và đấu giá các khoản cung nạp có hơi quan-trọng, hay là ủy quyền đại-lý các khoản giao-ước và đấu giá ấy cho bộ sở-quan. Rồi trình cho Hội-đồng Thượng-thư duyệt y, sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa.

7) Quyết-toán và cấp phát bổng hưu sau khi quan Khâm-sứ duyệt-y.

8) Khảo xét việc chi-tiêu các số bạc phú-giao cho các bộ và các tỉnh.

9) Tự quyết-toán lấy hay là ủy-quyền quyết-toán các khoản chi-tiêu thường lệ : Trợ-cấp, cấp-tuất, vận-tải, các thứ phụ-cấp linh-tinh, vận-vân, sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ.

10) Ủy phú cho các bộ khác, các công sở và các tỉnh, các khoản bạc dự-trừ đã hạn định trong Ngân-sách, sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ.

11) Thương-đồng với bộ Công-tác mà khảo xét và trần-thỉnh các khoản về phần Tài-chánh định trong tiết 19 chương B và tiết 1, 2, 3, chương C về sự-vụ đề đặc-quyền Hoàng-đế, với tiết 2, 3, 4, 5, 6 chương C về chức-chương của Hội-đồng Thượng-thư.

12) Cứu xét và trần-thỉnh với Hội-đồng Thượng-thư cách sắp đặt việc kê-toán ở hương-thôn để chương-quản công-bôn sau khi quan Khâm-sứ đoãn-hứa.

13) Tự quyết-toán lấy hay là đại-hành quyết-toán hết thảy các khoản chi-tiêu không định trước và thuộc về lâm-thời, như là: đặc-cách cho tiên-

lãnh, trợ cấp, vãn vãn, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ và Hoàng-đế đã chuẩn-y (tiết 5 chương C về sự vụ đề đặc quyền Hoàng-đế).

14. — Kiểm-tra công việc của phủ Nội-vụ.

B. — Chức-chưởng về phần Thâm-phận

1) Dời cho đến khi nào ban bố Dân luật và đặt ngạch quan-viên Tư-pháp (Tri-huyện Tư-pháp), họ phải theo luật-lệ hiện đương hành-dụng mà duyệt các án và tờ về việc hộ và thương-mại và các việc tương-tranh ruộng đất. Quyết nghị các việc ấy, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ, trừ ra khoản nào mà thể-lệ hiện-thời có định thời mới trình với Hội-dồng Thượng-thư duyệt.

2) Khảo-cứu những điều nên thay đổi trong luật hiện-thời để soạn định một bộ Dân-luật, nhất là về chương « Tài-sản ». việc ấy có quan Thượng-thư Tư-pháp và quan Tổng-Trạng-sư Luật-khoa Cổ-văn Trung-kỳ giúp-dùm. Đem các khoản ấy trình Hội-dồng Thượng-thư duyệt sau khi quan Khâm-sứ ý-hiệp, rồi dâng lên Hoàng-thượng chuẩn-y ban-bố Dân-luật.

C. — Chức-chưởng về phần Xã-hội

Khảo xét và trần-thỉnh với Hội-dồng Thượng-thư những phương-pháp để đặt ra một số Xã-hội cứu-lễ, sau khi quan Khâm-sứ ý-hiệp.

D. — Chức-chưởng về phần Hành-chánh

1) Quản-chưởng những của động-sản và bất-dộng-sản của Nam-triều, và nhất là đất « Quan-phòng » đến cuối năm tâu lên một lần Hoàng-đế chuẩn-y, sau khi có ý-kiến của hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ ý-hiệp.

2) Việc đúc tiền, sau khi có ý-kiến của Hội-dồng Thượng-thư với quan Khâm-sứ doãn-hứa.

3) Đặt thêm, bỏ đi, chia ra, hay hiệp-sáp các xã-thôn, sau khi có ý-kiến hội-

đồng Thượng-thư với quan Khâm-sứ doãn-hứa và Hoàng-thượng chuẩn-y.

4) Khảo-cứu và trần-thỉnh với Hội-dồng Thượng-thư về việc đặt các thị-xu và thành-phố, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

5) Việc đặc-diễn và việc bảo-tồn diễn-trạch, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ. Bảo-thủ các địa-bộ cũ. Sao-lục các địa-bộ ấy cho các hương-thôn Trung-kỳ và Bắc-kỳ.

6) Việc cho thuê và cho nhượng trưng công-sản của hương-thôn, sau khi có ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ ý-hiệp.

7) Cho người An-Nam trưng-khẩn dưới 300 mẫu sau khi quan Khâm-sứ ý-hiệp, còn từ 300 mẫu trở lên, thời sau khi có ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ ý-hiệp, mà phải tâu lên Hoàng-đế đồng-tất.

8) Khảo-cứu và trần-thỉnh với Hội-dồng Thượng-thư về phương-pháp để khuyến-khích việc thực-dân của người An-Nam và định thể-lệ.

9) Kiểm-tra việc dùng tư-lịch.

10) Chợ ở nhà quê, kẻ biên dân trảng và ruộng đất ăn-lậu vào bộ thuế, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

11) Ký nhận các bộ thuế về ngạch chính-cung người An-Nam, của quan Khâm-sứ đưa duyệt trước khi chuẩn-định.

Liệt-biểu chức-trách bộ Tư-pháp

1) Nghị-định và thông-tư về việc sắp đặt công việc làm để cho viên chức thuộc quyền bộ biết mà tuân theo. Các giấy ấy là quan Bộ-trưởng chiếu theo quyền-ban chức-chưởng của bộ mình mà làm, có quan Cổ-văn của bộ giúp-dùm và quan Khâm-sứ ý-hiệp.

2) Khảo-xét các khoản sửa đổi trong luật hiện-thời để cho thích-hợp với tình

tục và thề-lệ mới. Sửa bộ luật Hình nghị soạn Dân-luật (riêng về phần « nhân-dân ») và các luật khác, có quan Tổng-Trạng-sư Luật-khoa Cổ-văn Trung-kỳ giúp-dùm. Đem các khoản ấy trình với Hội-đồng Thượng-thư duyệt sau khi quan Khâm-sứ ý-hiệp, rồi dâng lên Hoàng-đế chuẩn-y ban-bổ luật mới.

3) Duyệt và y các án và điều quyết-nghị về việc hình, sau khi quan Khâm-sứ ý hiệp, nhưng trừ những án làm tội tử-hình, thời sau khi quan Khâm-sứ ý hiệp phải dâng lên Hoàng-đế tài-định, để Hoàng-thượng hành dụng quyền án-xá.

4) Duyệt và y, cũng như thề-thức trên này, các án khác và điều quyết-nghị không thuộc về bộ Tài-chánh và bộ Lễ.

5) Trình-thỉnh lên Hoàng-thượng, sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ, các khoản án-xá cho tù-phạm gặp khi các lễ chính trong lịch Tây và lịch Nam hay là gặp khi có lễ đặc-biệt.

6) Các khoản án-xá tù phạm (thích, giã, cầm hạc và đổi tội-danh, huyền-ân tha về giao-quần) ngoài các lễ có định kỳ trong lịch Tây và lịch An-Nam hay là ngoài các lễ đặc-biệt, sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ, mà phải tâu lên Hoàng-thượng đồng-tất.

7) Thương-đồng với quan Khâm-sứ ý hiệp về bãi dịch và cách chức tổng lý, thu-tiền văn-bằng của tổng lý hay của các người bị án, thuộc về hình-vụ, mà trong án quan tỉnh không nghĩ đến.

8) Các vấn-đề thuộc về ngục-thất và phối-sở, với cách kiểm-cổ, và thuộc cách sửa đổi việc giám-quần với cách giải phạm đi nơi khác, sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ.

9) Tâu xin thưởng huy-chương về công việc bộ ấy, sau khi quan Khâm-sứ doãn-hứa.

10) Thường vinh-hàm về công việc của bộ cho đến hàm tòng-ngũ (5-2),

sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ. Còn trên hàm ấy trở lên, thời tâu lên Hoàng-đế tài-định, sau khi quan Khâm-sứ doãn-hứa.

11) Khảo xét mà cải-cách viên Đô-sát.

LIỆT-BIỂU CHỨC-CHƯƠNG BỘ CÔNG-tác MỸ-thuật và Lễ-nghĩ

1) Nghị-định và thông-tư về cách sắp đặt công việc làm của bộ để cho viên-chức thuộc quyền bộ biết mà tuân theo. Các giấy tờ ấy là quan Bộ-trưởng chiếu theo quyền-hạn chức-chương của bộ mình mà làm, có quan Cổ-văn bộ ấy giúp-dùm và quan Khâm-sứ ý hiệp.

2) Khảo-cứu và nghị-định Ngân-sách của b, sau khi thương-đồng với bộ Tài-chánh với có quan Cổ-văn bộ Tài-chánh giúp-dùm. Đem phần ngân-sách ấy trình với Hội-đồng Thượng-thư duyệt.

3) Kiểm-cổ, tu-bổ, cải-cấu các công-thự của Nam-triều. Ủy giao số bạc dự-trừ về các khoản ấy, sau khi thương-đồng với bộ Tài-chánh và quan Khâm-sứ doãn-hứa. Kiểm-tra các khoản tu-bổ và số bạc đã chi-tiền.

4) Duyệt và y các bản dự-trừ cấu-tạo các công-sở mà Hoàng-đế sắc làm, bay các bộ khác với các quan tỉnh-hiến tư-xin làm, sau khi quan Khâm-sứ doãn-hứa. Soạn định việc đấu giá và giao ước thuộc về các khoản công-tác ấy sau khi quan Khâm-sứ ý-hiệp. Phải ủy quan-viên dự Hội-đồng đấu-giá. Y các khoản đấu-giá, sau khi thương-đồng với bộ Tài-chánh và quan Khâm-sứ ý hiệp. Nghị-định việc quyết-toán các khoản chi-tiền do bộ Tài-chánh cấp phát, sau khi quan Khâm-sứ ý hiệp. Ủy giao các khoản bạc dự-trừ cho các tỉnh tự làm mandat mà lãnh, sau khi thương-đồng với bộ Tài-chánh và quan Khâm-sứ ý hiệp. Kiểm tra các công-tác.

5) Trừ các khoản trên này ra, các việc kiến-trúc và tu-bồ ở Đại-nội, đều phải thương-dồng với bộ Tài-chánh và thương với quan Khâm-sứ ý hiệp rồi tâu lên Hoàng-đế tài-dịnh.

6) Bỏ dụng, thuyền chèo, thăng trật, trừng phạt các viên-chức chuyên-môn về bộ Công-tác, sau khi có ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ ưng thuận.

7) Xin thưởng huy-chương cho quan viên thống thuộc riêng về bộ Công-tác, hay là những người ngoài mà thuộc về công việc của bộ. Thưởng vinh-hàm văn-giai hay là võ-giai cho tới hàm tòng ngũ (5-2) cho hào-dịch và nhân-dân có quyền bạc đề cấu-tạo hay tu-bồ các công-thự hay là các sở thiết-lập mà có tính-cách Xã-hội, hay là có ích chung cho công-chúng, sau khi quan Khâm-sứ ưng thuận.

8) Xin thưởng vinh-hàm từ tòng ngũ phẩm (5-2) trở lên, cho những người không làm việc nhà nước, mà có công lao đặc-biệt trong dịp bão-thủ, tu-bồ hay kiến-trúc đền đáp, sống ngôi, công-thự, hay là quyền sở bạc to lớn để làm công việc có hiệu-quả giống như vậy. Các khoản xin thưởng như vậy đem trình với Hội-dồng Thượng-thư duyệt, rồi sau khi quan Khâm-sứ ưng thuận, đem dâng lên Hoàng-đế tài-dịnh.

9) Thụ phẩm hàm cho đến hàm tòng ngũ (5-2)

Mỹ-thuật

Khảo-cứu và trần-thỉnh về cách tổ-chức một bộ Mỹ-thuật và cách hành-vi của bộ ấy.

Lễ-nghì

1) Nghị-dịnh và thông-tư về cách sắp đặt công việc làm của bộ, để cho viên chức thuộc quyền bộ biết mà tuân theo. Các giấy tờ ấy là quan Bộ-trưởng chiếu quyền-hạn chức-chương của bộ mình

mà làm, có quan Cố-vấn của bộ giúp-dùm và quan Khâm-sứ ý hiệp.

2) Thương-dồng với bộ Lại mà trần-thỉnh lên Hoàng-thượng các khoản định trong tiết 11 chương 8 về sự-vụ đặc quyền của Hoàng-đế sau khi có ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ ưng thuận.

3) Bỏ dụng, thăng trật cho về hưu các quan viên ngạch kiểm-nghi từ hàm chánh tứ (4-1) trở xuống, sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

4) Trần-thiết và sắp đặt các lễ-tiết và tế-lễ, sau khi thương-dồng với bộ Tài-chánh mà lo liệu cho vừa trong số bạc đã hạn định trong Ngân-sách có quan Cố-vấn bộ Lễ-nghì giúp-dùm và quan Khâm-sứ đoán-hứa.

5) Xin thưởng cho thọ-dân, tiết-phụ, thầy tu bà vãi sau khi bàn định với quan Cố-vấn Lễ-nghì.

6) Tâu lên Hoàng-thượng xin thưởng cho các quan hưu-tri sống lâu, sau khi có ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đoán-hứa.

7) Kiểm-cổ và định giới-hạn các Tôn-lăng.

8) Nghị án phát-hỏa trong các Tôn-lăng sau khi thương-dồng với quan Khâm-sứ.

9) Tâu xin Hoàng-thượng thưởng vinh-hàm cho giám-thủ, từ-phụ, văn-vân, sau khi quan Khâm-sứ đoán-hứa.

10) Tế-lự ở các chùa và đền của nhà nước.

11) Kiểm-tra việc Khâm-thiên-giám và việc lịch.

12) Bất thời mà có giao-ước hay đấu giá về việc cung nạp trên 500 đồng, thời trình với Hội-dồng Thượng-thư duyệt, sau khi quan Khâm-sứ đoán-hứa.

13) Khảo xét và soạn định phần Ngân-sách về bộ Lễ-nghì, sau khi thương-dồng với bộ Tài-chánh và có quan Cố-vấn của bộ ấy bàn-dùm. Đem phần

Ngân-sách ấy trình với Hội-đồng Thượng-thư duyệt.

14) Trần-thỉnh việc sắc thần rồi đem tâu lên Hoàng-thượng chuẩn-y.

15) Khảo-cứu và trần-thỉnh các khoản định trong tiết 16 chương B về sự-vụ đặc-quyền Hoàng-đế.

16) Trần-thỉnh lên Hoàng-đế về việc tập-tước « Tôn-tước » trong Hoàng-phái theo lời xét tư của phủ Tôn-nhơn, sau khi quan Khâm-sứ ý-hiệp.

17) Trần-thỉnh lên Hoàng-đế về việc cho tập hàm « ấm-thọ » sau khi thương-đồng với quan Khâm-sứ.

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

X

TIẾT THỨ II. — Thân-tử 申子

Thân-tử tên là Bất-Hại 不害, người nước Trịnh. Sinh về năm nào không rõ, mất về đời Hiến-vương nhà Châu năm thứ ba-mươi-hai, trước kỷ-nguyên 337 năm. Chuyên-trị học về hình-danh pháp-luật, làm quan ở đời Chiêu-hầu nước Hàn. Nước Hàn ở xen vào khoảng giữa hai nước lớn: Tần, Sở, mà hay duy-trì vững được quốc-thể, là nhờ về công của Thân-tử. Những sách của Thân-tử làm ra thì trong *Hán-thư nghệ-văn-chỉ* bảo là có sáu thiên; *Sử-ký* thì bảo là có hai thiên. Nhưng nay chỉ thấy có thiên *Giải-tế* 解世 ở trong sách *Tuân tử* và thiên *Định pháp* 定法 ở trong sách *Hàn-phí-tử*, cùng là những tờ sách lộn-lộn ở trong bộ *Ngọc-hàm sơn-phòng tập-dật-thư*. Xem đó mới hơi biết được đôi chút học-thuyết của Thân-tử.

Thân-tử cho rằng pháp với lệnh là cái đồ cần-thiết để trị nước, chính-trị của vua Hoàng-đế và vua Nghiêu, đều là nhờ về pháp cả. Pháp là gì? Tức như thấy kẻ có công thì cho lấy tước-vị, nhân kẻ có tài thì trao cho chức quan, đó là cái thuật tiến-dụng kẻ nhân-tài, chứ không phải như cái ý-

nghĩa pháp-luật ngày nay vậy. Thân-tử biết rằng cần phải có người bày-tôi hiền-minh để trị thiên-hạ; bảo rằng tiến-dụng kẻ nhân-tài thì ông vua không nên tự cậy cái nghe thấy của mình, không nên tự cậy cái sức biết, không nên bị phải tư-tính nó sai khiến, nên hư-tính vô-vi mà ủy-nhiệm cứ theo công-pháp. Ông ấy biết rằng những điều kiến-vấn của người ta hãy còn thiên-bạc lắm, cái sức biết của người nó có chừng-hạn, nếu cứ cậy ở cái sức biết riêng ở phần chủ-quan, thì sao bằng cái pháp-thuật xét khắp cả ở phần khách-quan, lại có phần xác-thực hơn. Làm vua mà hay nề-vị tư-tính, tỏ rõ cái lòng yêu ghét căn-ra, thì nhân-dân nó hay đua đón cái ý của vua, tất là khiến cho vua kén dùng kẻ nhân-tài phải đến sai-lầm. Nếu ông vua không vị tư-tính thì dân không thể dối được, mà chân-tướng rõ ngay. Đó là Thân-tử cho cái bí-quyết kén dùng nhân-tài, chỉ cốt là giữ được cái tâm tự-nhiên vô-vi như cái thuyết của Lão-tử. Tư-Mã Thiên bảo rằng: « Học-thuyết của Thân-tử là gốc tự họ Hoàng họ Lão, mà chủ về hình-danh » cũng là phải.

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ-đăng-tác; Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra chữ Hán.

TIẾT THỨ III. — Thương-tử 商子

Thương-tử tên là Ưởng 頤, là Công-tử nước Vệ, họ Công-Tôn 公孫, ông tổ xưa cũng là dòng họ Cơ 姬. Từ khi nhỏ ông vẫn chăm về lối học binh-danh, về sau làm tướng giúp vua Hiếu công nước Tần, mới phát-triển cái kỹ-tài của mình ra, chuyên giảng-cứu về kế-sách phù-cường, làm cho nước Tần càng thêm mạnh lớn. Sau khi Hiếu-công mất rồi, Thương-Ưởng bị kẻ oán-thù nó gièm pha bị bắt giam rồi bị tội hình xe xé xác. Thương-tử tính lãnh-dạm nghiêm-khắc; Thái-sử-công binh-phẩm rằng: «Thương-quân là người thiên-tư khắc-học, khi đầu muốn đem thuật đế-vương để yêu-cầu vua Hiếu-công, bày ra cái thuyết phù-phiếm chứ không phải thực. Sau lại nhờ kẻ bề-thần, được đặc-dụng rồi, lại giết công-tử Kiên, đánh lừa tướng nước Ngụy là Ngang, không nghe theo lời người Triệu Lương, xem đó đủ biết Thương-quân là người thiếu-ân. Ta thường xem cái thư của Thương-quân nói về việc khai-tắc canh-chiến, cũng với việc ông ấy làm giống nhau. Bởi thế phải chịu tiếng ác ở nước Tần». Thương-quân có làm ra sách, theo như *Hán-thư nghệ-văn-chí* thì có hai-mươi-chín thiên, nay hiện còn có hai-mươi-bốn thiên.

Thương-quân thuần là theo về chủ-nghĩa pháp-trị; thuyết chính-trị của Quản-tử còn bàn đến đạo-đức, chứ Thương-quân thì không nói đến, lại hết sức bài-bác.

Thuyết chính-trị. — Thân-tử chỉ chuyên nói về thuật, Thương-quân thì chuyên nói về pháp. Thương-quân cho cái việc cải-định chế-độ pháp-luật là cái nghĩa đệ-nhất để trị nước. Mục-đích chính-sách của ông ấy chỉ cốt sửa-định lấy chế-độ pháp-luật, làm cho giàu nước mạnh binh, khiến cho nước Tần làm bá cả đất Sơn-đông.

Phương-pháp phù-quốc. — Thương-quân cho cái chế-độ việc nông là cái phương-pháp làm giàu cho nước; rất là trọng nghiệp nông, cho rằng nước thịnh hay suy quan-hệ ở người làm việc nông nhiều hay ít: Trong một nước trăm người làm việc nông, chỉ có một người làm nghiệp khác, thì nước ấy hẳn làm bá cả thiên-hạ; mười người làm nghiệp nông mà một người làm nghiệp khác, thì nước ấy còn mạnh; trong mười người mà đến năm người theo làm nghiệp khác thì nước ấy nguy. Thương-quân theo cái chủ-nghĩa lấy nông làm bản, nên chuyên dùng phương-pháp để bảo-hộ cho kẻ nông-dân, khiến cho dân trong nước đều theo về nghiệp-nông, chấn-hưng những việc khai-khẩn ruộng đất để làm cho nước được sung-thực. Nay xét cái chánh-sách thi-hành chủ-nghĩa nghiệp nông về đường tích-cực thì: 10) Tôn-trọng nông-dân, trừ những cái tục xấu kẻ nông-hèn. 20) Bật ép những kẻ du-thủ du-thực phải theo về nghiệp nông. Về đường tiêu-cực thì: 10) Bài-bác học-vấn khiến cho dân chỉ là dân thuần-phác ngu-trực; 20) Cấm bán gạo cho các người lái buôn; 30) Bỏ những nơi chứa trữ, khiến cho đường giao-thông không tiện; 40) Đánh thuế rượu thịt cho nặng để cho giá cao lên; 50) Đánh thuế doanh-nghiệp và thuế cửa quan-ải cho cao lên, khiến cho những đồ hàng đi qua quan-ải và bán ở các chợ phải bán giá cao, và nghiên-cứu cái phương-pháp khiến cho đa-số nhân-dân đều là kẻ nông-dân ngu-trực cả. Lại xét xem cái phần diện-tích đất nước Tần thì số người còn thừa-thớt, cho nên phải cố sức lo khai-khẩn đất cát. Nước nào nhân-khẩu trừ-mật, dân nước ấy thiên-di đến thì cũng hoan-nghênh; bỏ hết phép tình-diễn khi trước đã thi-hành, mà mở ra đường bờ, chỉnh-lý lại các khu ruộng. Và lập pháp chia ra từng nhà, cấm cha con anh em đồng-cư với nhau.

Phương-pháp cường-binh.—Thương-quân khích-lệ việc chiến-tranh khiến cho quốc-dân đều hiếu-chiến, thi-hành phép thưởng phạt rất nghiêm, để cổ-vũ dũng-khí của nhân-dân. Trong phép thưởng phạt, kẻ nào chém được một đầu giặc thì được tiến ngôi một cấp, chém được hai đầu giặc thì được tiến ngôi hai cấp; nếu bắt được một đầu giặc mà muốn làm quan, thì được cho bổng-lộc năm-mươi thạch; chém được hai đầu giặc mà muốn làm quan, thì được cho bổng-lộc một trăm thạch. Nhưng cổ-vũ dũng-khí của dân quá thì cái phong-khí sát-phạt ở trong nước lại càng thịnh, ắt sinh ra nhiều sự huyền-hoa tào-nhiều. Thương-quân mới lập ra phép trọng-phạt, nghiêm cấm sự đánh lẫn nhau; bởi vậy dân nước Tần chỉ hăng về sự công-chiến mà sợ sự tư-dấu.

Phương-pháp nội-trị.—Thương-quân kẻ ra ba cái cương-lĩnh để trị nước: 1^o Pháp, 2^o Tín, 3^o Quyền. Pháp nghĩa là pháp-luật; tín là tín-nghĩa; quyền là quyền-lực. Trị nước thì trước phải định pháp-luật. Pháp-luật là việc rất cần để trị nước. Pháp-luật đã định rồi thì không kỳ thế nào quyết không ai được trái. Đấng quân-chủ phải tự giữ lấy điều tín-nghĩa, kẻ tội-nhân phạm phép thì phải lấy quyền-lực để hạn-chế. Quyền-lực là của quân-chủ để hạn-chế muôn dân đó. Nếu có quyền-lực thì đấng quân-chủ đối với muôn dân hay giữ được uy-nghiêm, nếu mất quyền-lực thì đấng quân-chủ bị phải thần-dân nó khinh-nhờn, ngôi vua đến nguy. Bởi vậy pháp, tín, quyền ba điều ấy là điều cốt-lũ để trị nước không thể thiếu được.

Khi thi-hành pháp-luật, Thương-quân lại lập ra thưởng phạt rất nghiêm. Theo như pháp-trị chủ-nghĩa thì có yết ra cái điều «tín-thưởng (tất-phạt)» để cho thích-dụng về thực-tế.

Điều thưởng với điều phạt thì Thương-quân lại trọng điều phạt hơn, cho rằng phạt là dễ nghiêm-cấm kẻ gian-tà, điều thưởng chẳng qua là cái thủ-đoạn để giúp cho cấm-lệnh mà thôi. Cho nên phạt càng nhiều thưởng càng ít thì nước càng trị; chín phần phạt một phần thưởng thì nước mạnh, thưởng phạt đều bằng nhau thì nước suy dần. Thương-quân lại cho hình-phạt là mục-dịch cốt để răn kẻ ác, nếu phạt nhẹ quá thì vô-hiệu mà nhân-dân lại khinh-nhờn, thêm nhiều kẻ phạm tội. Nếu cứ dùng trọng-bình thì nhân-dân sợ-hãi mà kẻ phạm-tội phải hết. Thế là dùng trọng-bình mà sau rồi không phải dùng đến hình-phạt nữa, bởi lẽ ấy nên Thương-quân mới đặt ra nhiều thứ hình-phạt nghiêm-khốc; người đời sau có truyền rằng: Khi Thương-quân xử-hình ở trên sông Vị-thủy mà nước sông đổ lững lờ, cũng là vì thế. Cái phép «thập ngũ liên-tọa» là cái phép trọng-hình thứ nhất. Thương-quân muốn trừ hết kẻ ác trong nước, mới lập ra cái chế-độ năm người là một ngũ, mười người là một thập. Nếu trong đám thập ngũ ấy mà có người làm ác thì phải cáo tố ra; nếu hay cáo tố trước thì được thưởng, nếu ần-nặc đi thì phải đồng-tội với kẻ ác. Bởi thế kẻ làm ác không còn chỗ nào ẩn-thân được nữa, vì thế nước Tần mới đại-trị.

Bài-bác đạo-đức.—Thương-quân muốn khiến-cho nhân-dân chuyên theo về nghiệp nông và việc chiến-tranh để làm cho nước phú-cường, vậy nên cực-lực bài-bác sự học-văn đạo-đức, nói rằng: «Hiện-bác tình-khôn lắm chỉ giúp cho sự loạn; bày ra lễ-nhạc chỉ làm trở cho sự đâm-dật; nhân từ quá là mẹ đẻ ra tội lỗi; chuộng danh-dự quá là con chuột gian-dối». Thương-quân nói thế là đối với sự học-văn đạo-đức có ý bài-bác. Thương-quân lại

bảo rằng trong nước mà có mười sự: Thi, thư, lễ, nhạc, thiên, tu, nhân, liêm, biền, tuệ, thì nước phải đến suy-nhược; vậy nên muốn cho nhân-dân chuyên theo về nghiệp nông và việc chiến-tranh thì phải theo về cái phương-trăm làm cho dân ngu dốt. Đó là bởi ở cái tư-tưởng của Lão-tử bảo rằng dân mà trí-tuệ lắm thì sinh ra trá-ngụy nhiều. Sau này Tần Thủy-hoàng mà đốt sách-vở, chôn học-trò, cũng là bởi tự Thương-quân mở đầu ra; Thương-quân cũng là một nhà sáng-lập ra cái quân-quốc chính-sách của nước Tần đấy ư?

Phê bình. — Đương lúc quần-bùng cát-cử đua ganh thế-lực tranh cướp nhau, mà Thương-quân hay khiến cho nước Tần đại-thành bá-nghiệp, thì ai cũng phải chịu là kỳ-tài, thuyết chính-trị của ông ấy chỉ là cái kế-hoạch làm cho bá-nghiệp đại-thành, thực là có cái kiến-thức chu-một mà giới-giang. Nhưng tự phần đạo-đức mà xét ra, thì đều nên chê cả: một điều nên chê là dưỡng-thành ra một hạng quốc-dân hiếu-chiến, như là chém được một đầu giặc thì cho lộc đến năm-mươi thạch, thực là một cái chế-độ ác lạ thường. Hai điều nên chê là theo về chủ-nghĩa trọng-nông làm cho nước giàu thì bảo-hộ nông dân, tướng-khuyến nông-nghệp là phải; nhưng lại thì ra nhiều hủ-đoạn tiêu-cực, khiến cho nhân-dân bất-đắc-dĩ đều phải theo về nông-nghệp thì cũng là một điều quá đáng. Ba điều nên chê là bài-bác sự học-vấn đạo-đức. Học-vấn đạo-đức cũng có lúc sinh tệ, nhưng chỉ thấy một bên tệ, mà quên mất phần lợi-ích thì cũng là hốt-lược quá. Vả lại bài-bác học-vấn đạo-đức cho là làm khó cho việc thi-hành chính-trị, mà muốn cho dân ngu dốt cho trong nước được hòa-bình, đó là chính-sách tiêu-cực rất là sai-lầm vậy. Bốn điều nên chê là chỉ trọng về hình-phạt; cứ như ý Thương-quân

trọng hình là đề mong cho đến không phải dùng đến hình-phạt nữa, nhưng không khi nào được, mà cái chế-độ «thập ngũ liên-tọa», lại càng trái-ngược dân-tình lẫn lộn, nên phải bị cái tiếng chê là bày pháp-luật ra làm lại phải chịu chết.

TIẾT THỨ IV. — Hàn Phi-tử 韓非子

Hàn Phi-tử cũng là một công-tử nước Hàn, cùng với Lý-Tư cùng học ở Tuân-tử, sở-trường về học hình-danh pháp-thuật. Miệng nói lắp, văn-chương giỏi. Nước Hàn ở vào chỗ bốn mặt thụ-địch, rất là nguy-cấp. Hàn Phi-không thể nín im được, mới phát-biểu ra cái tư-tưởng khẳng-khải khích-liệt, mấy lần dâng thư lên can vua nước Hàn, nhưng vua nước Hàn không biết nghe theo. Vua Tần Thủy-hoàng đọc cái thư của Hàn Phi rất kính-phục ông ấy là trác-kiến, muốn vờ đến yết-kiến, mới mưu đánh nước Hàn. Hàn Phi phải sung vào sứ-bộ nước Hàn, đi sang sứ nước Tần, vua Thủy-hoàng mới được cùng Hàn Phi hội-diện. Tướng nước Tần là Lý Tư ghen tài ông ấy, mới nói gièm với vua Thủy-hoàng, đánh thuốc độc giết đi. Sau Thủy-hoàng nghĩ hối lại, sai người đến cứu thì Hàn Phi đã tắt hơi chết rồi. Xét trong sách *Hàn-thư Nghệ-văn-chí* thì ông ấy có làm ra 25 quyển sách 55 thiên. Thiên thứ nhất là thiên *Sơ-kiến Tần*, thứ hai là hai thiên *Tồn Hàn*, học-trò ông ấy muốn rõ cái hình-thể thời bấy giờ, mới sưu-tập những di-văn của ông ấy ở nước Tần, biên chép lên quyển đầu; còn các thiên khác đều do Hàn Phi-tử soạn ra.

Thông-hệ về học-thuyết. — Hàn Phi là tập đại-thành cả tư-tưởng về đời Tiên-Tồn. Học-thuyết ông ấy hợp cả thuyết của họ Hoàng, họ Lão, họ Tuân và thuyết của Thân-tử, Thương-tử kết-hợp lại làm một thuyết điều-hòa;

tức là tập đại-thành cả pháp-thuật của phái Pháp-gia, mà lấy cái thuyết « tự-nhiên vô-vi » của phái Đạo-gia và « lễ-thuyết » của phái Nho-gia mà tu bổ thêm vào. Học-thuyết phái Pháp-gia, đến Hàn Phi mới thành ra có tổ-chức mà có căn-cứ. Thuyết chính-trị thì cũng giống như phái Pháp-gia khác.

Thuyết chính-trị.— Thuật của Thân-tử tức là luận về cái cách dụng nhân-tài; phép của Thương-tử tức là luận về pháp-trị và trọng-hình. Đến Hàn Phi mới hợp cả thuật-pháp của họ Thân họ Thương mà tổ-chức lại. Tô Triệt có bàn rằng: « Thương Ưởng chuyên bàn về pháp, Thân Bất-Hại chuyên nói về thuật, Hàn Phi thì nói cả pháp-thuật ». Đó là Hàn Phi hợp cả pháp-thuật mà lấy làm căn-cứ, rồi dựng thành ra một học-thuyết có tổ-chức, mà xướng ra cái chủ-nghĩa pháp-trị rất cao.

Chủ-nghĩa pháp-trị rất cao.— Hàn Phi lấy pháp trị làm cái nguyên-lý rất cao, mà bài-xích những thuyết chính-trị của phái Nho phái Mặc và các học-phái khác, bảo rằng ở đời nay cứ theo cái thuyết phái Nho phái Mặc để trị thiên-hạ, thì không khác gì cứ giữ cái cánh gai dầy để chờ bắt con thỏ. Còn như họ Lão, họ Trang xướng lên cái thuyết diêm-dạm vô-vi, muốn lấy « vô-dục » để trị thiên-hạ, nhưng sinh ở trong đời nay thì ai cũng phải có cái đạo nên làm cho hết: Như là làm con thì phải thờ đấng thân, làm tôi thì phải thờ vua. Nếu chỉ diêm-dạm vô-vi thì không hay giúp đời được. Lại như phái Danh-gia thì chỉ buông lời quỷ-biến mà bày ra cái phương-pháp xử-thế, nhưng người ta sinh ở trong đời, thì cốt phải giữ lấy trung-tín thành-thực, không thể lấy những lời nói biện bác bông-lông để dối đời được. Vậy nên những thuyết của Lão, Trang và phái Danh-gia đều là cái

thuật làm hoặc cả thiên-hạ. Cái đường trị thiên-hạ rất hay, thì cốt phải định lấy pháp-luật cho nghiêm mà chấp-hành. Nếu muốn trị đời nay mà không có pháp-luật, thì có khác gì cưỡi con ngựa dữ mà không có hàm-thiết dây cương. Pháp-luật ví như gương để soi vật, cần để lường vật, không thể có một chút tư-y nào được; pháp-luật đã định rồi thì dầu rằng ông vua cũng không thể động đến được, kẻ quyền-thần cũng không thể đổi đi được, mà đến kẻ tri-giã cũng không thể cậy lời cãi được, kẻ dưng-giã cũng không thể cậy sức tranh được. Pháp-luật trong một nước đã sửa định đặc-nghị, thì dầu không có ông minh-quân kẻ lương-tướng cũng có thể làm cho quốc gia phú cường được chẳng khó gì. Đó là cái yếu-chỉ của Hàn Phi sở-dĩ xướng lên cái chủ-nghĩa pháp-trị rất cao vậy. Hàn Phi lại theo về lời luận « tính ác » của Tuân-tử để làm căn-cứ cho cái học-lý chủ-nghĩa pháp-trị rất cao; bảo rằng cái bản-tính loài người, ai cũng chỉ muốn lợi mình, phạm những sự hành-vi đều là lấy lợi-ích cho mình làm mục-dịch. Như là người chủ hồ tiền công ra để thuê người làm-mướn, cũng muốn mong lấy cái cách lao-dộng của nó xứng-dáng với đồng tiền đối-dãi của mình; kẻ làm mướn vì chủ thuê mà lao-dộng, cũng muốn được tiền công cho xứng-dáng với sức khó nhọc của mình; đó đều là tính về đường lợi-kỷ cả, cho đến cha con vợ chồng có quan-hệ với nhau, cũng đều bởi cái động-cơ lợi-kỷ mà thành-lập ra, chứ không thể tin cậy nhau được. Vua tôi quan-hệ với nhau cũng thế, kẻ thần-dân quyết không phải là nó có lòng yêu vua mà nó tận trung, cái mục-dịch nó chỉ muốn được cái lợi-ích cho mình mà ra thờ vua vậy. Đời thái-cổ khi xưa còn thuần-phác, loài người sinh-hoạt không đến khổ-nạn cho lắm, cho nên hay lấy đức giáo

để hóa-dân. Chữ như xã-hội đời nay sinh-hoạt phức-tạp, nếu lại muốn lấy đức-giáo để hóa dân, thì không khác gì là giữ cành gai để dọi bắt con thỏ, rất là ngu dại vậy.

Luận về trọng hình. — Hàn Phi cho sự trọng-hình là rất cần cũng giống như Thương Ưởng ; cho rằng người trong thiên-hạ không phải tất cả là kẻ lương-dân hay tuân giữ pháp-luật, những kẻ ác nó không chịu tôn-trọng pháp-luật cũng thường có. Đối với kẻ ác thì phải thi-hành hình-phạt, để giữ lấy uy-quyền cho pháp-luật. Hình-phạt là tỏ cái uy-quyền của pháp-luật mà làm cho khiếp-phục cái tâm kẻ ngu tối, khiến cho cấm-át tà-tâm để phòng-chỉ cái tội ác lúc nó chưa phát ra. Vậy nên pháp-luật phải cho nghiêm-trọng, thì dầu vàng bạc bỏ rơi ở trên đường ai cũng muốn lấy mà không dám nhặt, dầu kẻ trộm cướp cũng không dám đụng tay vào, nếu hình-phạt nghiêm-trọng thì không còn có kẻ phạm phép nữa. Đã không có kẻ ác dám phạm phép thì kẻ lương-dân được nhờ nhiều lắm.

Cái thuật tiến-dụng nhân-tài. — Hàn Phi nối theo cái tư-tưởng của Thân-tử cũng thừa-nhận rằng cần phải kén dùng kẻ nhân-tài ; bảo rằng dầu muốn chính-đốn pháp-luật chế-độ như thế nào, nếu mà không dùng được kẻ nhân-tài thì cũng không hay trị được thiên-hạ. Bởi vậy ông vua phải biết phân-biệt tài-năng kẻ bầy tôi, đều tùy tài mà bổ-dụng. Hàn Phi gọi cái thuật ấy là tham-nghiệm, hay gọi là tham-đồng, hoặc gọi là tham-ngũ.

Cái điều-kiện cốt-yếu để tiến-dụng nhân-tài như thế nào ? Hàn Phi cũng theo cái học-thuyết của Lão-tử, cho rằng đạo vua phải cốt ở hư-tĩnh, ông vua đối với kẻ nhân-dân, phải giữ cái thái-độ thanh-lãnh tĩnh-mịch, mà phải bỏ cái niệm yêu ghét tư-tú di, để xét

cho rõ bản-tính của nhân-dân. Nếu ông vua mà lộ cái lòng yêu ghét ra, thì kẻ thần-dân nó làm hư-sức ra để giấu cái bản-tính nó đi. Vậy nên ông vua phải có tám điều nên răn, tám điều ấy Hàn Phi gọi là bát-gian 八奸 : 1) *Hồng-sàng* 同謀, là trở về những người vợ hầu ở gần giường mình ; 2) *Tại-bàng* 佞, là trở về những kẻ con hát làm trò ở bên cạnh ; 3) *Phụ-huynh* 父兄, là những người chú bác anh em họ nhà vua ; 4) *Dưỡng-ương* 養殃, nghĩa là nuôi vạ, là trở về những kẻ coi đồ xe ngựa và việc thổ-mộc ; 5) *Dân-manh* 民萌, là những việc dân nó manh tâm đối trá ; 6) *Lưu-hành* 流行, là những lời phê-bình của người đời nói lưu-hành nói phao khắp ra ; 7) *Uy-cường* 威強, là sức uy-mãnh của kẻ tráng-sĩ mình nuôi ; 8) *Tứ-phương* 四方, là các nước chư-hầu ở bốn phương bên ngoài. Kẻ thần-dân thường hay lợi-dụng tám điều gian ấy để phò-trương cái thế-lực của mình, làm vua thì phải chú-ý xét về những điều gian ấy. Kẻ trọng-thần hay là người trọng-yếu, không khác gì con chó dữ ở nhà hàng rượu ; nó hay làm trở-ngại cho kẻ hiền-thần, phải cần hạn-chế xa ra mới được. Thống ngự kẻ thần-hạ lại không nên để mất quyền hình-phạt và ân-thưởng. Nếu trong tâm hay hư-tĩnh lại không lộ cái lòng yêu ghét ra, phòng tám điều gian, chính điều thưởng điều phạt, thì cái yếu-đạo tiến-dụng kẻ nhân-tài, thống-ngự kẻ quần-thần, như thế là được rồi.

Phê bình. — Học thuyết của Hàn Phi cũng còn nhiều chỗ đáng bài-bác, cũng đại-loại như các phái Pháp-gia khác. Họ Hàn bàn về cái chủ nghĩa pháp-trị rất cao, luận về trọng-hình và cái thuật tiến-dụng nhân-tài, cũng đều còn có khuyết-diểm. Nhưng cứ xét về tình thế đời bấy giờ, thời cái học-thuyết ông ấy cũng đã là trác-kiến lắm. Đời ấy

đương buổi rối loạn, dẫu đạo nhân-ái của Nho-giáo, đạo kiêm-ái của Mặc-giáo, cũng không có cái sức dạy bảo được người đời, cho đến Tuân-tử xướng lên cái thuyết Lễ cũng vô-hiệu. Duy Hán Phi lấy pháp-thuật cho làm cái gốc hành-chánh, đã-phá cái thuyết bác-ái nhân-nghĩa là đạo viễn-vông, thực là

chí-tình phát-lộ ra vậy. Người ấy lưu cái tiếng tốt bất-hủ ở trong sử xanh, là một kẻ chí-sĩ lo nước, một bậc vĩ-nhân cứu đời cũng đáng vậy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU biên-thuật

CẨM-TƯỚNG SAU KHI ĐỌC SÁCH GIA-LONG

Người mình vô-tâm với lịch-sử của mình thiết-tình; chẳng những là phần đông dân-chúng lạnh-lẽo bơ-thờ, không có ý mẫn-mã về sử-học đã đành, mà ngay cả những bậc danh-nho bác-học, sanh-bình chỉ thấy các cụ soạn ra thì-lập lưu-truyền thì nhiều, chứ không ham biên chép và thảo-luận những vấn-đề quan-hệ về lịch-sử. Nước người ta sách sử soạn ra có cả trăm pho ngàn bộ, rất dồi là chỉ một vài thời-kỳ thuộc về lịch-sử, ví dụ như thời-kỳ cách-mệnh nước Pháp, đã có hàng trăm văn gia sử-gia của họ đem ra kỹ-thuật phê-bình hoai-hoai; còn nước mình thì sao thấy lạnh lùng vắng-về quá.

Một cái quốc gia dân-tộc trải hơn bốn ngàn năm, không biết bao nhiêu văn-sự võ-công, không biết bao nhiêu hưng-vong vinh-nhục, thế mà ta có thể bấm đốt ngón tay, tìm lại xưa nay những người gọi là nhà chép sử, bình sử từ Lê Văn-Hưu, Ngô Thời Sĩ cho tới Hoàng Cao-Khải, Trần Trọng-Kim, trước sau chỉ có chừng mươi nhà là nhiều mà thôi.

Quái lạ ! Tôi nhìn thấy có nhiều người Pháp biên chép Nam-sử, thông-thạo Nam sử hơn là chính người Việt-Nam mình. Có nhiều đoạn ở trong sử mình nên khen nên chê, đáng cười đáng khóc, cũng là người Pháp, nghiêc-cửu

phê-bình, bày tỏ ra cho mình thì mình mới biết. Cũng như có nhiều công-việc sự-tích ngày xưa của mình, đại-khải ở cuối đời Lê mới đây, khôn nói gì xa, mà nề. bây giờ mình muốn tìm-tòi rõ-xét, thì tất-nhiên phải coi nhờ cái kho sách của hội Truyền-giáo Ngoại-quốc (Société des Missions Et étrangères), kiểm mấy cuốn sách của các ông cố-đạo sang xứ ta vào những hồi thế-kỷ 17, 18 và 19 mà xem, chứ đồ ai tìm thấy dẫu lịch gì rõ-ràng ở trong sử-quán hay là dân-gian của ta cho có. Tệ ra chuyện mình mà người khác lại biết rành nhớ kỹ hơn mình vậy?

Cái tư-tưởng ấy in sâu trong trí-não tôi đã lâu, giờ đọc cuốn Gia-long, thì nó lại càng in sâu thêm lên một tầng nữa.

..

Gia-long là cuốn sách về lịch-sử ta, dày trên 200 trang, do một người Pháp là M. MARCEL GAULTIER viết ra, mới xuất-bản tại nhà in Ardin ở đây; trên đầu có bài tựa của quan Toàn-quyền PASQUIER ngợi khen tác-giả dữ lắm. Ngợi khen là phải, vì một người Pháp như ông MARCEL GAULTIER mà viết ra cuốn sách như cuốn Gia-long này, thật tỏ ra người rất thông-thạo lịch-sử nước Nam, và biết quan-sát, biết phân

bình một cách đưng-dần. Muốn biết qua nhân-vật và thời-dại của vua Gia-long tức là vị vua đã thống-nhất Nam-Bắc và sáng-tạo Nguyễn-trào bây giờ ra thế nào; muốn biết hồi đó người Pháp giúp sức cho vua Gia-long để thắng được cuộc nội-chiến với vua Tây-sơn ra thế nào; lời tướng anh em ta nên đọc cuốn Gia-long của ông MARCEL GAULTIER.

Bắt đầu 80 trang ở trên, tác-giả bày tỏ cái tinh-thần phấn-dầu tự-cường của dân-tộc Việt-Nam ta, trải bao phen anh hùng xóm ý mạnh là anh Tàu kia muốn nuốt mà nuốt không trôi cổ. Mỗi khi có cái sức dè xuống, là mỗi khi có cái sức vùng dậy. Từ đời Hồng-bàng qua Đinh, Lý, Trần cho xuống tới nhà Lê, trải bao phen dẫu biến đổi thay, tác-giả khéo tóm tắt những điều cốt-yếu, hầu cho người đọc có thể dòm được cái đại-quan dĩ vãng của lịch-sử nước Nam.

Đoạn này có lẽ tại tác-giả tóm-tắt quá, nên chỉ có hơi lộn-xộn. Nhất là về tên người, tên đất, tác-giả viết bằng tiếng Việt-Nam sai bộn. Người Việt-Nam nào không thuộc lịch-sử, có lẽ vì đó mà phải làm theo cả tên người tên đất của mình. Song đó là cái thông-bệnh của hầu hết người Pháp viết sách quan-hệ về nước Nam; chỉ trừ ông nào học tiếng Việt-Nam rành như hạng ông CORDIER thì không kể, còn thì các ông đều viết cách đánh vần lấy âm theo chữ lang-sa, đại-khai như tiếng các chùa mà viết là Catiou hết thảy.

Rồi đó tác-giả bước vào chánh-truyện vua Gia-long.

Hồi Tây-sơn nổi lên đánh dè cơ-nghiệp của chúa Nguyễn ở Thuận-hóa, thì đức Nguyễn Ánh tức là vua Gia-long về sau, bấy giờ mới có 17 tuổi. Ngài trốn chạy vào Nam-kỳ, chiêu-tập bọn trung-thần nghĩa-sĩ để mưu khôi-phục giang-sơn của tổ-phụ mình. Song

tướng-tài và binh-lực của Tây-sơn mạnh lắm, ngài phải thua chạy thất-diên bát-dao, lúc ra Phú-quốc, khi qua Xiêm-la, có lần chỉ thiếu chút nữa là bị Tây-sơn tóm được. May sao lúc ấy ngài gặp được đức thầy Bà-đa-lộc. Ông cụ đạo này tuy là nhà tu-hành, nhưng mà có cái hoài-bảo về chánh-trị, có tinh thần ái-quốc rất thâm; nhân ở nước Nam lâu ngày, đã biết rõ địa-thế tài-sản nước Nam, đáng nên lợi-dụng ra thế nào, ông muốn cho nước Pháp được hưởng, để mở-mang cái thế-lực mình ở hải-ngoại ra, hầu có ganh đua với Hồng-mao hồi đó đang kinh-doanh ở Ấn-độ.

Bởi vậy ông khuyên đức Nguyễn Ánh nên cầu-viện nước Pháp. Giữa lúc cơn nguy thế bức, ngài vui lòng nghe theo, liền giao Hoàng-tử Cảnh cho đức thầy Bà-đa-lộc vượt ngàn trùng biển rộng, qua Pháp-đình cầu-viện, và giao cho một tờ điều-ước kỹ sẵn, hẹn sau khi xong việc rồi thì xin dâng nước Pháp cù-lao Côn-lôn và hải-cảng Đà-nẵng, ngoài ra người Pháp được thông thương truyền-giao ở đất nước Nam tự-do.

Đức thầy Bà-đa-lộc qua Pháp tàu bày rõ việc lợi-ích, vua Louis XVI chuẩn-y liền. Hoàng-tử Cảnh được Pháp-đình tiếp-đãi theo lễ vương-hầu, trong trào khai-diễn thiết-yếu luôn. Vua Louis XVI đã sửa-soạn ra lệnh cho mấy chiếc tàu và mấy ngàn lính sang viện nước Nam, thì tinh-linh nước Pháp có chuyện xích-mịch với Hòa-lan và Hồng-mao, thành ra vua Louis ngừng việc cử-binh lại mà giao vấn-đề cầu-viện này cho ông GONWAY là Toàn-quyền đất Pondichéry (thuộc-địa Pháp ở Ấn-độ) xem xét, đề mặc ông ta liệu-dinh thi-hành hay không tự-y.

Rồi ông GONWAY có chuyện bất-bình đức thầy Bà-đa-lộc, ông ta bèn kiếm cớ tâu về Pháp-đình rằng việc cầu-viện

nước Nam không có chi là lợi ích cả, tốt hơn là đừng thêm phát-binh. Cơ-khở thay ! Công-phu đi lại đợi chờ có bốn năm dư, nay sôi hồng hồng không như vậy ; làm cho đức thầy Bá-da-lộc hoảng-hồn, vừa sợ thất lời hứa với đức Nguyễn-Anh, cũng vừa sợ mất việc lợi cho nước Pháp, đức thầy liền chiêu-mộ những người Pháp đang làm ăn cư-ngụ tại xứ Pondichéry, được bọn các ông OLIVIER, CHAIGNEAU, v. v... cả thầy mấy chục người, nào là kỹ-sư, nào là tướng tá, nào là tay chugén-món đóng tàu, nào là người đã trải chiến-trận ; nói tóm lại là đức thầy mộ đủ những tay anh-tài cần dùng để qua Nam-kỳ.

Có bọn các ông ấy qua trông nom đóng tàu đúc súng, chỉ bảo luyện võ tập binh, thành ra nhờ đó đức Nguyễn Anh mới nổi mạnh thế lên, trong tay có đủ cường-binh lợi-khí, không bao lâu thì đánh ngã được Tây-sơn, thống nhất cả Nam Bắc, mà dựng nên cái đế-nghiệp Gia-long và Nguyễn-trào vậy.

Đoạn lai-lich cầu-viện này, ông MARCEL GAULTIER nói rõ-ràng kỹ-lượng lắm. Đã kể việc võ-công của đức Gia-long rồi, tác-giả lại nói tới việc chánh-trị, đề tỏ ra đức Gia-long đã là bậc vua anh-hùng, lại cũng là một tay chánh-trị giỏi nữa.

Thời-dại của ngài lúc bấy giờ khó-khăn lắm, là vì người ta còn đang lưỡng nhờ nhà Lê phần nhiều ; họ thấy ngài đánh Tây-sơn rồi tự lên làm vua, không nói gì đến họ Lê, thì dân-tám rất là bàng-hoàng, quốc-sự lâm bề lộn-xộn. Bởi vậy ngài phải lo sắp đặt sửa-sang chế-độ chánh-trị lại, và nhất là soạn ra bộ luật Gia-long, hầu đem dân vào khuôn-phép và oai-quyền của tân-trào. Tác-giả khen rằng vua Gia-long đánh giặc có tài mà trị nước cũng giỏi.

Đó là cái nội-dung đại-lược của cuốn sách Gia-long dày 230 trang mà ông

MARCEL GAULTIER đã viết ra đề góp vào cái kho sử-học nước Nam, tôi rất khen ông và đọc sách ông, tôi không khỏi có một vài điều cảm-tưởng, đề tôi sẽ bày tỏ ra sau.

Trên đây tôi đã kể đại-lược cái nội-dung cuốn Gia-long rồi, nay xin cùng đọc giả tỏ bày một vài cảm-tưởng sau khi đã đọc.

Ồ MARCEL GAULTIER viết ra cuốn sách có công-phu khảo-cứu này, chủ-ý là đề bày tỏ cái công-nghiệp của những người Pháp hồi thập-bát thế-kỷ đã giúp đỡ vua Gia-long rất là lớn-lao, và nhờ có sự giúp đỡ ấy vua Gia-long trở nên vị vua anh-hùng thống-nhất nước Nam vậy.

Trong khi tự-thuật công-nghiệp anh-hùng của vua Gia-long ta, cũng là công-nghiệp phò-lá của mấy chục người Pháp tiền-bối,— cách tự-thuật rất có màu-mè, hình-sắc,— tôi thấy trong thâm-lâm của tác-giả có một điều than-thán tiếc-tiếc, nói qua nhắc lại nhiều lần. Ấy là than tiếc rằng chớ chi hồi đó vua Louis XVI là người minh-mẫn, biết xét đại-thế của thiên-hạ, thấu rõ lợi-ích cho nước nhà, mà cả quyết ra binh cứu viện nước Nam ; chớ chi hồi đó lão toàn-quyền GONWAY ở Pondichéry không phải là người nhỏ mọn, và đừng sinh lòng ganh ghét phá tan cái chánh-sách ái-quốc của đức thầy Bá-da-lộc ; thì nước Pháp đã dựng nên địa-vị lợi-quyền ở nước Nam ngay từ hồi đó rồi. Có đâu phải chậm trễ tới một thế-kỷ sau phải đánh chác mất công !

Tác-giả định-ninh về chỗ này lắm, cho nên có nơi này thì nói : « Nếu như thảo ấy Pháp-hoàng cả quyết một chút, thì cuộc thực-dân của nước Pháp ta ở Đông-dương đã xong sớm một trăm năm trước, mà chẳng phải khó-khăn ngàn-trở gì hết ». Nơi khác lại nói : « Trên đời đã có kẻ như hạng SILHOVETTE báo-hại ông DUPLEIX không làm thành

việc chiếm-lãnh toàn xứ Ấn-độ cho nước Pháp rồi giờ lại có thứ người như GONWAY làm chậm trễ cuộc thực-dân của ta ở nước Nam-Việt hết một trăm năm. »

Tác giả than-tiếc điều đó, thật là xuất-ừ chân-tình, mà cũng là nói ngay sự thật. Phải, sự thật nếu lúc bấy giờ nước Pháp muốn giữ địa-vị hướng-đạo, muốn thực dân ở nước Nam, có khó-khăn chút nào đâu. Vua Louis XVI chỉ có việc phát binh và cho lâu qua cứu-vận, rồi chiếu theo điều-trước vua Gia-long ta đã ký sẵn, thì cuộc thực-dân thành-lập ngay ở Hà-năng, Côn-lôn và rồi cả nước Nam nữa cũng được. Giữa lúc ấy tuy có nước Hồng-mao và Hòa-lan cạnh-tranh kinh-dịch với nước Pháp thật, nhưng mà một nước đang lo kinh-danh ở Ấn-độ, một nước đang bận khai-thác ở Nam-dương, vậy thì có ai tranh-giành ngăn-cản nước Pháp thực-dân ở Nam-quốc ta đâu. Nếu tôi là ông MARCEL GAULTIER thì tôi cũng phải than-tiếc cho tổ-quốc tôi như thế.

Song tôi là người nước Nam, cũng có một điều than-tiếc cho tổ-quốc tôi, mà than-tiếc việc khác.

Ta nên biết hồi đức thầy Bá-da-lộc mưu việc cầu-viện đại-binh không xong, thì đức thầy mộ ngay mấy chục người Pháp đang ở Pondichéry để đem qua phò tá vua Gia-long. Những ông này đều là bậc nhân-tài chuyên-môn hết thảy, được vua Gia-long tin dùng nhờ cậy lắm. Nào là ông OLIVIER DE PUVMANEL đắp thành; nào là hai ông DAYOT và LERRON lo việc đóng thuyền, luyện-tập thủy-binh; nào là các ông BARIZY GIRARD thì chuyên đúc súng đạn; nào là hai nhà ngoại-khoa DESPERLES và DESPIAUX thì giữ việc quân-y, văn-văn. Mỗi ông thì-thở một tài, sắp đặt một việc. Ấy thật là một cơ-hội mà trời cho ta thấy những cái kỹ-xảo-tài-năng của người

Thái-tây ở ngay trước mắt, chính là trời rước thầy lại và bảo ta nên mở mắt ra để tự-lo duy-tân biến-cách đi đó

Tuy một mình vua Gia-long thấy rõ tài-năng của các ông trên đây, và biết cái kỹ-xảo Thái-tây có ích cho mình; nhưng chỉ tiếc thay các cụ triều-thần không biết mới uống? Các cụ thấy mấy ông người Pháp được vua trọng đãi tin dùng thì đem lòng ghen ghét ngờ vực, rồi lâu ra lâu vớ, nói vầy nói khác, đến nỗi mấy ông sinh buồn mà bỏ đi lần lần. Chớ chỉ hồi đó bọn sĩ-phu của ta có cái óc thông-minh « tri bỉ tri kỷ » mà biết phản-phát tình ngộ, thì có lẽ nhờ thầy Pháp chỉ bày, nước Nam ta đã mở cuộc duy-tân sớm hơn Nhật-bản kia rồi.

Triều-thần đời cồ ta, thật là bất-thức-thời và tự-phụ thái-quá; hình như đầu đảng quân-vương ở trên, có muốn biến cách duy-tân cũng khó lòng làm được với các cụ. Coi như việc các cụ dám thọc cho mấy ông người Pháp bỏ đi, làm vua Gia-long ta mất những tay phò tá quý báu đó thì đủ biết. Lại sau, đến đời Tự-đức, biết bao nhiêu bậc sĩ-phu thức-thời như các ông Võ Huy-Bích, Trần Tử-Hậu, Nguyễn Trường-Tộ, v. v... đều đi du-lịch Âu-châu, thấy rõ thiên-hạ văn-minh đại-thế khi về nước lâu bày lợi-hại, một hai xin nhà vua mau mau cải-cách duy-tân. Vua Tự-đức biết nghe và m: ổn làm, nhưng không thể nào làm được, ấy cũng là bởi các cụ triều-thần ghen ghét cản trở chớ ai.

Các cụ sợ vua nghe lời mấy ông kia, thì địa-vị và thế-ti-ống của mình có mất đi chăng, cái tư-lương hủ-bại của các cụ đã làm nước ta chìm đắm mãi trong vòng hủ-bại cho tới lúc người Pháp qua bảo hộ ta mới thôi vậy.

Thật, tôi chắc hồi đời Gia-long, nếu như ta thấy các ông OLIVIER, DAYOT, xây thành luyện-binh, đóng tàu đúc súng cho ta, mà ta biết mở mắt giết mình, để học lấy những điều khôn khéo ngay từ bây giờ, thì ta đã có thể học ông thầy Pháp mà dạy-lân tự-cường trước người Nhật-bản lâu. Vì hồi đời Gia-long ta, thì Nhật-bản chưa có bậc vua như Minh-trị và bậc tôi như Tây-hương Long-thạnh, như Cát-diễn Tùng-âm ra đời đầu.

Có cái cơ-hội đưa tôi trước mắt mà mình không biết lợi-dụng, tôi lấy làm

than tiếc là vậy đó. Điều than tiếc của tôi vẫn là khác với điều than tiếc của tác-giả MARCEL GAULTIER, nhưng vì là-quốc mà phát ra, thì cũng là một vậy.

Đọc cuốn sách của ông chỉ có cái cảm-lưỡng ấy là thâm-thiết hơn cả. Còn cái cảm-lưỡng khác, đối với bộ luật Gia-long mà ông ngợi khen ca-tụng thì tôi mong có thể bày tỏ ra trong một dịp sau.

NGUYỄN KỶ-PHONG

(Đức-nhà-nam)

THƠ ĐƯỜNG ĐIỂN NÔM

驚秋

Kính thu

霜竹風蟬昨夜秋

Sương trúc phong thiên tạc dạ thu,

百年心事付東流

Bách-niên tâm sự phó đông lưu;

明霜義分成離語

Minh sương nghĩa phân thành hữ-
ngữ,

早俗文章惜暗投

Phụ-tục văn-chương tiếc ám-đầu;

長笑李斯隄涸鼠

Trường tiếu Lý-Tư xưng hống thử,

每多莊叟喻懷牛

Mỗi đa Trạng-tầu dụ hi ngưu;

五湖烟景盈歸夢

Ngũ hồ yên cảnh doanh qui mộng,

蘆荻花中一釣角

Lô đích hoa trung nhất diếu châu.

Thu tới đêm qua gió lạnh-lùng,

Trăm năm sự cũ nước về dòng;

Tỏ đường phân nghĩa nào nên
truyện,

Hay lối văn-chương cũng luống công;

Chê gã Lý-Tư bần chuột lợi,

Khen chàng Trạng-Tầu vì trâu chung;
Chiếm-bao lần-quần miền mây nước,
Một lá thuyền câu thả giữa dòng.

別舍弟宗一

Biệt xá đệ Tôn-nhất

客落殘魂倍黯然

Linh-lạc tàn hồn bội âm-nhiên,

雙垂別淚越江邊

Song thủy biệt lệ Việt giang biên;

一身去國六千里

Nhất thân khứ quốc lục thiên-lý,

萬死投荒十二年

Vạn tử đầu hoang thập nhị-niên;

桂嶺瘴來雲似墨

Quế-lĩnh chương lai vân tự mặc,

洞庭春盡水如天

Động-dinh xuân tận thủy như thiên;

欲知此後相思夢

Dục tri thử hậu tương tư mộng,

長在荆門野樹烟

Trường tại Kinh-môn Dĩnh-thu yên

Chiếc bóng long-dong luống những
rầu,

Bên sông lã-chữ sái hàng châu;

Đường xa xây bước là chừng ấy,
Cõi quanh liêu minh chốc bấy lâu;
Lạnh tới mây mờ trên núi thẳm,
Xuân về nước chảy xuống hồ sâu;
Sau này dù có chiêm-bao thấy,
Hắn chốn Kinh-môn ấy thấy nhau.

金陵懷古

Kim-lăng hoài cổ

玉樹歌殘王氣終
Ngọc thụ ca tàn vương khí chung,
景陽兵合戍樓空
Cảnh-dương binh hợp thủ lâu không;
松楸遠近千家塚
Tùng thụ viễn cận thiên gia chủng,
禾黍高低六代宮
Thạch yển phất vân tình diệp vũ,
江豚吹浪夜還風
Giang đồn xuy lãng dạ hoàn phong;
英雄一去豪華盡
Anh hùng nhất khứ hào hoa tận,
惟有青山在洛中
Duy hữu thanh sơn tại Lạc-trung.

Chơi rồi khúc hát, cuộc đời tàn,
Đồn Cảnh-dương buống mũi lửa
tan;
Đồng mã công-khanh cây lớp-nhóp,
Nền nhà vương-bá cỏ mê-man;
Yến bay dương nắng mưa nền trận,
Cá quẫy ban đêm gió nổi con;
Vắng hết anh-hùng thì cảnh quạnh,
Núi xanh còn mấy đất Trường-an.

咸陽城西望晚眺
Hàm-dương thành tây vọng
vãn kiêu

一上高城萬里愁
Nhất thượng cao thành vạn lý sầu,
秦陵楊柳似汀州
Kiếm hà dương liễu tự đình-châu;
溪雲初起日沉閣
Khê vân sơ khởi nhật trầm các,
山雨欲來風滿樓
Sơn vũ dục lai phong mãn lầu;

鳥下綠簾寒幾夕
Điểu hạ lục liễn hàn mấy tịch,
蟬鳴黃葉漢宮秋
Thiên minh hoàng diệp Hán cung thu;
行人莫問朝朝事
Hành nhân mạc vấn tiền triều sự,
渭水寒聲晝夜流
Vị thủy hàn thanh trú dạ lưu.

Ngao-ngán thành cao buổi mới trèo,
Chòm dương khóm liễu thướt-tha
chiều;

Bên khe mây nổi khi ô lặn,
Sườn núi mưa tuôn lúc gió hiu;
Cỏ lặn vườn Tần chim tối đậu,
Lá bay cung Hán để thu kêu;
Thời dừng hỏi truyện đời xưa nữa,
Sông Vị đêm ngày nước chảy reo.

途經驪山

Đồ kinh Ly-sơn

聞說明皇醉碧桃
Văn thuyết Minh hoàng túy Bích đào,
日華浮動鬱金袍
Nhật hoa phù động uất kim bào;
風隨玉輦笙歌迴
Phong tùy ngọc liễn sinh ca quỳnh,
雲捲珠簾劍錦高
Vân quỳnh châu liềm kiếm bài cao;
鳳駕北歸山寂寂
Phượng-giá bắc qui sơn tịch-tịch,
龍旗西幸水滔滔
Long kỳ tây hạnh thủy thao thao;
貴妃沒後巡遊少
Quý phi một hậu tuần du thiểu,
瓦落宮牆見野蒿
Ngõa lạc cung tường kiến dã cao.

Nghe nói say đào truyện thừa xưa,
Xiêm vàng lông-lãnh về trời trưa;
Gió diu kiệu ngọc nghe cung hát,
Mây cuốn rèm châu thấy bóng cờ;
Ngựa bắc đi rồi, non dề quạnh,
Xe tây ruổi thẳng nước theo đưa;
Người tiền-vắng về vui chi nữa,
Ngôi rụng bên tường cỏ phất-phơ.

荆門道懷古

Kính-môn đạo hoài cổ

Nam-quốc sơn xuyên cựu dĩ kỳ,
Tống dài Lương quán thượng y-hi;
Mã tề cổ thụ hành nhân yết,
Mạch tú không thành dã trĩ phi;
Phong xuy lạc diệp diên cung tỉnh,
Hỏa nhập hoàng lăng hóa bảo y;
Đồ sử từ thần Dữu khai phủ,
Hàm-dương chung nhật khổ tư-qui.

Non sông xưa ấy đất Trường-an,
Điện Tống, cung Lương hãy tưởng

Cây cũ ngựa kêu người nghĩ mát,
Thành không lửa tốt trĩ bay đàn;
Lá vàng trước giếng hơi may thổi,
Áo ngọc trong lăng bụi lửa tan,
Luống dề từ-thần quan họ Dữu,
Trộn ngày nhớ cảnh giọt châu chan.

再授連州至衡陽酬別夢得
Tái thụ Liên-châu chí Hành-
dương thù biệt mộng-dắc

去國十年同赴召,
Khứ quốc thập-niên đồng phó triệu,
湘江千里又分岐,
Tương-giang thiên lý hựu phân kỳ;
重臨華異賁丞相,
Trùng lâm sự dị Hoàng thừa tướng,
三黜名漸柳士師,
Tam truất danh tiệm Liễu sĩ sư;
歸日併隨回雁盡,
Quy nhật tịnh tòng hồi雁盡,
愁腸正遇斷猿時,
Sầu trường chính ngộ đoạn viên thi;
桂林東過連山下,
Quê-lâm đông quá liên sơn hạ,
相望長吟有所思,
Tương vọng trường ngâm hữu sở tư.

Cách-trở mười năm cùng chịu mệnh,
Mệnh-móng nghìn dặm lại chia biên;
Dĩnh-xuyên truyện cũ so đường

khác,
Liễu-hạ danh xưa hồ đã nhiều;
Con mắt trông theo vớt nhạn lạnh,
Tấm lòng buồn với tiếng viên kêu;
Mai đông chạy xuống giăng liền núi,
Nhìn cảnh ngậm thơ dạ dễ tiêu.

開元後樂

Khai-nguyên hậu nhạc

莫奏開元舊樂章,
Mạc tấu Khai-nguyên cựu nhạc
chương,
樂中歌曲斷人腸,
Nhạc trung ca khúc đoạn nhân

腸;
寧王玉笛三更咽,
Ninh vương ngọc địch tam canh yết,
號國金車十里香,
Quốc quốc kim xa thập lý hương;
一自犬羊生薊北,
Nhất tự khuyển dương sinh Kiết Bắc,
便從征伐老汾陽,
Tiện tòng chinh phạt lão Phàn-

陽;
中原駿馬搜求盡,
Trung-nguyên tuấn mã sưu cầu tận,
沙苑年來草又芳,
Sa uyển niên lai thảo hựu phương.

Khai-nguyên nhạc cũ chưa đem rung,
Mấy những lời ca não ruột lòng;
Tiếng địch vua Ninh đêm nguyệt thét,
Cổ xe nước Quốc thức hương lồng;
Từ phen Tô-bắc khua hồi trống,
Đòi trận Phàn-dương giặc áo nhung;
Ngựa tốt bốn phương thu đã hết,
Cỏ sa dề rậm bấy nhiều đông.

宮詞

Cung từ

十二樓中盡晚妝,
Thập nhị lầu trung tận hựu trang,
望仙樓上望君王,
Vọng tiên lầu thượng vọng quân

鑽 喇 金 耶 連 環 冷
 Toàn hãm kim thú liên hoàn lãnh,
 水 滿 銅 龍 盡 漏 長
 Thủy trich đồng long tru lậu trường;
 雲 髻 罷 歸 逗 對 鏡
 Vân-kế bãi qui hoàn đối kính,
 羅 衣 欲 換 更 添 香
 La y dục hoán cậh thiêm hương;
 遙 窺 正 殿 嚴 開 處
 Dao khuy chính điện nghiêm khai xứ,
 袍 袴 宮 人 掃 御 床
 Bào khố cung nhân tảo ngự sàng.

Phấn hoa buổi sớm khắp đời cung,
 Lên đứng lầu tiên ngấp-nghe trông;
 Buồng lạnh then cài êm khóa ngọc,
 Ngày lâu giọt rỉ chậm lâu đồng;
 Vội vàng lấy kính soi đường rẽ,
 Làn thân thêm hương đời áo xống;
 Rèm hé xà nhôm lên chính-diện,
 Trục châu phiến chùi quét ngai rồng.

南海旅次

Nam-hải lữ thứ

思 掃 休 上 粵 王 臺
 Tư qui hưu thướng Việt-vương đài,
 歸 思 鴻 高 不 易 裁
 Qui tư lâm cao bất dị tải;
 作 客 正 當 無 處 處
 Tác khách chính đương vô nhạ xứ,
 故 園 誰 道 有 書 來
 Cố viên thù đạo hữu thư lai;
 埽 頭 早 角 吹 霜 盡
 Thành đầu tảo giác xuy sương tận,
 郭 隄 寒 潮 滿 月 迴
 Quách lý hàn trào dâng nguyệt hồi;
 心 似 白 花 開 未 得
 Tâm lý bạch hoa khai vè đắc,
 年 年 爭 向 被 春 催
 Niên-niên tranh hướng bị xuân thôi.

Đừng lên đền Việt tránh lòng xa,
 Lên đó càng thêm bát-ngát ra;
 Ở chốn lạ lòng không sử nhạ,
 Khen ai bày đặt có tin nhà;
 Côi thành rúc thối khi sương sớm,
 Nước quách trôi theo buổi nguyệt
 tà;

Trăm cánh ấp sâu chưa nở được,
 Chua xuân đời đoạn ghẹo lòng hoa.

過蠻溪渡

Quá Man-khe độ

綠 楊 如 髮 柳 如 煙
 Lục dương như phát liễu như yên,
 立 馬 危 橋 獨 喚 船
 Lập mã nguy kiều độc hoán thuyền;
 山 口 斷 雲 迷 舊 路
 Sơn khẩu đoạn vân mê cựu lộ,
 渡 頭 芳 草 憶 前 年
 Độ đầu hương thảo ức tiền niên;
 身 隨 遠 道 徒 悲 梗
 Thân tùy viễn đạo đồ bi ngạnh,
 詩 賈 明 時 不 值 錢
 Thi giá minh thời bất trị tiền;
 師 去 楚 臺 還 有 計
 Sư khứ Sở-dài hoàn hữu kế,
 釣 船 春 雨 日 高 眠
 Diều thuyền xuân vũ nhật cao miên.

Lá dương mát mẻ ngọc thừa lò,
 Dừng ngựa cầu ngang vẫy gọi dò;
 Đường cũ quen đi non quanh quẽ,
 Truyền xưa nhớ lại bến thơm-tho;
 Minh theo dặm khách trôi bao xiết,
 Thơ bán đời bình ế chẳng mua;
 Rắp tính một bài về đất Sở,
 Thuyền câu ngày mát ngày pho pho.

春晚岳陽城言懷

Xuân vãn Nhạc-dương thành ngôn hoài

烟 花 零 落 過 清 明
 Yên hoa linh-lạc quá thanh minh,
 異 國 光 陰 老 客 情
 Di quốc quang âm lão khách tình;
 夢 夕 陽 愁 裏 色
 Mộng tịch dương sầu lý sắc,
 洞 庭 春 浪 半 來 聲
 Động-dinh xuân lãng nửa lai thanh;
 天 邊 一 與 孤 山 別
 Thiên-biên nhất dĩ cưu sơn biệt,
 江 上 幾 看 芳 草 生
 Giang thượng kỷ khan phương thảo
 sinh;

獨凭闌干意難寫
Độc bình lan-can ý nan tả,
暮笳鳴咽調孤城
Mộ giã minh yết điệu cô thành.

Hoa bay liễu ngủ đã qua tuần,
Lần thân quê người bóng duỗi dần,
Vân-mộng vắng ô buồn thấy xẽ,
Động-dinh tiếng sóng lắng nghe gần;
Góc trời từ thủa xa non cũ,
Trên bến đôi phen ngâm cô xuân;
Ngồi tựa cầu-lon lòng muốn vẽ,
Thành hôm rầu rĩ thét còi rần.

登九華山寄張祐

Đăng Cửu-hoa sơn ký Trương-Hựu

有感中來不自由
Hữu cảm trung lai bất tự do,
角聲孤起夕陽樓
Giác thanh cô khởi tịch dương lâu;
碧山終日思無盡
Bích sơn chung nhật tư vô tận,
芳草何年恨始休
Phương thảo hà niên hận thủy hưu;
曉在眼前猶不見
Tiếp tại nhãn tiền do bất kiến,
道非身外更何求
Đạo phi thân ngoại cánh hà cầu;
何人得似張公子
Hà nhân đắc tự Trương-công-tử,
千首詩輕萬戶侯
Thiên thủ thi khinh vạn hộ hầu.

Khôn cầm lòng đậu những là rầu,
Ác xẽ, vo ve dịch trước lầu;
Non vắng đôi ngày thêm nỗi nhớ,
Cỏ xuân mấy thủa dứt cơn sầu;
Mây gần trước mắt khôn nhòm thấy,
Đạo sẵn trong mình phải học đầu;
Vị được chàng Trương xem cũng ít,
Thơ ngâm ngắt-ngưỡng gác sang
giàu.

訪張明府

Phỏng Trương Minh-phủ

陶潛官罷酒瓶空
Đào Tiềm quan bãi tửu bình không,

門掩黃花一徑塵
Môn yểm hoàng hoa nhất kính phùng;
有調詩吟山色裡
Hữu điệu thi ngâm sơn sắc lý,
無絃琴在月明中
Vô huyền cầm tại nguyệt minh trung;
遠簷高樹宜幽鳥
Viễn thiềm cao thụ nghi u điều;
出岫孤雲逐晚紅
Xuất trục cô vân trục vãn hồng;
別後東籬數枝菊
Biệt hậu đông ly số chi cúc,
不知閑醉與誰同
Bất tri nhàn túy dữ thù đồng.

Gác xe Bánh-trạch cận bầu say,
Cửa quạnh hoa vàng ngọn gió bay;
Tiếng độc hang non thơ có điệu,
Cầm reo cung nguyệt phiếm không
đây;
Chim chồn dậm thẳng nường cạnh
biếc,
Ráng mọc ban chiều lặn về mây;
Từ-giã nhau rồi về giậu cúc,
Biết là say tỉnh với ai đây.

曲江春感

Khúc-giang xuân cảm

江頭日煖花正開
Giang-đầu nhật noãn hoa chính khai,
江東行客心悠哉
Giang-đông hành khách tâm du tai;
高陽酒徒半凋落
Cao-dương tửu đồ bán điều-lạc,
終南山色正崔嵬
Chung nam sơn sắc chính thùy ngời;
聖代也知無藥物
Thánh đại dã tri vô khí vật,
侯門未必用非才
Hầu môn vị tất dụng phi tài;
滿船明月一竿竹
Mãn thuyền minh nguyệt nhất can trúc,

家在五湖歸去來
Gia tại ngũ hồ qui khứ lai.

Hoa nở bên sông bóng ác soi,
Trạnh ngừng lòng khách dặm xa
khơi;

Bạn quen đã vắng ba bầu cúc,
Cảnh cũ còn in một đỉnh mai;
Đời thành ắt rành không bỏ cửa.
Cửa hầu chẳng dễ có làm ai;
Thuyền trăng dùng-dỉnh gieo cần
trúc,
Trở neo năm hồ dạo gót chơi.

高懷

Ngộ hoài

萬古交馳一片塵
Vạn cổ giao tri nhất phiến trần,
思量名利孰如身
Sĩ lượng danh lợi thực như thân;
長疑好事皆如夢
Trường nghi hảo sự giai như mộng,
却恐閒人是貴人
Khước khứng nhàn nhân thị quý
Khước khứng nhàn nhân thị quý
nhân;

老逐少年終不得
Lão trục thiếu-niên chung bất đắc,
縣隨榮後定須勻
Huyện tòng vinh hậu định tòng đều;
勸君莫認誇頭角
Khuyến quân mạc nhận khoa đầu giác,
夢迴贏得總未真
Mộng hồi doanhy đổng tổng vị chân.

Bụi hồng đua đuổi rộn trăm đường,
Danh-lợi sao bằng nắm thịt xương;
Việc tốt ngẫm lâu là việc dở,
Người nhàn tưởng lại ắt người sang;
Già theo gót trẻ đường đeo-dắt,
Nhục nối đuôi vinh đã rõ-ràng;
Ở thế đừng khoe xừng-xỏ lắm,
Giấc đâu thua được giấc mơ-màng.

逢吳東玉

Phùng Ngô-đông-ngọc

十年身世各如萍
Thập-niên thân thế các như bình,

白首相逢淚滿襟
Bạch thủ tương phùng lệ mãn anh;
老去不知花有態
Lão khứ bất tri hoa hữu thái,
雨來惟覺酒多情
Vũ lai duy giác tửu đa tình;
貧疑陋巷春偏少
Bần nghi lậu hạng xuân thiên thiếu,
貴想豪家月最明
Quý tưởng hào gia nguyệt tối minh;
獨對一樽開口笑
Độc đối nhất tôn khai khẩu tiếu,
夢裏應見泰階平
Mị suy ưng kiến thái giai bình.

Phận bèo nênh-nổi mấy thu tròn,
Đầu bạc nhìn nhau giọt lệ tuôn;
Tuổi tác bao màng hoa có nết,
Gió mưa mới biết rượu khuấy buồn;
Hơi xuân đâu đến nơi nhà hẹp,
Bóng nguyệt thêm chong chốn cửa
son;
Ta bấy há-hè nghiêng chén cúc,
Gặp đời bình để ngắm sông non.

傷亂

Thương loạn

岸上花根總倒垂
Ngạn thượng hoa côn tổng đảo thủy,
水中花草幾千枝
Thủy trung hoa thảo kỷ thiên chi;
一枝一影寒山迥
Nhất chi nhất ảnh hàn sơn lý,
野水野花清露時
Dã thủy dã hoa thanh lộ thời;
故國幾年猶戰鬪
Cố quốc kỷ niên do chiến đấu,
異鄉終古見旌旗
Dị hương chung cổ kiến tinh kỳ;
交親流落身羸病
Giao thân lưu lạc thân luy bệnh,
誰病誰亡兩不知
Thùy bệnh thùy vong lưỡng bất tri.

Hoa nở rừng sâu trở cuống vàng,
Cành hoa bóng nước kẻ nghìn hàng;
Cành nào bóng ấy trong hang lạnh,
Nước đó hoa đây giữa lúc sương ;

Con mác xô-bồ miền cổ-quốc,
Ngọn cờ phấp phới chòm hoa-hương;
Anh em xa điển, mình đâu ốm,
Kể hợp người tan chẳng cũng còn.

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣 義 省 誌

VI

III. — Ruộng đất trồng lúa

Tất cả ruộng đất trồng lúa toàn tỉnh trước phỏng 97.566 mẫu ta tức là 35.123 mẫu 76 sào tây, số thu-hoạch mỗi năm ước phỏng 44.070 tấn.

Theo các phủ huyện kê thi số ấy chia ra ruộng đất và số thu-hoạch như sau này (xem biên kê dưới đây) :

Phủ huyện đồn	Đất trồng lúa (mẫu ta)	Đất trồng lúa (mẫu tây)	Số thu-hoạch trung bình đồng-niên (số tấn)
Bình-sơn...	17,800	6,408 ³ / ₄	6.760 tấn
Sơn-tĩnh...	10,376	3.735,36	5.116
Tư-nghĩa...	18,800	6.768,00	9.343
Mộ-đức...	22,400	8.064,00	9.500
Đức-phổ...	10,084	3.630,24	6.289
Nghĩa-hành...	9,020	3.247,20	4.822
Ba-tơ.....	4,000	1.440,00	1.490
Sơn-hà.....	2,000	0.720,00	4.831
Trà-bồng...	1,282	0.461,52	0.228
Minh-long...	1,804	0.649,44	0.048
Tổng-cộng.	97.566	35.123 ³ / ₄	44.070 tấn

Tỉnh Quảng-ngãi tuy làm nhiều mùa, nhưng mà dân Quảng-ngãi vẫn chịu cái tiếng là một tỉnh dân nghèo, về phần nhiều dân-gian không có đất ruộng cấy nên tha-vãng hạt khác làm ăn, phần

đồng vào Nam-kỳ hoặc đến làm công tại các sở trồng cao-su, trồng chè, trồng cà-phê ở các đồn-diễn các miền Thượng-du các nơi.

Số người tha-vãng di sinh-lý toàn tỉnh ước phỏng 2.500 người chia ra như sau này :

Phủ Bình-sơn	48 người
— Sơn-tĩnh	344 —
— Tư-nghĩa	287 —
— Mộ-đức	456 —
Huyện Đức-phổ	791 —
— Nghĩa-hành	125 —

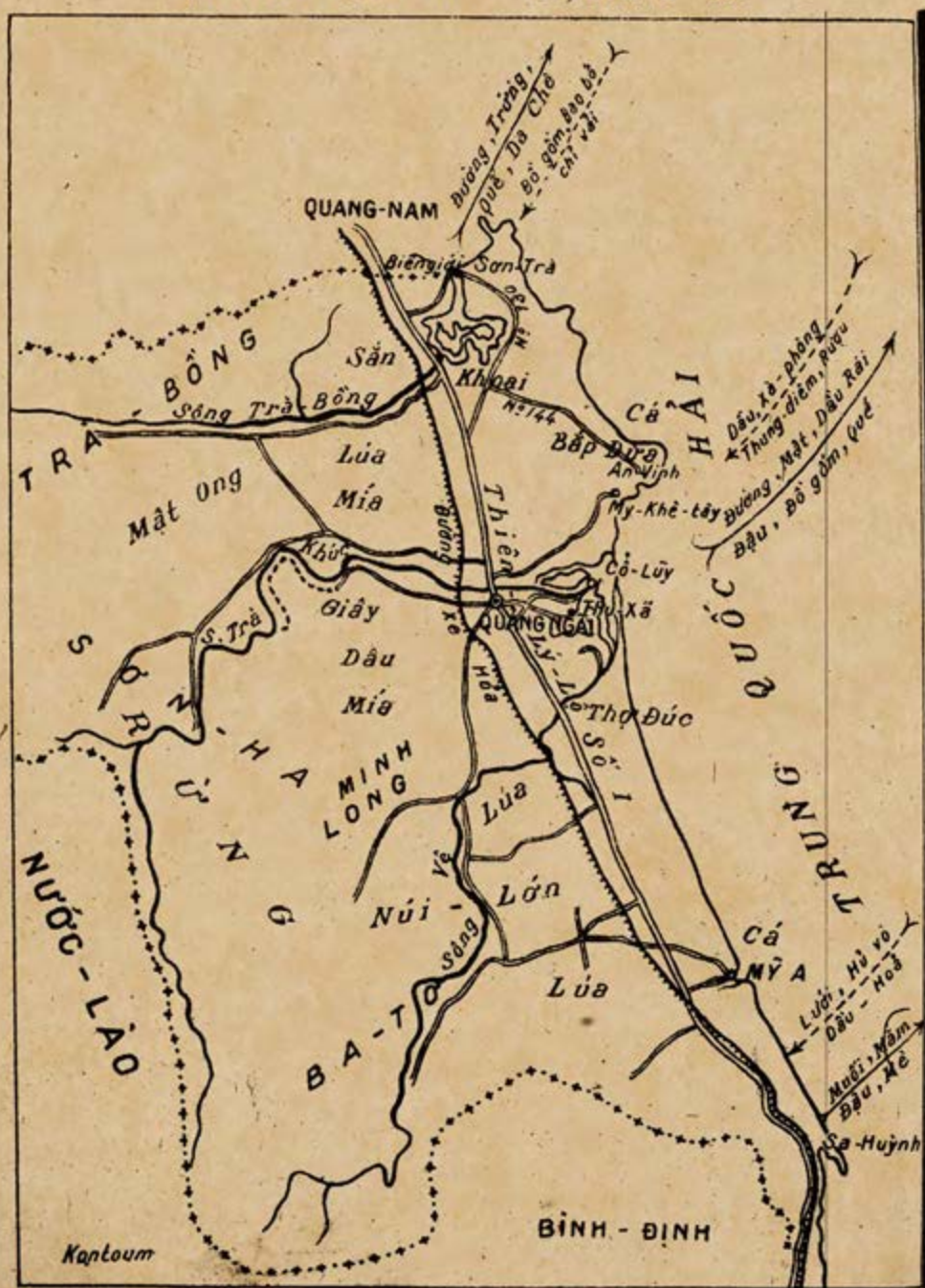
Có hạng người không có đất ruộng phải tha-vãng sinh-lý, nhưng cũng có hạng người có đất ruộng. Trừ ra người có đất ruộng từ mấy sào đến mấy mẫu là số nhiều không nói, còn ngoài ra cũng có người có đất ruộng trên 10 mẫu có thể gọi là nhà tư-bản được. Theo các phủ huyện kê thi số chủ có tư-bản toàn tỉnh ước phỏng 800 chủ, chia ra :

Từ 10 mẫu đến 20 mẫu ước	568 chủ
— 20 — 50 —	170 —
— 60 — 100 —	35 —
Trên 100 mẫu ước được	9 —

Sự sinh-lý được no đủ, ở tỉnh Quảng-ngãi cũng có lắm nguyên-nhân đặc-biệt một phần hoa-lợi là nhờ mùa màng có xe nước tưới khắp, một phần nhờ nghề đường mía.

(1) Xem N.-P. từ số 181.

QUẢNG - NGÃI KINH-TẾ, ĐÀNG-XÁ



IV — Các cách tưới ruộng của nhà nông

1) Xe nước. — Dọc theo hai bên sông Vệ có hơn 50 bờ xe nước, trên sông Trà-khúc có hơn 40 bờ. Nghề xe nước là nghề đặc-biệt của dân tỉnh này, vì chính là xe nước ấy phát-minh ra tự tay một người dân Quảng-ngãi. Theo tục truyền người phát-minh ra xe nước là một ông nhà quê, tên gọi là Thêm, người làng Bồ-đề, phủ Mộ-đức, ở vào đời Tây-sơn niên-hiệu Thái-đức, nhưng chưa lấy gì làm đích-xác, vì theo các nhà khảo-cổ, thì tên Thêm ấy vào năm 1790 niên-hiệu Thái-đức thứ XII, đã có một bờ xe nước trên sông Vệ, vì có tìm ra được một cái đơn xin miễn công-lệch cho thợ chuyên-trách giữ bờ xe ấy, trong đơn ấy có phê ba chữ son : « Thỉnh chấp bằng 聽 執 憑 ».

Theo sách quan Thông-sử LARDE, thì ba chữ phê ấy là của vua Tây-sơn vì là chữ son, nhưng ta chưa dám chắc hẳn có lẽ đời bấy giờ các quan địa-phương phê bằng chữ son, như hồi Mãn-Thanh bên Tàu, các quan châu quận cũng dùng son mà phê và diển ngày.

Hiện nay thuộc ấp Vĩnh-bình, huyện Đức-phổ có tên Ngô Hữu-Châu mới chế ra được một kiểu xe nước mới, nhưng

vẫn còn đương thí-nghiệm chưa đem ra thực-hành.

Đương lúc nhà nước chú-ý về nông-dân, lo mở đường thủy-lợi dân-thủy-nhập-diễn, sự thành-tựu vẫn còn xa, mà nếu tỉnh Quảng-ngãi này không có các bờ xe nước kia thì mùa màng sẽ bị nhiều điều nguy-hiểm trong cơn đại-hạn.

Xe nước ở Quảng-ngãi làm rất chắc-chắn và công-phu, một bờ xe nước thường có từ ba bánh đến mười bánh, tùy theo địa-thể và dòng nước chảy mạnh hay ít mạnh.

Những xe nước ấy toàn-tỉnh cả thấy được 96 bờ chia ra :

Phủ Sơn-tĩnh 29 bờ. Trong số đó được 6 bờ 10 bánh ; 19 bờ 9 bánh ; 4 bờ 8 bánh.

Phủ Tư-nghĩa 24 bờ. Trong số đó được 4 bờ 10 bánh ; 8 bờ 9 bánh ; 12 bờ 4 bánh.

Phủ Mộ-đức 25 bờ. Trong số đó được 5 bờ 5 bánh ; 18 bờ 4 bánh ; 2 bờ 3 bánh.

Huyện Nghĩa-hành 18 bờ. Trong số đó được 7 bờ 5 bánh ; 11 bờ 4 bánh.

Chỉ trong bốn phủ huyện này là có xe nước, vì có sông Trà-khúc và sông Vệ. dòng nước mạnh có thể dựng xe được.

Muốn biết cái lợi xe nước hãy xem bản thống kê sau này :

Xe nước thuộc làng nào	Thuộc về con sông nào	Xe mấy bánh	Ruộng đất tưới được	Ba-lợi đồng-niên thu được	Tiền làm xe tổn hết	Số chi-tiêu rồi còn lại
Đồng-nbơn . . .	Trà-khúc	10	105 mẫu	21.000 ang	1.500 \$ 00	192 \$ 00
Thu-phồ	—	9	150 —	20.184 —	3 500 , 00	753 , 80
Hưng-nhượng . . .	—	8	70 —	600 —	500 , 00	215 , 00
Nghĩa-lập	Sông Vệ	5	24 —	6.000 —	150 , 00	45 , 60
Long-phụng	—	4	30 —	5.400 —	150 , 00	25 , 00
Bồ-đề	—	3	13 —	5.120 —	98 , 00	không lợi

Xem bản kê trên này, ta thấy rõ sự ích-lợi của xe nước, nhưng bất-câu là một cái xe mấy bánh, số tiền làm xe và

số ruộng tưới được không phải do nhiều bánh mà được nhiều, vì như một cái xe 8 bánh, một cái xe 5 bánh có thể đồ thừa

một cái xe 4 bánh hoặc 3 bánh. Sự hơn thua đó nhờ ở kiến-trúc cái xe chỗ dễ lấy nước, hoặc khó lấy nước, số ruộng tưới là ruộng sáu hay ruộng cạn mà khác nhau.

2) *Bấp đập*. — Ngoài ra các xe nước ở Quảng-ngãi còn có cách tưới ruộng bằng các đập và cách đào giếng.

Những đập ấy xin kê như sau này :

TÊN ĐẬP	Ở làng nào hoặc chỗ nào	Ngăn nước con sông nào hoặc khe suối nào	Thuộc phủ hay huyện nào	Tưới ruộng ước mấy mẫu
Trường-sanh	Long-giang	Bầu-sầu	Bình-sơn	180 mẫu
Núi Rối	Liên-tri	Khe An-lộc	—	100 —
Lò Trạch	—	—	—	20 —
Đập Quang	Tân lập bình hòa	Chung núi cây Sanh	—	70 —
Gò Dương	—	Chung núi hòn Đuộm	—	40 —
Đập Làng	—	Suối Vĩnh-tuy Sơn-tĩnh	—	70 —
Ông Vũ	Tân lập an hòa	Suối làng Nhơn-hòa	—	5 —
Hồ Cua	Lộc-thanh	Suối Hồ Cua	—	40 —
Suối Lang	—	Suối Lộc-thanh	—	5 —
Gò Trại	—	Suối Lang	—	7 —
Đồng Môn	—	Suối đồng Rơi	—	4 —
Bà Phong	Ngọc-tri	Suối Thạch-an-nội và Phú-thành (Sơn-tĩnh)	—	100 —
Bến Trào	—	Suối Bà-phong	—	30 —
Suối Đập	An-phủ	Suối xứ Cả	—	40 —
Đập Xóm	Đồng-phước	Khe Nam-yến	—	20 —
Trì Thường	Trì-bình	Mạch núi Sơn-trà	—	200 —
Bà Thắng	—	—	—	200 —
Mĩ-am	Tây-phước	Mạch Đá-đen	—	12 —
Cây hàng	—	—	—	30 —
Cây-cầm	—	—	—	12 —
Đá-de	An-khương	Mạch Đá-Đe	—	15 —
Cây Trai	Phước-bình-đông	Mạch núi rừng lớn	—	17 —
Cây-mít	Phước-bình-tây	—	—	8 —
Cà-bang	—	—	—	7 —
Núi Hương	Diên-phước	Mạch làng ấy	Sơn-tĩnh	40 —
Phủ Hòa	Phủ-hòa	Bàu-gạch	—	30 —
Bon Điền	Tân-lộc	Suối Diên-lộc	—	20 —
Lệ-thủy (1)	Lệ-thủy	Sông Sừ và Ngã-ba	—	100 —
Ông cổ-đạo	An-bồa kim-thành	Áp Tân-an	—	100 —
Phủ-thành	Phủ-thành	Suối Trà-bối	—	50 —
Khánh-mĩ	Khánh-mĩ	Chung núi Khánh-mĩ	—	50 —
Trà-bình	Trà-bình	Chung núi Đá Chấm	—	50 —
Trường-thọ	Trường-thọ	Chung núi Đá-chấm	—	40 —
Thạch-nội	Thạch-nội	Chung núi Thạch-nội	—	50 —
Đá-đen	Tư-cung-bắc	Sông Tân-lộc	—	200 —
Khánh-vân	Hòa-ban	—	—	50 —
Đập-đá	Phước-lâm	Hồ phương Đá-sách	Tư-nghĩa	100 —
Bầu Giáo	Nghĩa-an	Sông Phước-bậu	—	40 —
Nha-xá	—	—	—	28 —

(1) *Bình mở* ở thượng xin đi ép Tỉnh Tòa chưa y cì o.

TÊN ĐẬP	Ở làng nào hoặc chỗ nào	Ngân nước con sông nào hoặc khe suối nào	Thuộc phủ hay huyện nào	Tưới ruộng ước mấy mẫu
Núi Dăng	Ba-la, Điện-an	Sông Phước-hậu	Tur-nghĩa	400 mẫu
Phước-duyên	Phước-lộc	—	—	80 —
Vực Đam	—	Nước mặn ở bề	—	30 —
Vạn-an	Vạn-an	Sông cây Bừa	—	100 —
Cây Xanh	Nhu-năng	—	—	200 —
Bến-quan	Tân-quan	Sông Vạn-an	—	30 —
Bến Thóc (1)	Bắc-ngân thuộc làng Phú-an tổng Ca-dức (Mộ-dức) Nam-ngân thuộc làng An-ba (nghĩa-hành)	Sông Vệ	Mộ-dức	5.500 —
Bàu Sấu	Kỳ-Thọ	Nước nhánh suối Tia	Nghĩa-hành	450 —
Gò Mả	—	—	—	450 —
Gây Gáo	Hòa Vang-xã	—	—	180 —
Xả-Dền	Tĩnh-phủ	Nước nhánh suối Tia	—	650 —
Hố-Đá	—	—	—	—
Đồng-Phắc 1	Lâm-sơn	Suối Tia	—	527 —
Đồng-Phắc 2	—	—	—	400 —
Đồng-Dang	An-sơn	Suối Tổ	—	400 —
Đồng-Dừa	—	Sầu-Đầu	—	15 —
Cây-Xoay	An-ba, Xuân-dinh	Cây Xoay	Đức-phổ	200 —
Mộ-Cối	Nhơn-phước	Sông Hoành-sơn	—	400 —
Liên-chiều	Kim-giao	Sông Trà-cầu	—	500 —
Vực-tre	An-ninh	—	—	200 —
An-nhân	Chi-lượng	Sông Lê-giang	—	200 —
Làng-nan	Thanh-sơn, Bàn-thạch	Suối Khe-lớn	—	70 —
Ba-ngải	Nga-mân	Khe suối lớn	—	150 —
Đập-xóm	Bàn-thạch	Khe Bàu-đen	—	50 —
Cầu ông Văn	Chi-lượng	Khe ông Sùng	—	400 —
Đập-làng	Diên-trường	Sông Lành-ngạc	—	400 —
Đồng-ngệ	Nhò-lâm và Liên-văn	Sông Liệt-sơn	—	100 —
Cây-Gio	Nhò-lâm	Liệt-sơn	—	120 —
Cầu-Fông	—	—	—	400 —
Đồng Đò	Hòa-thịnh, Đông-ôn	Sông Lộ-bội	—	200 —
Hiền-tây	Hiền-tây Thạch-lập	—	—	100 —
Cầu-tréo	Vinh-tướng	—	—	400 —
Lâm-bình	Hiền-tây Thanh-biểu	Sông Cầu	—	300 —
Bàu-tre	An-trường	Sông suối Sanh	—	300 —
Đập-Quán	Tân-tự	Cầu Mân-cẩn	—	250 —
Đập-Ró	Hải-môn Mĩ-sơn	—	—	150 —
Bàu-Xoài	Mĩ-sơn	Bàu-Cối	—	80 —
Núi-Giàn	Tân-tự	—	—	—

(1) Đập này khi trời hạn, xin hội-dồng hai phủ huyện tháo nước thời nước châu-lưu những làng Thi-phủ-nhất, Thi-phủ-nhi, Vĩnh-phủ, Thiệt-trường, Đôn-lương, Quít-lâm, Trà-ninh, Văn-hà, Trà-ninh, Thạch-thang.

Đồng-niên những làng ấy đều được tưới nước cả.

3) *Đào giếng*.— Gặp mùa hạn, những nơi không có thể xe, thể đập, thì dân nông đào giếng và vọt nước lên để tưới hoa màu. Ta thấy gần tỉnh-thành và ở gần miền Ba-la Vạn-tượng, người ta dùng cách ấy mà tưới các thứ đất bắp rau và đất dâu, v. v..

Trên kia tôi đã nói sự sinh-lý ở tỉnh này cũng nhờ có mía đường mà được no đủ.

Nói đến mía, đây tôi xin nhắc, ngoài ra nghề trồng lúa là nghề nông thông-thường, dân Quảng-ngãi còn có nghề làm đường mía nữa. Đất trồng mía không có nhất-dịnh, cũng một đám đất trồng mía, có năm trồng khoai, có năm trồng sắn, có năm gieo bắp, gieo đậu, gieo lúa; người dân ta hề thấy vật gì giá cao thì làm, đại-dễ như nói đường cao giá thì trồng mía nhiều; bắp, khoai, sắn, thuốc cao giá hơn thì trồng các thứ đó. Nói tóm lại là không có hạng đất nào riêng trồng mía, những đất trồng mía khác với đất làm ruộng cấy lúa, là đất trồng mía dùng đất thổ cao mà đất cấy lúa dùng đất diềm có nước thấp.

Cứ các phủ huyện kê, thì số đất trồng mía về năm 1932 ước phỏng:

Phủ Bình-sơn	600 mẫu
Phủ Sơn-tĩnh	600 —
Phủ Tư-nghĩa	7.000 —
Phủ Mộ-đức	928 —
Huyện Nghĩa-hành	3.000 —
Huyện Đức-phổ	600 —
Đồn Sơn-hà	59 —

Tất cả ruộng đất trồng mía phỏng được 11.887 mẫu, lấy trung-bình mà tính mỗi mẫu có thể làm ra được 10 tạ đường nghĩa là 600 kilogrammes, 11.887 mẫu có thể làm ra được:

$$600 \times 11.887 = 7132 \text{ tấn } 200 \text{ kg.}$$

Đường mía là một thứ thổ-sản đại-tôn của tỉnh Quảng-ngãi, theo hồi giá đường rẻ bán như các năm xưa, người ta làm mía nhiều, mỗi năm có thể xuất-cảng được 12.000 tấn (xem về mục xuất-cảng)

Cách thức làm đường rất giản-dị đơn-sơ không phải có máy-móc chạy bằng than bằng điện như ở các nước Âu Mỹ, không có khoa-học tinh-lẽ, dân ta chỉ theo cách xưa bây nay bất-chước mà làm; tuy vậy nghề làm đường tỉnh Quảng-ngãi làm công-phu và cũng có thể gọi là tinh-xảo so với các tỉnh khác ở Trung-kỳ Bắc-kỳ.

Những đường ở Quảng-ngãi là:

Đường cát thường.

Đường bóng.

Đường phen.

Đường phôi.

Đường bát.

Đường hạ.

Cách làm đường.— Khi mía già có bông, người ta dựng chòi ra giữa đồng dùng che đập ra mà lấy nước nấu keo lại thành đường, đường có nhiều hạng.

Khi nấu nước mía vừa đặc đổ vào thùng vào ghè để nguyên như vậy, gọi là « đường hạ ». Lấy đường hạ nấu lại một lần nữa, lọc bọt, chất nhớt đổ vào muống để nguội cho đông lại thì thành « đường cát » thường cũng gọi là « đường muống », vì nó ở trong muống, khi đường đổ vào muống xong gần đông lại, người ta lấy bún non đổ lên trên mặt muống, đường vì trong bún non có chất hút mật và lọc bớt chất nhớt của đường cho được trắng. Nhiều khi lấy đường hạ thẳng lại rồi đổ vào chén ăn cơm nhỏ cũng để đông lại cho cứng rồi cạy ra bán, đường ấy gọi là « đường bát » hoặc « đường tán ».

Đường ở Quảng-ngãi, phủ huyện nào cũng có làm được, nhưng nhiều nhất là ở phủ Tư-nghĩa, phủ Sơn-tĩnh và huyện Nghĩa-hành. Ở phủ Tư-nghĩa thuộc các làng Ba-la, Vạn-tượng và Chánh-lộ có thợ làm đường phen đường phôi đường bóng rất là tinh-xảo và công-phu.

Cách làm đường phen.— Muốn làm đường phen, trước hết người ta lấy đường cát thường dùng lớp trên cho trắng, cũng gọi là « đường dăm », lấy năm ba muống như vậy rồi bỏ chung vào một chảo, đổ nước lạnh thêm vào rồi bắc lên lò nấu,

khi nấu có dùng vôi hàu ở Cù-lao Lý-sơn và trứng gà bỏ thêm vào mới thành đường phen được, chia phôi ra như sau này :

Một cân tây đường dăm phôi dùng :

Hai lít nước.

Ba cái trứng gà.

Năm phân (grammes) vôi Lý-sơn.

Trứng gà ấy dùng để lọc những chất nhớt và trong lòng trắng trứng gà có chất « albumine » làm cho đường dễ đông lại thành phen, khi đường tới (muốn thử khi nào đường tới, khi nó sôi lấy một giọt giỏ vào trong nước lạnh hễ thấy đông lại là vừa tới), người ta dùng vại bằng đất, vại ấy phải đập ra từng mảnh rồi lấy giấy sục, giấy viết chữ nhỏ và hồ gạo quét tẩm mà bôi bề trong cái vại lại rồi lấp cho thành cái vại không hề (vỡ), lại lấy giấy viết chữ nhỏ phết bề trong cái vại một lần nữa. Xong rồi, người ta đan một cái vỉ bằng tre bỏ dưới đáy cái vại, lại vót tre nhỏ găm trên cái vỉ tre ấy đứng theo chiều vại. Đường vừa tới, vại xong rồi, người ta đổ đường vào vại ấy để yên lặng một chỗ, trong tám ngày đêm vừa thành một cục dính to cũng cứng như đá và màu vàng như cục đá quartz mới lấy dưới hầm lên, khi ấy mới đập cục dính to ấy ra cho bề đem phơi khô là thành đường phen.

Khi nấu đường phen có dùng thứ vôi ở Cù-lao Lý-sơn để thêm vào đường mới có « réaction chimique », mà thành đường phen được, vôi ấy chỉ có vôi Lý-sơn mới được, nên chỉ trong các tỉnh ở Trung-kỳ chỉ có tỉnh Quảng-ngãi là làm đường phen được thôi.

Một điều nên chú-ý là khi làm đường phen nếu trong nước và trong chảo hoặc trong vại có dính vào một giọt thuốc phiện hoặc trong nước có chất phen thì đường hư ngay không thành phen mà thành cát và nếu đường bị động không để yên được một chỗ trong tám ngày đêm thì cũng không thành phen được.

Mật đường phen dùng nấu lại đổ vào muốn để khô thành đường bông, khi nấu cũng phải thêm vào một ít vôi hàu và khi

đổ vào muốn vừa khô cũng phải đổ bùn non lên mặt để bùn rút mật và lọc những chất nhớt cho trắng. Đường bông chất trắng như bông vải, không khác gì các thứ đường làm và lọc kỹ-càng ở các sở nấu đường và lọc đường « raffinée » bên Thái-tây.

Đường phôi chất mềm và có chộn trứng gà khi nấu.

Cách-thức làm đường phôi và đường bông. — Muốn làm đường phôi, người ta dùng đường muốn thường và trắng (đường dăm) bỏ vào chảo, đổ nước bỏ vôi rồi nấu lại, khi đường sôi, người ta đập trứng gà bỏ vào, rồi đánh chung với đường, khi đường vừa tới, người ta chum lửa than ít ít cho đường dễ đông lại, khi đường đông lại, người ta dùng dao bén xắn nhỏ ra từng miếng hình lá phôi hoặc hình gì tùy ý mình rồi lấy ra để nguội cho cứng lại, chứ không rút mật, nên nó để lâu thì nát vụn và có hơi gió thì hời và cũng nát.

Đường phôi và đường phen ăn có chất bổ, đường phôi mềm mà ăn bùi, còn đường phen cứng và ăn có chất tiêu đàm.

Các thứ đường vừa kể trên này phần nhiều gửi bán tất cả Đông-Pháp và bán cho khách-trú chờ về Tàu.

Khách-trú mua đường ấy về lọc sơ qua cách hóa-học Âu-tây trong các sở Raffinerie Hương-cảng rồi lại chở bán khắp các nơi xưng danh là đường Hương-cảng,

V. — Đất trồng các thứ khác

Ngoài ra lúa và mía, dân ta còn trồng các thứ khác như là sắn và khoai, đậu, bắp, thuốc chè, v. v..

1) *Sắn và khoai.* — Đất trồng sắn và khoai ước hơn 9.754 mẫu, theo các phủ huyện kê chia ra sau này :

Phủ Bình-sơn	3.900 mẫu
Phủ Sơn-tĩnh	1.050 —
Phủ Tư-nghĩa	950 —
Phủ Mộ-đức	2.149 —
Huyện Đức-phổ	600 —
Huyện Nghĩa-hành	750 —
Đồn Sơn-hà	350 —

Cứ lấy trung-bình mà tính mỗi mẫu khoai và sắn đồ đồng được 70 ang, số khoai và sắn toàn tỉnh tất cả được là $70 \times 9.754 = 682.780$ ang ; phỏng mỗi ang bán 0 \$ 10 số tiền thu được về khoai và sắn tất cả được 68.278

Nhưng trong số đó sắn có phần nhiều hơn khoai, ở Quảng-ngãi thường gọi củ sắn là củ mì, nhiều nhất là ở các hạt Bình-sơn Mộ-đức và Đức-phổ, sắn hoặc để củ hoặc xắt lát ra phơi khô, hoặc làm hồ-tiểu, bột mì *lapioca* chở bán khắp các lân-tỉnh và bán cho người Tàu. Mỗi năm ở hai cửa bể Sơn-trà và Cổ-lũy xuất-cảng sắn có hơn 3000 tấn (xem về mục xuất-cảng).

Khoai thì chỉ xắt lát phơi khô hoặc làm khoai chà khoai lứt chỉ tiêu-thụ đủ trong tỉnh, chứ không có xuất-cảng gì. Ở làng Thạch-trụ thuộc phủ Mộ-đức dân-gian lấy khoai xắt lát nhỏ để dùng nấu chè ăn ngon như là bột hồ-tiểu vậy.

2) Bắp. — Toàn-thê đất trồng bắp, cứ các phủ huyện kê phỏng được 9.986 mẫu chia ra :

Phủ Bình-sơn	7000 mẫu
Phủ Sơn-tĩnh	300 —
Phủ Tư-nghĩa	2000 —
Phủ Mộ-đức	245 —
Huyện Đức-phổ	21 —
Huyện Nghĩa-hành	400 —
Đồn Sơn-hà	20 —

Cứ mỗi mẫu trung-bình theo hồi thường được 80 ang, số bắp toàn-tỉnh được $80 \times 9986 = 798.880$ ang, cứ mỗi ang đồ đồng 0 \$ 10, số tiền bắp thu được ước 79.888 \$.

3) Đậu, mè, dậu, chà, bo-bo. — Số đất trồng các thứ này không kê nhất-định, nên không tính phỏng được ra mẫu sào. Vì sự cần kíp nên dân-gian phải trồng các vật đó ở rải-rắc các cánh đồng cao không trồng lúa trồng mía được và ở các bờ sông.

Người ta trồng ra các món đó là để dùng thường, chứ nó cũng không nhằm vào món đại-tồn nào, và cũng không đặc-biệt cho

một phủ huyện nào, duy có bo-bo là món thổ-sản riêng của dân Mọi ở miền Thượng-du về các hạt Trà-bồng Sơn-hà Minh-long và Ba-tơ.

4) Cau, chuối, dừa, tre và các sản-vật khác ở trong vườn. — Các món này trong thôn quê làng nào cũng có một ít, tựu-trung trồng cau nhiều nhất là ở các hạt Tư-nghĩa, Đức-phổ và đồn Ba-tơ. Tre nhiều nhất ở làng Đông-phước thuộc phủ Bình-sơn, dân vùng đó có câu hát đặc-biệt biểu-hiệu rõ-ràng, chỉ trích những làng có thổ-sản nhiều khi xưa, nhưng nay cũng đã hết hoặc giảm bớt. Câu hát ấy là :

Bao giờ Đông-phước hết tre,
Tham-hội hết lúa, châu Me hết tiền,
Nhưng tre thì làng nào cũng có.

5) Quế. — Còn một món lợi nữa đáng chú-ý là quế ở miền Trà-bồng. Nếu như sắp đặt trồng trọt cho được nhiều thêm ra thì lợi-nguyên ấy cũng có thể tiêu-thụ ra ngoài nhiều, trừ ra như lúc kinh-tế khủng-hoảng này thì không kè, hiện bây giờ bao nhiêu quế đều bán cho người Tàu, họ có lập các ngôi hàng chuyên mua quế của dân Mọi tại làng Xuân-kương giáp-giới đồn Trà-bồng. Thuộc về phía bắc đồn Trà-bồng có nhiều đám quế rất tốt, tất cả có hơn 30.000 cây. Trước kia nhà nước có lập sở Thương-chánh để đánh thuế ấy tại làng Xuân-kương, nhưng nay đã bỏ rồi, mà hiện bây giờ bao nhiêu quế đều ra ở cửa Sơn-trà.

6) Thuốc lá và chè. — Thuốc lá và chè cũng là một lợi-nguyên ở miền Thượng-du. Trong năm 1924, công-ty làm thuốc Đông-Pháp chỉ trong khoảng 20 ngày mà mua của dân Mọi được 15 tấn thuốc-lá và công-ty ấy đã công-nhận rằng thuốc rất tốt.

Chè ở tổng Bình-trung thuộc phủ Bình-sơn có một vùng trồng chè rất thịnh-vượng, tại đó có một cái chợ tên gọi chợ Gò, thuộc làng Mĩ-tộc chuyên bán chè Huế.

Ở miền Thượng-du đất hoang vẫn còn nhiều, nhưng chưa mấy người khai-

khăn. Có lẽ vì là đường-sá thông-thương và cách vận-tải còn khó, và ở các miền ấy nước độc, hay sốt rét, nên chưa có thể mở-mang ra được.

Nhưng cách đây vài mươi năm có nhiều người Pháp như ông LOMBARD thử trồng chè, ông BRIZARD thử nuôi súc-vật và nuôi tằm, ông DUCASTANG ra sức phấn-dấu nghề đường với bọn khách-trú, nhưng không hiệu-quả, rồi đến cổ TISSIER thử trồng chè trồng tiểu trồng quế ở Trung-

sơn cũng đã khá-khả, sau nữa đến cổ SUDRE ra sức bồi-dưỡng đào-tạo một vùng Cù-và, cố hết sức ngăn một con sông nhỏ ở vùng đó và đào một cái hói cho nước lên trên gò tưới hơn 100 mẫu ruộng, nhờ công-phu của cổ SUDRE mà một vùng Cù-và trở lên phong-phú; nhưng lạ thay gần miền Sơn-cước âm-tỉ-ấp, nước độc và thú dữ hay ra phá hại. Cổ SUDRE qua đời để lại một cái kỷ-niệm rất tốt cho dân vùng ấy.

Bản thống-kê toát-yếu về các thứ đất trồng trọt toàn tỉnh

TÊN HẠT	Số đất trồng lúa (u ầu ta)	Số đất trồng mía (mẫu ta)	Số đất trồng bắp. (mẫu ta)	Số đất trồng khoai sắn (mẫu ta)	Đất trồng các thứ khác
Bình-sơn . . .	17.800 mẫu	600 mẫu	7.000 mẫu	3.900 mẫu	847 mẫu
Sơn-tĩnh . . .	10.376 —	600 —	300 —	1.050 —	2.462 —
Tur-nghĩa . . .	18.800 —	7.000 —	2.000 —	955 —	5.000 —
Mộ-đức . . .	22.400 —	928 —	245 —	2.149 —	2.534 —
Đức-phổ . . .	10.084 —	600 —	21 —	600 —	2.500 —
Nghĩa-hành . . .	9.020 —	3.000 —	400 —	750 —	400 —
Sơn-bà . . .	2.000 —	59 —	20 —	350 —	
Ba-tơ . . .	4.000 —				
Trà-bồng . . .	1.982 —				
Minh-long . . .	1.804 —				
Tổng cộng . . .	97.566 mẫu	11.887 mẫu	9.586 mẫu	9.754 mẫu	13.683 mẫu

VI. — Thổ sản ăn khi đỡ đói

Trước kia tôi đã nói dân ta chỉ ăn nhờ nghề nông, nhưng khổ nạn nghề nông ở xứ ta, một năm chỉ tới chỉ phần nhiều nhờ cậy ở nơi trời, rủi ra trời làm mất mùa thì phải chịu đói, khi thiếu ăn phải tìm những vật có thể nuôi sống tạm thời được, những vật đó ở Quảng-ngãi cũng khá nhiều như :

1. — Ở miền núi dân-gian dùng :

a. — Các thứ trái cây mọc ở trên rừng :

siêm, móc, chà-là, ổi, gấc, dàu, vò vè, bột xoay. Các thứ đó chỉ ra có mùa.

b. — Các thứ củ như : củ mài (cũng gọi là hoài-sơn-nam, có chất bột, ăn kiện tì, khách-trú dùng nó trong một vị thuốc bắc gọi là hoài-sơn, củ năn, củ tam-lang, củ vùng chổi, củ này ăn sống thời ngứa, nấu nó trước phải dầm nước vôi rồi mới nấu ăn được, củ khoai-rạng ăn cũng gần như củ khoai-mài, củ ngát-ngo ăn có vị thuốc, chất đắng, củ này thường mọc ở các gò hoặc chung quanh bờ ruộng, củ

hồng-súng mọc ở các ao đầm, củ mài, củ ngải ăn sống thì đắng, nhưng đầm ra lấy bột thì ăn ngon.

c. — Các thứ rau như ; rau má nấu với mắm muối ăn khoẻ, nhưng ăn nhiều thì ốm người, rau ranh, đợt sọp, lá đa, v. v...

2 - Ở đồng nội dân cũng dùng.

Các thứ trái đã kể trên và các thứ trái mọc ở đồng nội như trái keo, trái sung, trái vả, trái gáo, trái cóc, trái bứa, trái ổi. Các thứ củ : củ mài, củ ngát-ngô; củ sen và một thứ củ nhiều nhất là củ chuối. Các thứ rau : rau lang, ngọn đậu, đợt sọp và các thứ rau đã nói trên.

3. — Ở miền bờ dân-gian dùng :

Các thứ ốc, sò, nghêu, hến và các thứ rau đặc-biệt cho miền bờ như rau câu dùng làm xoa xoa, rau chân vịt, rau rế tre.

VII. — Thở-sản ở rừng

Trừ ra các rừng ở mấy đồn, ở Quảng-ngãi lại còn có một dãy rừng gọi là núi lớn cũng gọi là « núi Ba-huyện », vì nó chạy suốt cả ba hạt Đức-phổ Mộ-đức và Nghĩa-hành, diện-tích núi ấy phỏng được 3.590 mẫu tây, theo nghị-định năm 1924 đặt làm rừng cấm.

Những sản-vật ở các miệt núi ấy là các thứ cây dùng làm nhà cửa như : lim, kiền-kiền, giổi, giể, trắc, chò, sinh, sơn, trầm-hương, v. v...

Nhưng ở Quảng-ngãi làm nhà thường dùng thứ cây chò, mít núi, chứ kiền-kiền Quảng-ngãi không tốt bằng kiền-kiền Quảng-nam và Thừa-thiên.

Các thứ cây ấy núi nào cũng có, nhưng có thứ đặc-biệt hơn là trắc và gõ. Trắc thường sinh ở dèo Mĩ-trang cấm Ba-cô thuộc huyện Đức-phổ. Ở miền Sơn-hà Trà-bồng có nhiều thứ trầm và giắc ; ở miền Đồng Ké và Sơn-hà người ta còn dùng thứ vỏ cây-tra bện lưới đánh cá

rất chắc, lưới bện xong người ta lại dùng vỏ cây siem (*Rodomyrtus*) nhuộm, vì vỏ cây này có tính-chất ngâm dưới nước mặn không hư.

Ở các làng Vạn-lý, Hùng-nghĩa, Tân-hội, thuộc huyện Đức-phổ, người thường lấy được thứ « đầu rái mỗi năm có hơn 6.000 lít, mỗi lít, bán hai ba giắc (hào), một phần bán tại chỗ cho bọn lái thuyền chèo ghe, một phần chở vào Bình-định Phan-thiết và mấy tỉnh trong.

Các rừng cấm trên này đều do quyền quan Kiểm-lâm Quảng-ngãi kiểm-soát. Sở Kiểm-lâm Quảng-ngãi lập tự năm 1922, vẫn còn nhỏ, sở chánh ở tại tỉnh-lý, có hai sở phụ, một sở ở Kỳ-xuyến, một sở ở suối Chì.

Sở Kiểm-lâm chuyên về cách giữ gìn cây cối và tìm cách trồng trọt các thứ cây dễ dặm vào những rừng trọc, ương các thứ cây như cây dương-liều để giữ các dụn cát, và đánh thuế các thứ thổ-sản lấy ở rừng về, bán gấy cho phép lên rừng đốn gỗ, v. v. .

Theo bản thống-kê của quan Kiểm-lâm, số thuế từ khi sở mới lập đến nay (1932) vẫn còn ít, nhưng năm nào cũng có trội lên trên dưới 1.000 đồng bạc, ví như năm 1927, số thuế 1.875 p. 89, mà năm 1931, nghĩa là trong 10 năm được 7.116 p. 20.

Ngoài ra các thứ cây gỗ, thổ-sản ở rừng, còn có những thứ như là nam-sâm, phục-linh, cam-thảo, khoai-mài, các thứ giấy mây, v. v.. Các thứ sáp ong, mật ong, gạc nai, ngà voi cũng có một ít.

VIII. — Thở-sản ở miền bờ

Đọc theo bờ bờ, dân-gian làm nghề đánh cá, làm mắm, làm muối, nhiều nhất là ở các cửa như Sa-huỳnh (Đức-phổ), An-chuẩn (Tư-nghĩa), Sơn-trà, Châu-me (Bình-sơn).

Ở cửa Sa-huỳnh làng Tân-diêm có ruộng muối rất nhiều mỗi năm chở đi

bán trên 7.000 tấn. Muối ấy thường bán cho khách-trú chờ về Hoi-hào và Hương-cảng. Bán ở trong xứ thì bán cho các lái thuyền buôn ở Lai-an, Đồng-bới Quảng-khé. Ở Cù-lao Lý-sơn hay cù-lao Rê có nhiều thứ hải-vật quý như yến-sào,

san-hô, hải-sâm, đồi-mồi và ở Lý-sơn còn có thứ vôi hầu đề nấu đường phèn mà tôi đã nói trên và thứ đá làm vôi (madrepores) cũng nhiều.

(Còn nữa).

HÁT TUỒNG

LÂN PHƯỢNG KỶ DUYÊN

HỒI THƯ NHẤT

Lục-Vô-Song thừa thừa đã
Trương Báo

Lý Kiều-Phượng nhân thi ái
Như-Lân

Trương Hùng nói :

Bịnh-sơn reo tiếng phượng; Hương-thủy lặn tắm kênh. Nửa nghìn năm mừng hội thánh-sinh; thấy tâm rợ vui lòng thần-phục. Chức Chủng-tể quyền khuynh chúng-mục; danh Trương Hùng vị quân quần công. Lời phùng nghinh trên đã đẹp lòng; oai hiếp-chế dưới đã kiềng mặt.

Lại nói :

Như ta : Phò Sở-thất nên tôi xã-tắc; dôi Trương-gia đến mặt anh-hùng. Nữa : Hai em đã đeo ấn nguyên-nhung; một trẻ lại lăm quyền chiêu-thảo. Mà nghĩ lại công cái bất-thể, vị cực nhân-thần. Như ta mần rí, nói cho phải, ta cũng muốn làm chốc. Nhưng mà khôn ta xem Sở-thần bây giờ còn lẻo Vũ Trang-Chính và cũng người cương-trực lắm, e ta có lẽ gì cử-động, và cũng bất-không tọa-thị chứ chẳng chơi. Bởi rứa nê : Dành gian-tướng hãy thi lòng Mãng Tháo; chẳng qua là : Ngại chính-nhân nên mượn tiếng Chu Y, đó mà thôi. Ấy cũng là cái mẹo khôn ở nhà đó. Máy hành-tàng mà gặp lúc khả-vi ;

nữa chỉ nói thiệt : quyền phế-lập ta toan bề đại-cử. Thôi mà ừ này : Tạc thừa sắc ngữ 昨承勅語; thần giám tuyên trường 親監遺場 đây mà. Quáo : Truyền quân-nhân tổng hạ phi chương; a cho thí-sĩ lai xuân chiếm bảng.

Quân nói :

Dạ, thưa : Phò thừa giáo mệnh 俯承教命; khẩn cấp thi hành 緊急施行.

Bắc-xướng :

Vạn lý mã đề khinh,
萬里馬蹄輕
Khi khu độc thử hành;
崎嶇獨此行
Thử hành đa bạt thiệp,
此行多跋涉
Bạt thiệp sấn thiên trình.
跋涉趕千程

Lại bắc-xướng :

Huy tiên nhất chỉ vọng tràng đình,
揮鞭一指望長亭
Nam bắc hà sầu lộ bất bình;
南北何愁路不平
Trăm tuyết lãng hàn thần tử phận,
枕雪凌寒臣子分
Đoạt tiêu dễ tháp sĩ phu tình.
奪標題塔士夫情

Vạn-Phu-Hùng nói:

Cửu-trùng lĩnh sơn danh 九重嶺
山名; vạn nhân Hùng biểu tự 萬人雄
表字. Như tôi: Kỳ xạ tốt trang vũ-nghe;
lược thao thông phép trận-dồ. Nữa:
Hội minh lương còn đợi lúc chân phù;
cho nên: làng lâm hắc mới an minh đã
xử, chứ. Ừ, nghe truyền lời kinh-sứ;
rằng mở hội xuân vi. Nay nghĩ lại trường-
phủ xù-thế, quý tại hiền-dương, ai ai lại;
chẳng muốn tư-đồ phú-quí, huống-chỉ là
tôi, nhưng mà tôi nghe Sứ-triều bây giờ có
đưa Trương Bàng, bủa thiên-pạch oai-phúc,
biếp-chế triều-dinh, mà chúng tôi thấy diên-
chương làm vậy, tôi bay đồ không tôi ra, rồi
lại vì kỳ sở kỳ mà thôi, cho nên tôi cũng
không muốn làm chi nữa. Ô mà nghĩ mãi
rằng, không gặp hội chứ gặp hội ta đi chơi
đi, phải: Trước cho hẳn lễ thị phi; sau
lại thử mình cùng đạt. Cũng nên, mà chi
nữa: Tăm rêu cổ gửi liêu cho núi hạc;
rộng đường mây ta nhẹ tếch lòng
hồng. Thôi mà ầu là: Từ sơn-trại mang-
mang 辭山秦芒芒; vọng chinh đồ
khoái khoái 望征途快快 a.

Bắc xương:

Sĩ sinh tr thế tồn thân đại,

士生於世存身大

Nhưng mà: Thượng chi do kỳ tại hiền
dương;

尚志猶期在顯揚。

Như nay mà tôi khẳng-khối dững-vững
màn ri, chẳng qua là:

Hồ thi tứ phương nam-tử sự, 弧矢
四方男子事;

Phi quan lợi tòa dữ danh cương
非關利鎖與名糧。

Vũ Như-Lân nói:

Lạc tông sư phụ viễn-phương 樂從
師父遠方; biểu tự Như-Lân tính Vũ
表字如麟姓武 mà. Cha quốc-lão
đương triều thạc-phụ; tiếng gia-phong
tốt thế trăm anh. Nữa như tôi: Miệng
thường giời Mã-sử Lân-kinh; danh
muốn rang ngao-dầu nhận-tháp, mà
này: Nghe sơn-nhân đồn khắp; rằng

xoan-thí bằng rao, đây mà, phải phải
a: là: Vào tôn-sư nhờ lượng kiến cao;
về kinh-quốc đặng toan bề ứng-cử a.

Giác-thế chân-nhân xưng:

Trần tâm tục lự hư-vô xứ,

塵心俗慮無處

Tú thủy kỳ sơn tản-dật nhân,

秀水奇山散逸人

Bảo tất tràng ngâm vô biệt sự,

抱膝長吟無別事

Thập châu tam đảo tổng giai xuân.

十州三島總皆春

Lại nói: Hiện xưng giác-thế chân-
nhân 號稱覺世真人; danh liệt Bồng-
lai tiên tịch 名列蓬萊仙籍. Như ta:
Miền sơn thủy gửi tình nhau thích;
non cực từng ghi dấu thế-trì. Trần
hoàn dịch phó vô tri, còn thanh cảnh
hội vi cực-lạc mà.

Vũ Như-Lân nói:

Cúi dăm cặn lời khê hắc; rày nay
mở hội trung đồ. Như tôi: Công sách
dền dây nợ mười thu; duyên cá nước
xin thỏa lòng một thuở. Dăm bần tôn-sư,
ý tôi muốn mần rằng: Trước hết ngay
với chúa; sau trọn thảo cùng cha. Về
kính sư tiện lối ninh gia; nhờ tôn-
trưởng rộng phương kiến giáo, be.

Giác-thế chân-nhân nói:

Hay hay a: Thử ngón thậm hảo thậm
hảo 此言甚好甚好; kỳ chi khả gia
khả gia 其志可嘉可嘉. A thôi: Mừng
hội này con dặng ít vinh-hoa; nhưng
mà thầy: e ngày khác hãy mang bao
nhiều oan trái. Nay con, con thử hành
diệc hữ kỳ-ngộ chớ chẳng không. Ờ nghe
thầy dặn a: Duyên chỉ thăm há đành từ
chối; tấm lòng vàng chớ khá đơn sai a.
Thôi con sấm-sửa nang-thác mà đi, rồi sau
cũng gặp thầy mà: Non cửu trùng thầy
hãy dành lời; đường thiên lý con mau
dời gót, đi.

Vũ Như-Lân nói:

Dạ thưa: Mấy lời thầy dặn trước; ghi
dạ tờ đình-ninh. Cái đầu từ chốn

tùng-dinh; lui gót trông chừng Sở-quốc.

Nam-xương :

Sở-quốc lui miền cổ-lý; dặm bao nài vạn thủy thiên sơn.

Hề-dông tán :

Chưa chẵn, ai đi mô mà đông mần rứa tề ?
Cậu nói: Chứ con không biết người ta đi thì nũa sao.

Như Lân bác-xương :

Vương quốc quan quang, thử hội phân phân đa vũ ngọc;

王國觀光。此會紛紛多璫玉。

Quan đồ tín bộ, tiền trình lịch lịch tòng y quan.

官途信步。前程歷歷總衣冠。

Nam-xương

Rập rình dặm liễu cầu lan,

Đông lấm con :

Chen vai quân-tử nhện đường tiều-nhân.

Trải qua mấy dặm thăm sơn,

Đầu ngàn lọ thấy thôn-trang gần miền.

Lục Vô-Song xướng :

Bất tác công thương bất trị điền,

不作工商不治田

Huê hồ chung nhật tửu gia miên.

攜壺終日酒家眠

Ha ha, hèn chí cô-nhân có nói rằng: « Sự đại như bà tùy diệc hựu sự đại như 醉亦休 là phải mà.

Nhân khan vũ-trụ đồ vô vật,

閑看宇宙都無物

Trừ khước vinh ai tức thị tiên.

除却榮衰即是仙

Lai nói :

Lục Vô-Song chín thật tên mừng;
Sơn-châu-đ là nơi sở-trú. Nớ như tôi:
Sức vi kê thượng sơn dã hồ; còn: tài
vi người nhập thủy đề tham. Chứ tôi
nghĩ lại cái tài tôi, tôi cũng muốn tảo-đạt
công-danh, lưa phượng bách-thể lấm kia,

nhưng mà tôi nghe Sở-triều chúng-tề là dựa
Trương Hùng, hẳn oai phúc tại thủ, chính
trực thôn thanh, bởi rứa nên tôi mới thoát
tàng lâm bác, mần ri, chẳng qua là: Xả-tắc
tàng 舍則藏 đó mà thôi chứ, trí trạch
khởi vô tâm 致澤豈無心; hay mần
răng nhưng mà: tồn vu dụng 存于用
nên hành tàng an sở ngộ 行藏安所遇
chứ. Lại mần răng đó nữa, có chữ quân-tử
dữ cùng nhi dữ lạc, mới hay chứ, chỉ cho
bằng: Đãi thanh lúc gác cần Thượng-
phụ; mà tự thích khi ta mượn chén
Đào Tiềm. Cũng vui mần rứa mà: Gửi
tính danh cho ao cá rừng chim; còn
chung tình tính với non nhân nước trí,
Mới sướng cho. Ở này ngày bữa nay nghe
tính đây mà: Bằng trước mắt vãn khai
nhật tể; giục trong lòng thủy khoát
vân cao, ọ. Phải phải, ta lại cứ nghề cũ ta.
à là: Tay nọ cặp cùn câu; còn vai kia
mang bầu rượu nữa. Y mần ri mới thú
cho: Nghìn sâu phá chi bằng dụng-
tử; ba vãn ngăm mặt thích quan
lan ॡ.

Ngâm rằng :

Hảo tú-thủy ॡ: Vân thương thương
thủy ương ương 雲蒼蒼水泱泱; cha
chủ, nước bữa nay mần răng lại lơn nũa:
thủy cộng trăng vãn sắc diêu mang
水共 月 雲 色 渺 茫; nghĩ lại công-danh
phú-quí mần răng cho bằng cái nhân mần
ri: lưu thủy hữu tình dai khả lạc 流水
有情 豈可樂; chứ mà ới: toán lai
danh lợi bất như nhân 算來名利不如閒.

(Ngâm xong nằm ngủ say. Vũ Như-Lân đi
qua nói :

Vũ Như-Lân nói :

Gặp ghềnh qua mấy dặm thanh-sơn;
lại-láng thấy một dòng bích-thủy.
Nọ nớ này: Xa doi hạc kia chẳng
ngư-tử; ớ mà không phải nữa thôi: gần
bãi ầu mới biết là tùy-ông đây mà, ớ
kỳ này, câu mần răng mà: Buông mối tơ
lo-lững giữa dòng sông; còn đam hơi
cúc lại ngã-nghiêng trên gành đá. Nữa
mà câu mần răng động cá chớ! A cái người

chỉ chỉ tên, này ta hỏi: Tính danh đây hãy lạ; mà tông-tịch đó chưa tường chưa nào nào: Khuyên đó tỏ ngọn nguồn; đăng đây tường cổ, rẽ thủ. (Vô-Song ngủ say chẳng đáp).

Như-Lân nói:

Con lại con thức dậy thử. (Hễ-dồng kéo dấy bách hồi).

Vô-Song còn ngủ gật trả lời:

Chờ ai gọi chỉ đó?

Hễ-dồng nói:

— Nay dậy cho cậu tôi hỏi thăm.

Vô-Song nói:

— Cậu nào?

Hễ-dồng nói:

— Cậu là con quan Quốc-công nội-triều.

— Vậy chứ ngài hỏi việc chi đó?

Như-Lân nói:

— Chữ người câu mần rằng mà say-sưa mần rửa vậy rằng cho đăng cá?

Vô-Song nói:

— Nào ai câu.

Như-Lân nói:

— Không câu chữ đó chi đây?

Vô-Song nói:

— Ủ ừ ừ có có, nhưng mà không không, là làm vậy, lạ chỉ cái nghề ở sơn núi làm vậy, buồn không biết mần chi mới uống một vài chén rượu-chợáng, rồi ra ngồi chơi cho khuây má.

Lại nói:

Dụng thích kỳ chỉ yên nhĩ 用適其志焉耳 đó mà thôi chứ; khởi điếu ư ngư hồ tại 豈釣於魚乎哉.

Như-Lân nói:

— Tính thậm danh thù mà hay.

Vô-Song nói:

Ủy ha ha tên tôi mà ngài hỏi mần ri chi đó nào, thôi thôi: Tên danh đây rồi sẽ sau này; nào nào qui hiệu đó khả tua trước tỏ cho tôi biết đã.

Như-Lân nói:

Ủ người đã hỏi tên ta, ừ thì nói cho.

Như-Lân nói:

Này cha Trung-Chính thế truyền tướng hồ; dòng Vũ-gia biểu tự Như-Lân là ta đây.

Vô-Song nói:

Chẳng hay tôn-thai kim ngọc hà chi mà hay?

Như-Lân nói:

Như ta: Từ tôn-sư phản bộ kinh-trung 辭尊師反步京中; thăm nghiêm-phụ rồi nhập tràng xuân thủ, 探嚴父入場春首 chữ nào. Trước đã việc mìn tỏ rõ; sau xin lời đó đình-ninh mà nghe thử.

Lực-Vô-Song nói:

Thưa vào vàng: Lực Vô-Song chín thực bản danh; Sơn-châu-đề ấy là tệ-xả. Thưa nhà tôi đây: Kia này hang đá; là chốn lều tranh. Nửa không mấy khi, tôi đã gặp ngài đây, chẳng dám nào, thưa thưa xin: Phiến lâm cho liên nỗi tự tình; kẻo mà: bán lộ mần ri ni: thiệt bề lĩnh giáo chứ. (Nói rồi vào trại ở núi. Như-Lân xem Vô-Song có cách pui phàm).

Như-Lân nói:

Ni: Kiến đặc phi phạm diện mạo 見得非凡面貌; mà khàn lai thời khả ái phong quang 看來可愛風光 đi này. Tráng-sĩ, chứ tráng-sĩ lại quên chữ nhất văn đan phượng chiến 一聞丹鳳戰 từ hải trạng-nguyên tâm 四海狀元心 đi hay mần rằng? nay gặp hội công-danh mần ri, tráng-sĩ không đồ vị hiền - đương chi ngấp 壯士空圖爲顯揚之榮, lại cam-lâm phi-độn mần rửa nữa, chẳng đồng lắm chứ, ai đi: Nỡ dành lòng ái đặt tham nhân; mà quên chữ lập thân hành đạo ousa mần rằng phải cho.

Vô-Song nói:

Dạ thưa ngài, ngài thấy tướng tôi mần ri, ngài lại một hai khiến tôi đi thi chỉ, ủa ủa ha dám thưa ngài, như tôi là: Vận vị đặt nên mới đem mình ăn báo; chứ phải chỉ: đạo khả hành là tội đây cũng phan long, mần rửa má, y bởi rửa oen: Dưỡng tính chân lòng đã quen lòng; mà au như thích là chỉ chưa thỏa dạ, này chứ.

Như-Lân nói:

Như mần ri: Nan khả dĩ ngôn hĩ 難可與言矣, rồi đây mà; ủa chứ chứ:

thị thành hà tâm tại 是誠何心哉.
 Ở như trảng-sĩ phạn mần rửa ta biết mà :
 Phụ sinh hiền 負生賢 tha chịu mễch
 lòng đời ra mần ri ; tri khiết kỷ 知潔
 己 mà thôi chứ không vì dân nước đi đó
 mà, nổi chữ : Sao rằng dăng nhọ-lâm
 xuất sắc ; sao rằng trang học-hải siêu
 quần. Muội lý kia mà cũng gọi tính
 chân ; chấp mê ấy lại khen rằng nhữ
 thích kia chữ. A thôi : Ân-cần vô ích ;
 lưu-khứ tùy tha a. (nói rồi vung tay đi.
 Vô-Song ngăn lại mừng nói).

Vô-Song nói :

Ừ hay hay, a ha thôi : Kỳ nhân tòng
 cổ vô gia 其人從古無加 ; thưa tôi
 chịu kuong phải, mà : giác ngã ư ngôn
 hữu muội 覺我於言有味 đi rồi đây
 mà, ư uy chử-nhà là hay, phải phải mà : Đã
 thân ấy sinh trong bờ cõi ; phải phải
 danh chi mà dễ với non song chữ. Đa
 thưa tôi đi, tôi đi : Vị chính ngôn nên mới
 đành dạ doãn tòng ; chứ phải chi không
 minh lý tôi đã ngờ đường khứ tự
 đi đã rồi mà. Nao rượu rượu ở đó, tôi
 thường tôn-thai tôi, mà tôi cũng thường vì
 tôi đi nữa, thưa mời tôn-thai uống với tôi
 cho vui, ấy mần rửa mới sướng cho chi
 nữa : Nghiêng chén tước xênh-xang
 đôi bông rượu ; thẳng cảnh bằng thờ
 lưng lầy chín tầng cao thoải mà. Âu là :
 Sắp lưng từ chốn sơn-đô ; thưa tôn-thai
 ta đi a : Ngửa mặt trông chừng kinh-
 quốc a.

Nam-xướng :

Kinh-quốc ngô toan ứng-thị,
 Bốn phương nguyên như chí nam-nhi.
 Như-Lân nam-xướng :

Dốc lòng thể bạc tên ghi,
 Trái bao sương tuyết quân gì chống gai.
 Vô-Song nam-xướng :

Chen trường danh lợi thời thời,
 Nhẹ thuyền phong nguyệt nặng lời
 trăm anh.

Như-Lân nam-xướng :

Đoài nơi cảnh lịch vườn thanh,

Mai hờn kém tuyết liễu giành buồng tơ.

Trương-Bảo nói :

Như ta : Chiêu-thảo rầy quan đã to
 chưa, mà Trương Bảo ngấm tên càng
 phải thể, đi, ấy cái gia-phúc tôi cũng đã to
 lắm, mà : Một cha đã quyền sang Chung-
 tể ; hai chú thêm chức chịu Tổng-nhung
 nữa mà. Về vang như mỗ đã hung, mà nói
 cho phải cái hàng tôi ở nghe cũng nhỏ lắm :
 Tàn bạo lại ai vừa dặng ; mà tôi nghĩ lại
 có cái nói mỗ hung như cái nói nhà tôi nữa,
 này cha tôi là Hùng mới đến tôi là Bảo, còn
 các chú tôi những là Bưu những là Hồ thôi :
 Tên họ đã rất nổi bốn cảnh ; còn giàu
 sang thêm nổi tiếng ba hầu nữa mà. Vì
 Thạch Sùng gia sản thật nhiều ; còn cái
 đường chữ nghĩa tôi nghe cũng khá :
 so Đào Cốc văn chương ư a ha hơi
 muốn lẫn. Tề lẫn mà mà : Nhớ thôi tức
 giận ; mà tưởng lại căm gan. Đi này :
 Quái sát nhĩ Lý Lương ; bả dâm khinh
 Ngô Trương Bảo. Cứ nghĩ lại giận lão
 Lương, cha chả này, thử trước tôi nghe lão
 có một đứa con gái tên là Kiều-Phượng, bả
 quốc-sắc danh-hương lắm, tôi trần-trọc với
 cha tôi mần rằng, mần rằng cũng nói cho
 dặng con lão nữa mà thôi, mà nghĩ lại cha
 tôi nói chi với ai lại chẳng nghe, nên cái việc
 tôi tính là chắc mười phần đi mà, ấy ;
 Tưởng duyên trẻ là dặng bề giai-lão
 mà thôi, nữa ai ngờ lão lại nói những là con
 trung con nịnh, lão không giả mới ương có
 tôi đi, là cữp : vì lời giả nên khiến việc
 mới bất-hải. Cứ mà nghĩ lại Cái lão đại
 mần rằng : xứng đến ni mà lão hãy kén
 ai ; cha của tại chừng mỗ lạn ; giàu sang
 ấy ai mà hơn mỗ lắm rửa. Ừ mà chứ lão
 đã tri-sĩ rồi, ta giận ai đây cho mệt nữa, có
 chữ « bả thực chung nhứt vô sở dụng tâm »
 nghe cũng hay đấy mà, phải phải trẻ bay : Tao
 rầy muốn dạo chơi phường phố ; trẻ
 bay theo hầu cho rậm rịt tay chân.
 A nay nghe tao dặn a : hể bay với tao cho
 có ý hử, bay có thấy con nhà ai lịch-sự tu-
 tế nữa, bay thưa với tao nghe : may gặp
 người tuyệt đại giai-nhân ; ngộ toại
 mỗ nhất sinh thụ dụng thời mà.

Bắc xướng :

Thuyết đảo phong tình tâm hựu
động, 說 到 風 情 心 又 動
lại thành thị hưng phương nùng.
步 來 城 市 興 方 濃
như tao mẩn rí mà không động một người
mơ như con Kiều-Phượng nữa bay mẩn
rang bay : Khởi ưng tư thế vô tài nữ
豈 應 斯 世 無 才 女 ; mà nói chữ, nghĩ
lại như tao mẩn rí nà lại nghe cũng
ngán lắm bay : không tác cò phòng độc
túc ông 空 作 孤 房 獨 宿 翁. Tiếc bay, tao
nghĩ lại tao giận lắm bay, ai có trái chường
này mà chưa có vợ nữa rằng chữ phải chi
mà : Ngân hán dắc lai La-thị trượng
銀 漢 得 來 羅 氏 杖 ; tao nói tuất : Cầm
phòng đi hướng Quảng-hàn cung 錦 房
移 向 廣 寒 宮.

Lý Kiều-Phượng nói :

Tôi nay trưởng nữ Lý-công; thiếp
hiệu tiểu danh Kiều-Phượng. Nau tôi :
Tuổi hai tằm nguyệt vừa tròn bóng;
nương mà : trái bày ba mai hầy nặng
cành. Há : Tủ nhà Huyền sớm tềch
rừng xanh; mừng đỉnh Hồ nay vừa
đầu bạc. Chớ như tôi : Tuy hồ mình
khue-thất; nhưng mà ta : thường vui
thú cầm thư. Nừ, Thích tình khi gió
đội trăng chờ; còn khiến muộn lúc thơ
ngâm hoa gheo. Mà nay : Rầy vừa tuế
tảo; tiết tới xuân niên, đây mà. Các con :
Truyền thị-ti khai chúc quỳnh-diên
đây; Ai-Tuyết ấy trang-diêm mà đi chơi
cùng cô đệ : cùng Ai-Tuyết du quan
hảo cảnh. Thôi ầu ta : Tả tình tình đôi
vịnh; vậy tí muội một đoàn Lê.

Kiều-Phượng Ai-Tuyết cùng xướng :

Hảo xuân a : Hảo xuân quang, hảo
xuân quang,

好 春 光 好 春 光
Thụy thảo kỳ hoa mĩ nhĩn khan,
瑞 草 奇 花 滿 眼 看
Liều như kinh phong thủy,
柳 絮 驚 風 睡

Mai hoa hí điệp cuồng.

梅 花 戲 蝶 狂
Khoản khoản chi đầu ngũ yến,
款 款 枝 頭 結 燕
Thăm thăm đề hạn thủy dương.
深 深 堤 畔 垂 楊
Đồng tùng bất vị nghiêm sương lão,
冬 松 不 爲 嚴 霜 老
Thu cúc nhưn hãm vẫn tiết hương.
秋 菊 仍 含 晚 節 香

Bắc xướng :

Hảo xuân-cảnh chi khả ái a : Lịch lịch
danh viên, khan bất tận lý tiên huệ tú
歷 歷 名 園 看 不 盡 李 群 仙 秀 ; đi đi
thực khí, thường bất cùng liễu lục hơ
hoàng 怡 怡 淑 氣 黃 昏 柳 綠 槐 黃.
Vui chớ chớ là vui lắm con

Thử hồi điều ngũ hoa hương, dị xúc
tao-nhân chi nhĩ hững 此 回 爲 語 花
香 易 促 騷 人 之 雅 興.

Chớ phải chi mà : Nhập dạ phong
thanh nguyệt bạch, kham cung tài-nữ
chi giai chương 人 夜 風 清 月 白 堪 供
才 女 之 佳 章.

Lại nói :

Ừ này : Những tham xuân thôi đi đã
xa đường, rồi đây mà, (chợt thấy Trương
Báo đi qua đang trước với hồi) : Chớ
ai đi mô mẩn rủa con tề, này này : Gội
Ai-Tuyết kia, chẳng có phải khách
kuong con? (Ai-Tuyết ngó đầu biết là
Trương Báo)

Ai-Tuyết nói :

Ồi thôi : Xa chừng lộ kính, mẩn rủa
mơ : giống dạng Trương gia mà thôi.

Kiều-Phượng nói :

Chữ Trương-gia mô mà con biết a con?

Ai-Tuyết nói :

Chữ có lại không không nhớ ngày trước
Trương Báo hán câu thần bất hải chi sự
hay mẩn rủa?

Kiều-Phượng nói :

Ừ ừ mẩn rủa, chi nữa : Cùng ta
mau trở gót thêm hoa; lánh đó kéo

mang lời cợt liễu, con họ. (Nói rồi kíp đi. Trương Bảo trông thấy theo kíp).

Trương Bảo nói:

Ừ chà chà: Tưởng việc nên leo-lẻo; mà gặp duyên khéo lơ-lơ. Ai ni, a bay? Ôi con nhà ai khéo dễ, mà lịch-sự đã bạc ác mần rứa bay?

Quán nói:

Dạ dám thưa cậu dich rồi cậu, cái nàng ni là con ông Lý-công đó mà.

Trương Bảo nói:

Ừ mần rứa chi, ừ ấy vậy mà: Ngổng cổ cô là xưa những ước mê mà; thôi, ối chao ôi, nào chạy đi mô cho khỏi nào, bầy mặt chuột ra rồi còn chi mà lựa kén, nữa con?

Lý Kiều Phương nói:

Ô hay! Hưu bất thiện, bất thiện; mặc sinh hung sinh hung. Vốn đây chẳng có phải gái Tang-trung; hỏi chớ, sao đó chẳng thẹn trai Hán-quảng?

Trương Bảo nói:

Hán-quảng Hán-quảng chi nào? Á nàng ơi, người ta nói « không lẽ cầm treo heo nhện đối », chứ mà ta gặp nàng đây nữa cũng vì chẳng khác như: Gà quạ độ may vừa gặp khoảng; nói thiệt: hùm ra hang há lại về không. hay mần rứa. a nàng ơi! nàng ưng đi cho rồi mà thôi chứ, không ưng cũng không dặng ở mô nàng a: Vốn ta đã dành lòng; biểu đó đưng có ngờ mặt nào. (Nói rồi ị muốn lên lầu ôm lấy Kiều Phương biết cơ trốn chạy bỏ Á-Tuyết lại sau).

Trương Bảo hoảng-hốt nói:

Ồ ô, hần chạy đi mô rồi bay, thôi! Bóng kia rất lạt, mà mắt nọ lại lờ mờ nữa bay, uở chà chà hai cái con lịch-sự mần rứa: Mần-mà thôi xem đã ít ba; ôi mần rứa mà tao đã xoắn tóc trăn tao lại rồi a bay, à bay ơi: Mê-mần tao muốn sao cho dặng một, mà thôi, bay ôi giảo kíp đi, phải phải: Mau ta nổi gót, cho kíp đó bắt tay họ. (Nói rồi đuổi bắt).

Lục-Vô-Song nói:

Nay trải ngàn dâu bóng ước trưa ngày; khuấy mùi cục miệng thêm khát nước dầy mà. Phải phải, có chữ « giải khát dĩ tửu » cũng nên mà, dám thưa anh chừ em thêm lắm, xin anh hãy lần lui năm ba bước; em xin nghỉ uống một vài chung đã mà, kéo đường còn xa lắm mà, tính em không rượu nữa buồn lắm, đi không dặng: Dặm ngàn cho lòng chút thỏa lòng; rồi đây em đi theo cũng kíp mà: Sớm trưa cũng gót xin nổi gót thôi mà.

Vũ-Như-Lân nói:

Áy: Há chớ lời mang-hốt; mà quen thói an-nhàn nghe.

Lục-Vô-Song nói:

Dạ thưa em biết mà: Sĩ phùng thời đi dầm dề cầu-an; a đã bay: tửu vô-lượng mặc lòng chừ lại quên lời cập-loạn đi hay mần rứa? (Nói rồi Như-Lân đi).

Vô-Song mừng nói:

Ừ ha ha tôi khéo nói lắm, anh tôi cũng nghe xong. Rày qui hữu đã tin lời gạn; àu là: Khấp tiền thôn ta tìm hỏi rượu ngon a.

Bác xướng:

Nhân sinh thích chí phục hà ngôn,
人生適志復何言

Chứ mà ôi:

Danh-lợi khu-khu bất túc luân;

名利區區不足輪

À ai có rượu bán ta mua cho.

Tà vấn tửu gia hà xử hữu,

借問酒家何處有

Lộ tiền mạc thị Hạnh-hoa thôn.

路前莫是杏花村

Người chủ quán nói:

Chỗn Hạnh-thôn tên gọi là thăng Be; nổi thế-nghiệp nghề chuyên bán quán. Nữa nói cho phải, tôi bán quán mà thôi chứ, cái tài tôi coi sáng nữa, ư a-ha cũng bợm lắm: Người tốt bụng nữa

tôi dọn những là rượu hám thịt rắn ;
còn như khách đồ tôi tôi lại dọn mấm
hấp cơm ôi chứ. Ấy bởi rửa nên gần xa
đều biết tiếng mình ; mà quen lạ cũng
vào quán mỗ, hết nữa mà.

Lực Vô-Song nói :

A Quán : Lỡ cùng người quán-chủ ;
mỗ là khách lộ đồ đây. Nào thịt rượu
đâu một tiệc cho nó.

Người Quán nói :

Nó mấm rắng mấm rắng mới nó chứ,
tinh mấm ăn củi ăn sải lấy rồi mới mấm
rắng nữa.

Vô-Song nói :

Hay : Tiền-bạc đó mấy rồi ta lại trả
ma.

Người Quán nói :

Nói chơi đó mà thôi chứ có đây : Đùi
đé nọ thiệt ngon hơn thịt ; còn hũ rượu
này tôi mới được cao men nữa chứ.
thưa chủ hãy ăn uống đi cho vừa rồi trả
cho tôi lấy năm bảy chục chi cũng nên
mà : ít nhiều miễn đừng đồng tiền ;
chứ lời vốn lại dám nài với khách, hay
mấm rắng.

Vô-Song nói :

Ngon ngon a : Chân vì khâu thích
khâu thích ; tối thì tâm hoan tâm hoan
a. Ở Quán, nào mày dọn một chỗ cho tao
nghỉ cho mát, tao hãy đi.

Quán nói :

Thưa có có.

Vô-Song nói :

Ờ Quán, chứ nào cái rượu ngon của
mày khi nãy ở mỗ rót thêm đây : Rót
đây thêm vài bọng vừa quàng ; ấy nghĩ
lại đợi một vài giờ cho mát đã. (Nói rồi
say nằm, Ái-Tuyệt chạy đến).

Ái-Tuyệt nói :

Ồi chao ôi ! Làm ác chân ác chân ;
tao ương thì ương thì rồi a, phải phải ;
cô đã chạy trước xa đường ; tôi phải
lấn vào trong quán xong.

Quán nói :

Ồ : Rất chướng rất chướng ; mà nên
kỷ nên kỷ. Mỗ không biết việc chi ;
chứ có nào mà vào đó hề ? (Ái-Tuyệt
chưa kịp trả lời, đã thấy Trương Bảo
đuổi đến, vội lẫn trốn. Trương Bảo ngờ
đánh mắng người quán).

Trương Bảo nói :

Ừ chà chà : Quả ngộ quả ngộ ; rồi
ngoaan rất ngoaan. Quả thẳng nọ to gan,
hắn khiến con kia mới lạnh mặt, đó mà
thôi. (Nói thôi sai hầu đánh người quán).

Người quán kêu cứu :

Ồi làng ôi xóm ôi, cứu tôi với.

(Vô-Song đương ngủ say, chợt nghe
tiếng kêu, vùng dậy hỏi).

Vô-Song nói :

Chừ : Việc chi la mắng ; tiếng nhưc
lu-loa, mấm rửa quán ?

Quán nói :

Cứu tôi với ời chủ. (Vô-Song chạy
đến thấy mấy người đương đánh quán-
chủ, mới la hét tan ra).

Vô-Song nói :

Vấn nề bà gia hà gia ; mà : đã tha
thậm sự, thậm sự a. Mỗ chưa tưởng
lạnh dữ ; người khá tỏ trước sau mà
nghe thử ?

Trương Bảo nói :

Ừ : mày hỏi chi ? này Trương Bảo
thiệt tên tao ; chúng-tè là cha mỗ. Chừ
nhân kỷ một thù, mới tìm chốn du
xuân. Thấy gái nọ thanh-tân ; xui lòng
này áo-não chứ. Tưởng đó đã lòng
ngó sở-giáo ; hay nàng còn chấp ý bất-
hải. Vội vàng ta mới tới nơi ; thôi nhón-
nhác nó vừa trốn đó mà. Quán-nhân,
quán-nhân thấy thấy coi nổi : Quái sát
tha quán-chủ ; hắn cầm đoạt ngã giai-
nhị. Mày đã chẳng vì : tao nguyên
không thù,thôi. (Nói thôi lại đánh quán-
nhân).

Lực Vô-Song nói :

Tâm trung hỏa khởi hỏa khởi ; mà
nhữn - thượng yên-sinh yên - sinh.

Này coi nỗi: Ý quyền-hào nó hiệp-hại dân lành; quen uy-bách mây lại lung-lăng thối dữ. Chi, thẳng kia rằng mây không biết nghĩ hử ư: Gái trinh-tiết là ven bề xử-nữ, đó mà hồi hồi tro tro; trai bạo-cường đi nổi thối dâm-phong. Ừ thẳng kia, biểu tha nó đi.

Trương Báo nói:

Không tha, mày lại làm chi?

Vô-Song nói:

Thầy thầy: Nếu mây chẳng nể lòng; tao đánh cho tan xác thối. (Nói rồi đánh Trương Báo chết, tôi tôi chạy trốn cả).

Quán-chủ nói:

Ồi chao ôi! Điều nên Ớc-ác; mà nhờ lại rụng-rời. Này ấy vậy mà tôi tưởng: Nói mà chơi hay đánh gã chết ngay; ấy không có ở mô lấy mười ông khách mần rứa cho tôi nhờ nữa: uống cho sượng rồi đây tôi chịu cực; mần rí đập chết chết mà thôi, ai có dè con quan mà đánh ấy, nào tôi biết tính mần rằng đây? Thôi: Rất ngặt rất ngặt; khó toan khó toan. Cha chả này, mà tôi phải liệu mần rằng chứ dè cau-liên đến mà dè chịu lắm thay, mần rằng. Phải phải tam-thập-lục kế, dĩ dảo vi thượng, chứ ta trốn quách đi mới xong chứ: Nếu việc đã đến quan; ắt gồng mang cả họ, chứ không không (Nói rồi trốn đi).

Lục Vô-Song nói:

Ồ này: Giác lai ngộ-thủ ngộ-thủ; mà thuyết dảo kinh-tâm kinh-tâm. Này lỗi lỗi cha chả là lỗi này. Ừ nghĩ lại như thẳng Trương Hùng, chẳng là sinh sinh sát sát quyền-bính do tha, rất đối là: Người vô-có hân chiếu họa còn do thâm; hay hướng chi ta cổ-sát mần rí này thụ hình đã bất-thiền, rồi, a ô hay tôi chứ, và tôi cùng vũ-hiền-huỳnh tôi thiên-lý tương-phùng, anh tôi đã quyền-luyện tôi mần rứa mà, giờ tôi lại nhạ xuất sự-doan mần rí, tôi biết tính mần-rằng giờ đây? A thôi: Tưởng bạn ngọc đã khó

bề hội-diện; mà tôi phân bèo lại không chốn thê-thân, nữa mà. Ô mà tôi phải tảo vi chi kể mần-rằng tề mới dạng chứ, nếu mà: Quan-tiết này mà đến việc thượng-văn; nữa chi ôi thối; tai-dộc nợ lại mầy ai hạ-cổ, hay mần rằng, thối thối. Danh-lợi đã đành bỏ đó; gian-nan ầu phải lánh đây. A chi nữa: Chỉ sơn-lư dè nẻo sinh-nhai; từ thôn-diêm thoát miễn từ lộ xong.

Nam-xương:

Tử-lô mau-mau tần-thoát,

Ngồi lại như tôi bây giờ:

Đành phận mình lỡ bước công-danh.

Lá rơi mình khéo cho mình,

Hư-không buộc án bất-bình vì đâu.

Non tây ách đã xẽ đầu,

Dậm hộc bờ-ngõ ngàn dâu lạ-lùng.

Ái-Tuyệt nói:

Ưa may may à: Việc may hung may hung; mừng quá rất quá rất. Đi này, ấy vậy mà tôi ngờ: Sa mưa bắc là hương tàn nhị rứa, mà thôi nữa; ai ngờ cũng may: gặp gió đông nên bướm tạt ong bay chứ. Thôi thôi may lắm: Mừng ta đã thoát khỏi nạn này; nhưng mà tôi e người lại mang chùng va đó, thôi mà. Thương hại khi rứa trừ tôi mê-hoảng đi, tôi cũng không biết ai là cứu tôi mần rứa nữa: Đã khôn tường tên họ; lại chẳng thấy mặt mày nữa. Nào nào: Biết đâu mà đến nghĩa cao đây; chứ nào phải phải: Về thưa lại dạng hẳn lời sau trước a.

Vũ Như-Lân nói:

Này: Săm-săm mắng trái lần chân bước; vôi-vôi nhìn sao vắng dạng theo tà.

Hề-dông nói:

Dạ dám thưa cậu, vừa giờ có khi: Đã ham rượu cao mần, lại lẳng mình rất kíp, ở mô đó mà thôi. Ôi mà hơi mô ta chờ cái lão say mần chi, a ta đi đi kéo đã lâu ngày lắm mà, e có khi ông ở nhà lại mong ta nữa, cậu à.

Vũ Như-Lân nói :

Mần rứa à, phải phải : Bạn lành dù chẳng gặp : con thảo miến cho dặng tròn thoi mà. Âu là : Gió roi từ chốn hoang-thôn ; giục ngựa trông chừng cổ-lý con ạ

Nam-xương :

Giục ngựa trông chừng cổ-lý,
Ngõ phủ niêm du-tử qui hương.
May dầu rở tiếng thư-hương,
Bút nghiêng rồi nữa hốt phượng tang-bồng.

(Chợt gặp mưa to .

Hề-dồng nói :

Mưa cha-chả là mưa, đi hồi đi, kéo mà ướt hết a cậu ơi.

Như-Lân nói :

Này mưa đây mà :

Ngành cây mưa ngắt gió rung,
Mù chen ngọn liễu khói lồng rừng thu.

Lại nói :

Thôi : Xem nữa lần mây trái đen mù ; còn nhìn khắp phía mưa chan trắng toát. Nọ khó lòng cha-chả : Tim lữ-thứ đã không nơi lậu-thất, rồi đây mà ; ở này : đoái viễn-thôn sao có dạng cao-lâu, mần rứa con ?

Hề-dồng nói :

Chà chà may chưa : Có khi chùa miếu mờ đó cậu.

Như-Lân nói :

Con : Thấy kia tuy chưa biết đình chùa ; nhưng mà ta : Vào đó dặng lảnh con mưa gió đã eon ạ. (Nói rồi vào vườn Lệ-cống).

Lại nói :

Tốt a ! Hoán-hĩ trùng tán đồng-vũ 煥奕重軒棟宇 ; mĩ lai diệp giá môn 麗哉葉架門闔. Nọ con có thấy a coi : Trướng phượng thù sắc-xảo màu tợ ; còn thêm lân trở lại rõ-ràng uét đá. Tốt cha chả là tốt : Hiền dễ chữ « thường xuân » lạ lạ ; đình mệnh-

danh « tị vũ » hay hay. Con, ở ở ni cũng nhà quan-gia chi đây mà thôi, con. Thế cũng nhà hoạn-xá chi đây ; chứ : không có phải thù thôn-gia mà dặng đó. a con. Phải phải : Lỡ tâm-tối ta tạm khi trú-ngụ ; đợi sáng ngày rồi sẽ hôn-trị con ạ. (Nói rồi cùng vào hiên « thường xuân » ngồi, chợt lạnh mưa, có Ái-Tuyết ra thăm hoa).

Ái Tuyết nói :

Này : Liệt mưa rồi, trắng sáng như ngày ; âu là ta : thăm cảnh nọ coi có bông tàn rơi nhi, không a. (Nói rồi rảo bước trước hiên « Thường-xuân » nhìn ngắm hồi lâu, bất-giác buột miệng than) : Cha chả trắng đã tốt mà hoa lại thơm nữa, tôi nghĩ lại tôi đã giận mà tôi cũng tiếc cho cô mà thôi ! Ừ nghĩ lại như cô tôi là nhất thế tài-nữ quốc-sắc xuân-hương mần rứa mà, ấy mần rứa mà lại không dặng một người mỗ, là người cho giai-nhân tài-lữ, đức sắc câu tru mà làm bạn cùng cô tôi, đề cho ngoạn nguyệt khán hoa, ngâm thơ đối cảnh, nhần khi mần ri mà chơi cho vui nữa, nên tôi giận lắm mà tôi cũng tiếc lắm, thôi : Thấy cảnh đã xui lời năn-nĩ ; mà xem hoa thêm khiến dạ ước mề, là ước mề ai tề chứ, ngờ vui mà nói mần-rứa đó mà thôi chứ, lại có ô mỗ hay mần-rứa : Tây-Thị xưa nhan-sắc lại mấy vừa, mà Tử-Kiến trước tài-tinh là ắt dặng lắm mà. (Như-Lân ở trong hiên nghe được nói thế, không thể nín được mà phải nói ra).

Vũ Như-Lân nói :

Nay : Ngẫm lời quá ngán ; nghe nói nực cười đi này, hồi chứ chứ : Dặng mấy phần nhan-sắc nên khinh người ; cha chả lại chướng mỗ lần, đòi những dặng tài-tinh cho hơn mỗ, lảnh rứa.

Ái Tuyết kinh-ngạc vội nói :

Ồ chứ, hà sở trú sở trú ; khước độc hành độc hành, mần rứa hử coi : Vào nhà người tâm - tối đã không kiếng ; mà nghe lời thiếp hổ môi lại

muốn nhạo nữa. À phải phải: Mang lại báo đạo; thử đặc tường-tri a. (Nói rồi đi báo Kiều Phụng. Kiều Phụng ra).

Lý Kiều-Phụng nói:

Thôi: Tuồng việc cũng dị-kỳ; mà ngẫm người nên ngang chường. Cha chả này. (Nói rồi đi đến Thưởng-xuân-hiến, xem thấy Vũ Như-Lân có vẻ mười phần tốt đẹp, mới sinh lòng gheu mến nói): Kề trước hiên xuân xem hân, con, cái người này đây con ạ: nghiệm lời con Tuyết đã chẳng sai đây mà.

Ái-Tuyết nói:

Dạ dám thưa: con nhầm đi nhầm lại mần rằng, mà: Mỏi son mà phấn đã không hai; mà mắt ngọc mà châu song có một mà thôi có.

Kiều-Phụng nói:

Á người chi chi tề? Hối chứ chứ việc chi nên đường-đốt; mà: lời dâm có căng-kiêu, mần-rửa hử? Ô hay: Nào ai đã ep giấu mua yêu ở mô nào; mà đó đủ khoe mình cho cao giá lắm rửa. (Như-Lân ghé nhìn ít lâu rồi nói).

Vũ Như-Lân nói:

Tốt a: Chẳng khác Iô-nga lai nguyệt dạ; chi dường thần-nữ hạ Bồng-lai đi mà thôi. Ôi thôi nhầm nghiệm lời thầy ký-ngô rất hay; nữa là đó phải hời mần chi, không hời ta cũng nói mà, này này: Đành dạ mỗ chân-tinh xiú tổ, cho mà nghe.

Bắc xương:

Tước thụ Quốc-công, Vũ Trung Chính bản ngô thân-phụ 將授國公武忠正本吾親父; còn như ta thì:

Thế truyền Thi Lễ, Vũ Như-Lân đích ngã hiệu danh 世傳詩禮武如麟的我號名.

Kiều-Phụng nói:

Ừ, Thụ-sinh là Vũ Quốc-công lệnh-tử, rửa chữ thử hành thạm-cáo mà hay.

Như-Lân nói:

Ừ hời ta đi mô mà đến đây rửa, như ta số là mần-rí;

Tuyết-án đa niên, thám đạo-vị ư Khổng-môn Trình-hộ 雪案多年探道味於孔門程戶; vắn-cù thử hội, bá thanh-danh ư Đường-bệ Ngụ-dinh 寒衾此會播聲名於唐陛虞庭. Ấy bởi rửa cho nên Vạn-lý từ-sư, phượng chỉ điểm chu môn tín bộ 萬里辭師,方指點朱門信步; Ai ngờ: Bán đồ trị vũ, khả nại-hà bắc dạ, trở hành 半途值雨,可奈何黑夜阻行.

Lại nói

Ấy lý thực-hư thôi đây đã tận-tình; điều nghi-tự ô hay xin: đó đừng có giới ý nào.

Kiều Phụng nói:

Thụ-sinh đã nói rằng danh-giao trung-nhân, mần-rằng lại quên chữ « qua diên nạp lý, lý hạ bình quan 瓜田納履李下避疑 » mần rửa nữa, chẳng hữu khuy tiển chỉ đi bây giờ.

Như-Lân nói:

Ừ tiền-thư lại bắt lỗi ta, ấy mần-rí bắt năng căn-tị qua lý chi hiềm đó nhĩ. Ướ há há mần-rang ta lại chẳng biết, như nay mà ta dạ nhập Xuân-hiến mần-rí này: Khuy tiển chỉ đã cam bat-thị đó nhưng mà chẳng qua là việc tại ở mô tề; uôu nauch-trình là sự thuộc hữu-niên. Mà tiền-thư lại phải cố-chấp mần chi cho nhục do nào. Thôi thôi: Việc trước sau là đã cạn giá chân; tình tua bắt đi nữa uớ há há thưa thưa đã đánh tội-lỗi mà.

Kiều-Phụng nói:

Ô hay, hà tất tú-cung mần rửa nào? miễn là: đó biết điều tự-hối; nói vậy chứ ta lại chẳng lượng dung-nhân, hay mần rằng. Thụ-sinh hãy ngồi, Con, trả đây: Chén trà thơ gọi chút tầy trần; như mần rí là: Tắm lòng thảo xin chờ điều kiển bĩ. Hề dâm hời thụ-sinh Thê-nghiệp đã rằng cử-tử; từ-làm thế cũng thi-ông, chứ.

Ái-Tuyết nói :

"Thưa cô cái người đã lịch-sự lắm rồi, có khi cũng hay chữ mà thôi cô."

Kiều-Phượng nói :

Con, cái người coi cũng lịch-sự lắm hẹ, như giờ cô phân điều này, có khi méch lòng thu-sinh đây con.

Ái-Tuyết nói :

Dạ thưa cô, có điều chi cô phân đi, can chi mà cô ngại.

Kiều-Phượng nói :

Con, thế thu-sinh cũng không chấp hẹ, thôi thôi : Diên mạo xem đã phải dạng nho-phong, đó chốc, nhưng mà dĩ mạo thủ nhân nữa khó lắm, cô e tài nghệ thấp lại hèn trang danh-sĩ này chăng.

Vũ Như-Lân nói :

Ở tiểu-thư lại khách ta muốn rứa chi, úy hà hà, ngõ là phân điều chi chi tề chứ, như : ở-phủ là đặc kỵ dư-sự : mà tiểu thư hà tất kiến-nam. Hẹ như giờ ta muốn thơ cũng không khó gì, nhưng mà bạch-tuyệt dương-xuân, khùng thành quả họa mà thôi chứ : Du-thụy này đề thiếu đây dân ; hay muốn rằng ta e cho Chung-Huy nọ lại chưa quên tiếng chỉ này chứ.

Ái-Tuyết nói :

Thưa người ta nói giờ cô khiến người ta làm mấy, người ta làm cũng dặng, nhưng mà người ta e cô lại không biết nghe, giờ cô làm một bài chi cho hay đi để người ta họa thử.

Kiều-Phượng nói :

Con người ta tiếc không tri - âm chi. Ủ, đó đã khinh-thị ; ta phải sinh hảo thôi mà, con lấy bút giấy đây (làm một bài « Đề vào Họa oanh-binh » sai Ái - Tuyết đưa cho Như-Lân) : Thu-sinh như mẫu rứa là : Vì thu-sinh đã cây tài cao ; nên tiện-thiếp không nề lời vụng, đó thu-sinh hà. (Như-Lân tiếp thơ mở xem).

Như-Lân nói :

Châu ngọc lời đã chẳng tục ; mà long xà nét lại càng thần. Cha chủ này thôi :

Vì Văn-cơ sắc lẫn mười phần ; còn so Tiểu-muội chỉ hương bảy bước đi mà thôi. Ôi chao ôi ấy vậy mà : Ngõ chi-pháo là trang quốc-sắc ; hay nhị hoa cũng dặng ký-tại mà, không hay tề, thưa tiểu-thư đã huệ-từ mẫu-ri, tôi xin lĩnh-giao mà : Tên trước huyền lại mấy kẻ dặng tay ; à ôi chao ôi ra mẫu-ri : Ngọc trong đã đa ít người có mắt, di đó mà. Dám thưa tiểu-thư như tôi : Kiêu-ngạo trước đã cam lời thất-thác ; xin xin miễn-cưỡng rầy xin chờ tiếng chê bai hẹ. (Nói rồi họa lại thơ rồi nói) : Ủ như mẫu-ri : Mới biết mình tài nọ còn hèn ; thôi : Khen cho đó lời kia rất khéo đi mà thôi. (Nói rồi đưa thơ cho Ái-Tuyết đem về).

Ái-Tuyết nói :

Cha của cái tài thư sinh làm mau thiệt đi cô.

Kiều-Phượng đọc thơ :

Bảo thời nghệ nh xuân diêu,

本是迎春嬌

Thùy miêu nhập họa-binh ;

詠攝入詞屏

Vũ linh tuy khả ái,

羽翎雖可愛

Bất hợi hương nhàn minh.

不計同入焉

Lại nói :

Con, thôi hay làm con : Khéo khéo thay xúc cảnh tình sinh ; mà hay hay hay xuất ngon ý biêu, di ma thôi. Con, như cái bài thơ này : Làm đầu ngâm tài này đã chẳng thiếu, còn năm xe so học ấy là kấy thường, tề con.

Ái-Tuyết nói :

Dạ thưa cô, giờ cô thua người ta rồi. cô phải tỉnh thần rằng chứ ?

Kiều-Phượng nói :

Con, giờ biết tỉnh thần mà-rằng chứ : Thua thất rầy thôi mở miệng ngợi-ngang, con mà ấy mẫu-răng, lộn dận lại ai lòng chia mển. Mẫu-ri con, hay là giờ

ta ra ta tạ-quá cùng thư-sinh chẳng ? Uở mà biết bụng người ta măn-răng đó nữa.

Ái-Tuyệt nói :

Dạ thưa không khó gì hết nữa, cô ra đi, con coi ý thư-sinh khi cũng ưng đó cô, cha chả : Cả đã quen bên, câu dễ đi gác cần, hay măn-răng, thưa cô chẳng dám nào mà thôi chứ, con nghĩ lại như măn-ri mà cô hãy còn kén chọn ở mô nữa ; Tài này sắc ấy nhằm đã cần ; mà tình nọ ân kia nghe cũng phải, đi rồi cô. (Như-Lân biết có ý với mình).

Như-Lân nói :

Ừ hà hà : Qui-nữ đã lòng phiêu-ái ; nói vậy chứ : tiện-sinh lại chẳng dạ hà-lư, hay măn-răng, nghĩ lại cũng khéo lắm thôi : Đây đưa thôi duyên cũng bất-kỳ ; mà gặp gỡ ngấm người nên hữu-hạnh, đi mà thôi.

Kiều-Phượng nói :

Này : Huyền-thụ trước đã mất bề đức bạnh ; nhưng mà : tác-hợp này cũng là việc duyên thành, chứ e ai, này tôi e đã chào hoa rồi mượn tiếng trao cành ; mà thôi chứ như măn-ri là vì liếc ngọc nên phải thẹn lời hỏi giá này chứ, hèn chi bất khách bất tác là phải lắm mà ; Không hờ ngọn lửa, sao biết tuổi vàng, cho thôi : Mỗi chỉ điều cắc-cờ khiến chân vương ; văng trắng bạc thôi thiện-thùng xui một nạn, đi này.

Như-Lân nói :

Hay hay a : Duyên bèo nước khéo dàu lặn-dạn ; mà cuộc mây mưa thôi ngấm cũng lả-lơi đi này, Ta nguyện cùng tiểu-thư phen này : Lời trăm năm xin rộng bề dài ngày ; đã hay : Người muốn dậm chữ lại đi phai vàng nãi đá, hay măn-răng hà : Một lời đã nên nợ ; hai ngả lại ly duyên. Tay chia tấy từ chốn xuân-hiên ; bạn giã bạn xin lui miền kinh-thự.

Kiều-Phượng nói :

Tựa tình-nhân, như tôi : Phận bờ liễu

đã cam lời dữ-tử ; ai ngờ : Dặm quan-hà xui hối mắt hoài-nhân. Như măn-ri là : Hội trùng-phùng bao thuở Tấn Tần ; mà duyên nhất-ngô lại khiến người Hồ Hầu. Này con đem kim-thoa bạch-phiến đây. (Ái-Tuyệt đem kim-thoa bạch-phiến đề trên ghế). Kiêu-Phượng nói :

Bạch-phiến nọ đề lời như-kiến, kim-thoa này gửi tin tương-lai. Chứ một phen này đã gặp khách tâm-mai ; thưa thưa : Nghìn dặm ngõ gọi tình chiết-liều hệ.

Như-Lân nói :

Uở ha ha, nay tiểu-thư đã huệ-tử dĩ thi, rồi lại tặng ta bạch-phiến kim-thoa măn-ri, nay như : Luận nghĩa tham-lam là chẳng chịu, nữa mới phải ; nhưng mà đã lòng trân-trọng ta xin vâng thôi mà. Ha : Nặng lời vàng xin trả bạn ân-cần ; lui gót ngọc cho kịp kỳ ứng-cử, hệ.

Kiều-Phượng nói :

Hà, Tịch biệt nan cùng ohiến ngữ 惜別難窮片語 ; tổng tình liễn tặng nhất thiên a 送情聊贈一篇.

Kiều-Phượng biệt nói :

Thuyết dáo hà kiêu tứ tiểu nhiên 說到河橋思悄然 ; tổng quân hà sự lệ lưu liên 送君何事淚流連.

Như-Lân biệt nói :

Tình-nhân hà : Lưỡng tình nan xả khuê ly hận 兩情難捨嗟離恨 ; van lý như thói bại thiếp tiên 萬里如催跋涉艱.

Lân-Phượng cùng nói :

Nhất khứ mạn thành thiên cớ tịch 一去漫成千古迹 ; du du thử hội hận hà niên 悠悠此會又何年.

Như-Lân bắc xướng :

Thử cảnh thử tình, hồi thủ bất kham tàn ngã cổ 此景此情回首不堪頓我顏.

Tương phùng tương biệt, môn tâm cảnh giác vị thù liên 相逢相別捐心更覺爲誰憐.

Kiều-Phượng bắc-xương :

Tình di ngổn nan, đa khủng bình
bồng nhân tích lãng 情易言難, 多恐
萍蓬人跡浪;

Canh thâm viện tĩnh, chỉ kinh hồ
điệp trầm đầu ngồn 更深院靜只驚
蝴蝶枕頭言.

Như-Lân bắc-xương :

Nhất lộ quan san, nan bạc anh hùng
lưu khứ lệ 一路關山, 難酒英雄
去淚;

Bán liêm phong nguyệt, thiên hoài
thục-nữ biệt li duyên 半簾風月偏
懷淑女別離緣.

Kiều-Phượng bắc-xương :

Hận bất như câu, thiên-lý tương tùy
lộ thượng 恨不如駒千里相隨路上;

Tôi nói thiệt : Tổ kham tỉ nguyệt,
nhất luân thường chiếu vân biên 素
堪比月一輪常照雲邊.

Như-Lân nam-xương :

Tình-nhân a : Vân-biên dứt tình biệt
quyết.

Năm một lời hải-thê sơn-minh.

Kiều-Phượng nam-xương :

Hà : Xiết bao bến ái nguồn tình,
Xuân-biên đây lại, Sở-thành đó qua.

Như-Lân nói :

Coi : Tiểu-thư đà quay-trở gót hoa ;

Nợ âu là : Đại-lộ kíp ruồi giồng
đường hạnh, con bà.

Nam-xương :

Đường hạnh trông chừng giục giã,
Bận hiếu-tình bên dạ nào khuấy ;

Mơ-màng là hội rồng mây,
Mà duyên cá nước khéo thầy-lay cho ;

Tám nghìn xuân tám nghìn thu,
Chúc mừng tuổi thánh càng lâu càng
dài.

(Còn-nữa)

VĂN-UYÊN

Bạn trẻ họa bài ngũ-thập-lục
tự-thuật

(Của cụ Đông-châu, N.-P. số 179)

Dầu già da tóc, óc chưa già,
Cùng gánh văn-chương bạn trẻ ta ;
Tóc bạc vẫn hàn cùng phần-dại,
Gan già thêm rắn với sương-pha ;
Vun hoa quốc-học, hoa hương sắc,
Cầm đuốc văn-nho, đuốc sáng lò ;
Nét mực tài-hoa nào có hủ,
Thuyền văn vững lái lướt phong-ba.

Họa bài năm canh

(Của Bội-hoàn-nữ-sĩ N.-P. số 183)

Canh một

Thềm hoa lóng-lánh bóng trắng sang,
Cảnh tựa trời xanh, cảnh lạ thường ;

(1) Châu-thành Tây-ninh.

Tựa án hồn-thơ bay phấp-phới,
Bay xa, xa lẫn mấy tầng sương.

Canh hai

Đêm thanh lặng nhâm cảnh hà-yên,
Thăm nghĩ thân trai lắm nỗi phiền ;
Cạo óc thành văn toan trả nợ,
Nợ đời, nợ nước, nợ tiền-duyên.

Canh ba

Thành Tây (1) sương mờ, trống sang ba,
Bóng chiếc canh khuya đối nguyệt lò ;
Ngán nỗi thân bèo trôi biển bạc,
Trăm năm chìm nổi giấc Nam-kha.

Canh tư

Mơ mộng lan-man thấy những là :
Hải-đường nở nhị trước thềm ta,

Chiều hoa yêu-diệu khoe thân sắc,
Tĩnh giấc tìm hoa chẳng thấy hoa (1)?

Canh năm

Tiếng gà inh-ôi lần hồi chuông,
Lãng-mạn hồn thơ, bút diễn tuồng;
Mực cạn, đèn lù, mờ cả mắt,
Hiu-hiu gió lạnh động màn buông.

Rừng vắng

Rào bước rừng vắng đã mấy xuân,
Vật nhân cảnh thú ít đâu bằng;
Đầu màu khê-tượng ngàn hoa nở,
Bua lá văn-chương vạn cảnh tàn;
Róc-rách suối gieo làn rượi thánh,
Thanh-tảo ve hát khúc thi thần;
Gió đưa thi-vị nên từ-diệu,
Thật cảnh không liên chẳng tục trần.

Trường dạ cảm tác

Hiu-hắt trời khuya ngọn gió lồng,
Mình ta nghĩ-ngợi với non sông;
Trăng ngoài cửa sổ, trăng chênh bóng,
Cảnh giữa phòng không, cảnh lạnh
Ngôi bút phon văn theo mặt giấy, [lùng;
Ngọn đèn phóng ánh tỏ niềm trung;
Canh trường đổi cảnh, sầu man-mác,
Hi-vọng ngàn năm, một tấm lòng.

Bút sắt

Phòng văn chiếc bóng lúc canh tàn,
Đời bút đa-mang cái nợ văn;
Mấy lắc thân tròn xây thế-sự;
Vài phần mũi nhọn đâm tao-dân;
Vẽ hình phong nguyệt vào vuông giấy,
Thấu cảnh giang san lại ít hàng;
Nhả ngọc vì đời trên vạn quyển,
Ngàn năm duyên hẹn với thi-nhân.

Bình mực

Đố ai được biết cảnh đầy vơi?
Bóng mực canh khuya bóng lẻ loi;
Giọt đỏ phun ra rồng phun mưa,
Nhỏ đen nhả rớt ngọc châu rơi;

Nát lòng lâm lúc phiền quân đối,
Trải mặt bao phen trả nợ đời;
Vị nước gia hoài lòng chẳng cạn,
Rút gan ruột hết để người soi.

Quyển sách

Đầu óc văn-chương rạng nước nhà,
Sách vàng riêng bạn với đèn khuya;
Ngàn chương ẩn hiện giang san gấm,
Vạn chữ ly-kỳ vô-trụ hoa;
Mở toác ruột vàng truyền đạo thánh,
Lăn mòn gan sắt trải thi ca;
Nghĩ cũm cái mặt vua Tần bạo,
Lửa đỏ lòng son, ta biết ta.

Ngọn đèn khuya

Tìm lun dầu hao biết mấy lần,
Kiếp đèn-há then với tình-thần;
Anh lóa dọi tỏ trần-ai cảnh,
Bóng chiếu soi lồng cầm-tú văn;
Trải khắp sử-kinh khi vắng nguyệt,
Bận cùng thi-sĩ lúc ngăm xuân;
Trọn đời thanh rạng người người
chuông,
Thấp-thoáng đêm khuya bóng lại gần.

Núi Bà-den (Tây-ninh)

Hòn đá ai đem đặt chốn này,
Hay là đất bớp vọt lên đây?
Xoi trời đỉnh nhọn, trời xanh mặt,
Đạp đất chơn to, đất nhều mây;
Tiếng mõ thiền-lâm len kẽ đá,
Dấu chân Nguyễn-chùa ẩn thang mây;
Tám trăm tám bốn, biên-cương trấn,
Có biết bao phen nước đổi xây?

Viếng chùa núi Bà-den

Ái khéo bày nên cảnh-tri này,
Ngôi chùa lộng-lẫy lẫn lừng mây;
Tường rêu cửa hé, trời gieo bóng,
Điện vắng nhang môn, khói cuộn bay;
Mãng tượng cầu đời khó xác phật,
Vị lo tụng niệm mỗi lưng thầy;
Chuông ngân có thấu đâu chăng tá?
Non nước từ xưa khổ vẫn đây.

(1) Vì không được hiểu rõ văn (nhóa), nên phải đề văn khác.

Qua sông Cửu-long tại Mỹ-tho

Ba giữa trăng-giêng gió đầy người,
Đảo Rồng im-lặng, nước đầy vui;
Tầng xanh lơ-lửng mây lời ác,
Xa tít lơ-nhỏ sóng bầu trời;
Cỏ trắng chim vàng giảnh nhánh đậu,
Thuyền con tàu lớn dấu tài chơi;
Qua sông nhớ thuở sông pha đỏ, (1)
Cây cỏ đường đeo mảnh kính đời.

Tự thuật (1831)

Tạo-hóa sinh ta bởi có gì?
Táy Nam ba chữ thờ rù-rì;
Hai năm giáo-học đã từ chức,
Mấy tháng nằm nhà lại muốn đi;
Sự-nghiệp xem qua vài quyển sách,
Bạn bè ngảnh lại ít hàng thi;
Hai-mươi-ba tuổi nên gì chữa?
Chim nổi bao phen với chữ thi.

Phong-trào phụ-nữ ở Sài-gòn

(Trích « Sài-gòn thập-vịnh »)

Coi thử kia, con gái thành tiền,
Chà! chà! Mấy chị cũng đôi quyền;
Phấn tô giải-phóng, nhà hũu-quan,
Sơn điểm tự-do nước ngửa-nghiêng;
Bồ-liễu rồi dấy ra trận mạc,
Râu mèo ắt phải hất ru em;
Ai khôn cưới gái tân-thời ấy,
Cố vợ làm nuôi khỏi chầy tiền.

VĂN LANG

(Tập Lâm-tuyền Hàn-mặc)

Đề sách Phan Trần

Trời xanh cũng khéo chuộng người
Diu-dắt Phan-Trần cuộc rủi may; [ngay,
Bằng-hữu gửi lòng, tình luyện-ái,
Trung-trình giúp nước, hội rồng-máy;
Gái hiền giữ tiết, khinh trăng gió,
Giai giới thơm danh, tỏ mặt-máy;

Hiếu thuận lại sinh con hiếu thuận,
Một nhà cả nước (2) thực là đây.

Uống nước lợ

Mắt-mề can-trường chén nước trong,
Bụi trần chẳng chút bận bên lòng;
Niềm băng lai-lãng hồn thi dọn,
Chén ngọc vui chơi bóng nguyệt lồng;
Đôi chữ thanh-tao ghi bát mực,
Mảnh tình phong-nhã nguyện non sông;
Bạn ta mà đến ta nâng rót,
Quán-tử phong cao hãy nhấp cùng.

Qua chơi Văn-miêu

Chập-chờn ánh nắng vên mây xanh,
Miêu Khổng nguy-nga thủ hũu-linh;
Giương mắt giang-sơn xa mấy dặm,
Khen tay tạo-hóa vẽ nên tranh;
Cầu thơ tri-kỷ vui lòng bạn,
Tắc dạ thanh-tao kể sự mình;
Phỏng-phất tâm-hồn màu đạo học,
Một niềm bâng-buýt đối quang-minh.

Cảm tưởng lúc buổi sáng sớm

Cái cảnh lạ-mình khôn tả xiết,
Giọt sương châu nặng trên cành biếc;
Vẽ trời mây phủ ngậm vui thay!
Ánh sáng trắng mờ coi thú tuyệt!
Tứ-phía cỏ-cây ta thuộc lầu,
Mọi bề cảnh-vật ta thông hết;
Hiu-hiu làn gió nhẹ nhàng đưa,
Lặng ngắm mây tuôn lồng bóng nguyệt.

NGUYỄN BẰNG-ĐOÀN

(Nguyệt-hồ Hưng-yên)

Vào hè

Kia kia lũ cuốc đã kêu hè,
Sen nở đầy đầm nước vị hué;
Mát mẻ gió nam lùa cạnh cửa,
Nồng-nàn ánh nắng chiếu bên hè;
Lúc nhàn chỉ những mơ hồn nước,

(1) Năm 1862, nhà nước Đại-Pháp đánh lấy tỉnh Mỹ-tho.

(2) Bởi chữ « nhất-đường ngư-thủy — 一 壑 魚 水 » là một nhà chịu ơn vua như cá gặp nước vậy.

Cuộc thế sao mà ghét lũ ve;
Dầu bức nhưng đây ta có quạt,
Khi thì phe-phẩy lúc thì che.

**Đề một cái lăng (làng Thừa,
Mỹ-hào) (1)**

Mộ-chi nhà ai cái chỗ này,
Sao mà oanh-liệt ở nơi đây?
Bống cao cây cối um-tùm kín,
Cửa rộng đèn-dài ngất ngưỡng xây;
Làng Thừa xưa nay nơi cùng vãi,
Huyện Bào đi lại khách đông tấp;
Ông cha thừa trước giếng cây phúc,
Trời để dành cho cái đất hay.

**Nghe thấy bên nhà một ông ký
mở « tổ-tôm điếm »**

Nghe nói bên nhà bác ký kia,
Mở sòng « tôm-điếm » nghỉ mà ghé;
Tiền-nong đã hiếm sao chơi góm,
Nhân-nghĩa thêm nghèo hẳn xấu ề;
Cờ-bạc buổi này nhiều kẻ thích,
Gái trai đương thừa lắm người mê;
Nhất thì « thả cá » nhĩ gì nhĩ?
Sung-sướng riêng mình rõ được nề.

NGUYỄN TRẦN-TRUY

(Nguyệt-hồ Hưng yên)

THỜI-ĐÀM

Thời-cực nước Tàu

Tình-hình miền Hoa-bắc.— Sau khi chính-phủ Nam-kinh đã cùng quân Nhật ký hiệp-ước đình-chiến ở Đurong-cô, lại có cử phái-viên đến dự cuộc hội-ng nghị Trung Nhật ở Dairen, để giải-quyết các vấn-đề phụ của cuộc hội-ng nghị Đurong-cô, đã trở về Bắc-binh, có tuyên-ngôn rằng công-việc của cuộc hội-ng nghị như sau này:

10— Giải-quyết việc lĩnh bất-phục-tính ở miền tam-giác Loan.

20— Trù-tính cho xe hỏa từ Bắc-binh đến Sơn-hải-quan lại chạy.

Hoàng-Pu sẽ đi Thiên-tân để chủ-trương buổi đầu về sự thi-hành giao-ước Dairen. Cứ như lời Hoàng Pu tuyên-bố thì trong cuộc hội-ng nghị Dairen đã giải-quyết xong các vấn-đề.

Việc miền tam-giác ở đất Loan đã giải-quyết xong, theo như các khoản Trung Nhật điều-định với nhau định

rằng người Trung-hoa lại đem quân đến đóng miền ấy và đường hỏa-xa từ Bắc-kinh đến Sơn-hải-quan lại cho chạy.

Duy ở Trương-gia-khẩu từ sau khi Phùng Ngọc-Tường nhận chức Tổng-tư-lệnh quân kháng Nhật, ý Phùng rất kiên-quyết chống nhau với quân Nhật để bảo-toàn tỉnh Sát-cáp-nhĩ và mời Tổng Triết-Nguyên trở về nhận chức chủ-tịch. Phùng đối với các phương tở ý quyết thu-hồi lại những đất đã mất, nên Phùng ra sức đánh lấy Đa-luân.

Theo tin Bắc-binh thì gần đây Đa-luân chỉ có quân Mãn-châu là bộ Lý Phũ-Trung giữ, quân Nhật là lữ-đoàn Mạn-mộc đã rút lui về đông-bắc, cùng thời quân Mãn-châu vì vận-chở không tiện, cấp-dưỡng khó-khăn, quân Nhật lại không tiếp-lễ cho, khó thể duy-tri được, cho nên Phùng phái viên đến dụ hàng, Lý bằng lòng, Phùng bèn phái quân Cát Hồng-Xương tiến đóng.

(1) Tục truyền đây là mộ một người Tàu mà hiện nay làng Thừa, huyện Mỹ-hào, Hưng-yên thờ.

Đại-bộ quân Phùng bọp ở Đa-luân, định lại thêm quân, phòng quân Mãn-châu phản-công.

Quân Phùng Ngọc-Tường quả đã lấy lại được Đa-luân. Cát Hồng-Xương chỉ-huy các bộ quân Lý Hải-Thanh trước sau vào thành Đa-luân. Đường bưu-diện Trương-gia-khẩu và Đa-luân đã khôi-phục; những dân buôn tránh nạn đến Trương-gia-khẩu đã thi nhau về Đa-luân, nông-dân càng vui mừng lắm, vương công các kỳ đều diện mừng Phùng Ngọc-Tường.

Phùng Ngọc-Tường gửi điện cho các linh-tụ Bắc-binh và bọn Tướng Giới-Thạch, Ưông Tinh-Vệ, nói khôi-phục được Đa-luân, dẫu đạt được cái chí bảo-vệ tỉnh Sát, nhưng bốn tỉnh đông-bắc còn ở trong tay quân địch, mong Chính-phủ Trung-ương bỏ hẳn hiệp-dịnh Đường-cổ đi, phái-khiến đại-quân, lấy lại cõi đất đông-bắc, nếu không thì Ngọc-Tường này chỉ có thống-suất vài mươi vạn quân đội, cướp lại những đất đã mất. Ngọc-Tường một hơi thở hắt ra, chỉ ấy không hề thay đổi.

Tin Bắc-binh: Phùng Ngọc-Tường thông tin đi các nơi không nhận việc bỏ Đa-luân, đại ý nói thành có thể phá, dẫu có thể chặt, đất nước chẳng chịu đem một thước tấc nhường người. Điện-tin của người Nhật nói quân Phùng không những không lui ra khỏi Đa-luân và xây đắp trận-địa kiên-cố. Quân Nhật quyết thêm quân viện để phản-công.

Cứ như tin-tức của báo Trung-hoa tiếp được, thì đường cương-giới Nhiệt-hà và Sát-cáp-nhĩ, Trung Nhật lại đánh nhau. Vì quân của Phùng Ngọc-Tường đánh quân của Mãn-châu-quốc, giữ đường cương-giới Nhiệt-hà, thì bốn chiếc tàu bay Nhật lại ném bom xuống Đa-luân. Nghe đâu Phùng Ngọc-Tường có lời tuyên-bố hô-hào nhân-dân chống cự với quân Nhật và nói rằng mình sẽ

lấy lại Nhiệt-hà và Mãn-châu. Các viên linh-tụ ở Nam-kinh nói rằng mọi việc hành động của Phùng Ngọc-Tường làm cho các viên ấy khó xử. Việc giao-tế Trung Nhật rất là khó-khăn, và chắc là người Nhật sẽ đem quân vào Sát-cáp-nhĩ.

Vũ-quan Nhật là Sai-sơn yết-kiến Hà Ương-Khâm, đối với việc Phùng Ngọc-Tường lấy lại được Đa-luân rất là chú ý và kháng-ngại đưa thư cảnh-cáo Phùng.

Lại có tin rằng quân bộ Quan-dòng Nhật đã quyết phái hai vạn quân Mãn-châu và bộ đội chủ-cán thuộc sư-đoàn thứ tám quân Nhật đánh lấy lại Đa-luân.

Tin Bắc-binh nói rằng toàn kỵ-binh thuộc lữ-đoàn Mậu-mộc quân Nhật và bộ-đội Tùng-mộc đã đến Đa-luân, liên-hợp cùng Trương Hải-Bằng, đại-chiến với quân Cát Hồng-Xương ở tây-nam thành Đa-luân.

Luôn mấy ngày mây bay Nhật bay đến dò xét Đa-luân và Cô-nguyên, và rắc truyền-đơn xuống, nói nếu quân Phùng không lui, sẽ đại-cử tiến đánh.

Các nhà đương-cục Bắc-binh vì thấy Phùng tỏ ra cái thái-độ quả-quyết, không chịu thôi việc kháng Nhật, nên đã quyết dùng võ-lực giải-quyết, tiền-phái-quân Bằng Bình-Huân đã đến Tuyên-hoa, sư-đoàn Quan Lân Trùng đã tiến đến Nam khẩu Quán Phùng và quân Chính-phủ sẽ đánh nhau đến nơi.

Cứ như hiện-thể thì nay Phùng đã hăm vào cái cảnh trong ngoài giáp đánh. Phùng Ngọc-Tường dẫu được phái phản-đối Nam-kinh và phương-diện tây-nam đồng-tinh, nhưng lương-thực và khí-giới đều thiếu. Tình-hình như thế thì Phùng cũng khó mà duy-trì được lâu. Nhưng gần đây Chính-phủ Nam-kinh có ý muốn điều-đinh

với Phùng một cách hòa-bình và đã điện cho Hà Ứng-Khâm hạ lệnh thôi không được khai-chiến với Phùng, và phải đợi mệnh-lệnh của chính-phủ về mọi việc. Người Trung-hoa nói xem bức điện-tín ấy, thì chính-phủ còn muốn hỏi ý-kiến của Hoàng Phu, hiện đương đi Lư-sơn trước khi giải-quyết cái vấn-dề Sát-cáp-nhĩ Người ta nói chính-phủ sẽ theo cái ý-kiến của Hoàng Phu mà quyết-nghị, vì Hoàng biết rõ tình-thế ở miền bắc, cũng là cái ý-kiến của Nhật về vấn-dề ấy.

Tin Bắc-bình nói thời-cực Sát-cáp-nhĩ lại có vẻ lạc-quan, quân Phùng và quân Trung-ương cách nhau chỉ độ 5 dặm, nhưng chắc không đến nổi xung-đột. Cứ lời viên đại-biêu ở Trương gia-khẩu đến Bắc-bình nói thái-độ Phùng đã hòa-hoãn, hai phương Trương-gia-khẩu và Bắc-bình đều yên đợi kết-quả cuộc hội-nghị ở Cồ-lĩnh thế nào, mới lại tiến hành việc hòa-giải.

Tướng Giới-Thạch đã triệu một hội-đồng sẽ đến họp ở Cồ-lĩnh để bàn-bạc về tình-thế tỉnh Sát-cáp-nhĩ, Tân-cương và Tứ-xuyên.

Quan phó-trưởng bộ chiến-tranh, chủ-tịch viện hành-chính, là Ưng Tinh-Vệ sẽ đến dự hội-đồng ấy.

Hoàng Phu chủ tịch ban ngoại-giao ở Bắc-bình sẽ đến Cồ-lĩnh hội-nghị với

Tướng Giới-Thạch và Ưng Tinh-Vệ về các việc miền bắc.

Cuộc hội-nghị Cồ-lĩnh đã quyết-nghị dùng cái thái-độ nhẫn-nại đối với Phùng, hãy nên trì-hoãn không nên hành-dộng vội.

Cuộc hội-nghị Cồ-lĩnh đã xong, đã giải-quyết được nhiều vấn-dề chính-trị và quân-sự, nhưng hãy còn giữ bí-mật, không cho ai biết. Tại cuộc hội-đồng lại định thi-hành cái chính-sách hòa-hiếu đối với Phùng Ngọc-Tường.

Nếu như vậy thì Phùng rồi phải dời khỏi Trương-gia-khẩu, thì về miền tỉnh Sát-cáp-nhĩ mới khởi sinh ra sự rắc-rối.

Ai thay Võ-Đằng. — Nguyên-sứ quân Nhật là Võ-Đằng ở Mãn-châu tạ-thế ngày 27 vừa rồi, chính-phủ Nhật đã cử Lâm-tiểu thập-lang thay Võ-Đằng làm đại-sứ ở Mãn-châu và kiêm chức Quan-đồng quản tư-lệnh.

Phổ-Nghị sắp xưng hoàng-đế. — Típ Trường-xuân nói: Chính-phủ Mãn-châu đã tổ-chức một hội-ủy-viên, thảo-thảo một bản hiến-pháp nước Mãn-châu, mục-dịch ở việc thành-lập đế-quốc tôn Phổ-Nghị làm hoàng-đế. Sau khi hiến-pháp thảo xong, lập tức tuyên-bố, Phổ-Nghị cũng lập-tức lên ngôi. Đại-cương việc tổ-chức đế-quốc mới là theo như chế-độ Nhật-bản.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 7 năm 1933)

Những việc cải-cách ở Trung-kỳ. — Ngày mồng 3 tháng 7 này, tại Đa-lát, Đức Bảo-dại đã thương-đồng với quan Toàn-quyền PASQUIER rồi chuẩn-y những bản dự-thảo do Hội-đồng Cải-cách đảng ngự-lâm trước, có hạ Chỉ-dụ tuyên-bố thi-hành những việc sau này :

1 — Thi-hành bộ Luật mới.

2 — Thi-hành chế-độ mới của viện Dân-biêu.

3 — Thi-hành chế-độ quan-lại mới.

4 — Thi-hành thể-lệ tài-chính mới của Nam-triều.

5 — Xếp đặt lại việc giáo-dục bậc Sơ-đẳng và bậc Tiểu-học.

Khánh-thành đường xe-lửa Phom-penh — Monkolborey, — Mồng 4 tháng 7 này, SISOWATH MONIVONG quốc-vương Cao-miên và quan Khâm-sứ SYLVESTRE

đã khánh-thành đoạn đường xe-lửa mới từ Pnom-penh tới Monkelborey. Ông FONTAINE là quản đốc công-ti xe-lửa phía nam Đông-dương có dọc bài thuật lại công việc làm đường ấy và phần ích-lợi về con đường ấy thế nào.

Hội Tế-sinh bắt đầu mở cửa. — Ngày mồng 7 nhà Bảo-anh của hội Tế-sinh (ở phố Lý Thường-Kiệt Hà-nội, đã bắt đầu nhận trông nom nuôi nấng những trẻ nhà nghèo từ 1 tuổi đến 6 tuổi ngày đem gửi tới đem về, hoặc gửi luôn, và nhận những trẻ vô-thừa-nhận đem đến cho, đều được tắm rửa quần-áo ăn-uống tử-tế.

Quan Học-chính-tổng-trưởng Brachet về Pháp. — Quan quyền-Học-chính-tổng-trưởng BRACHET cùng gia-quyển đã đáp tàu « *Maréchal Joffre* » sáng ngày 8 về Pháp nghỉ.

Ban Thường-trực của Đại-hội-ng nghị và Hội-đồng Chính-phủ họp hội-đồng. — Hồi 9 giờ sáng ngày 11, ban Thường-trực của Đại-hội-ng nghị đã họp hội-đồng tại phủ Toàn-quyển Sài-gòn.

Đến 11 giờ thì ban Thường-trực hội-đồng Chính-phủ họp.

Tội tra thai và ngăn giữ việc thụ-thai. — Mới đây có Sắc-lệnh trừng-trị tội tra thai và ngăn giữ việc thụ-thai tại các xứ thuộc-địa và xứ bảo-hộ của nước Pháp, đại-lược nói người nào truyền-bá tại các nơi, hoặc bán, giăm bán, bày bán, yết-thị, và phân-phát những sách giấy viết, giấy in, tranh vẽ, hoặc chiếu hàng những phòng thuốc để tra thai, dù không có công-hiệu cũng vậy đều phải phạt giam từ 6 tháng đến 3 năm và phạt bạc từ 100 quan đến 3000 quan.

Người nào bán hay phân-phát các thứ thuốc hoặc các khí-dụng để dùng vào việc tra thai; dù tra không có công-hiệu hay là chữa tra mặc lòng cũng phải tội đồng.

Người nào dùng những cách ấy mà

cố-dộng để ngăn giữ việc thụ-thai thì phải phạt giam từ 1 tháng đến 6 tháng và phạt bạc từ 100 quan đến 500 quan.

Hoàng-thân Bửu-Liêm được phong vương. — Đức Bảo đại mới tấn-phong cho Hoàng-thân Bửu-Liêm làm Hoài-ân-vương. Ngày 12 đã làm lễ rước sắc về vương-phủ.

Hết hạn độc-quyền nấu rượu. — Công-ti S. F. D. I. C. tức là công-ti « *Fontaine* » được độc-quyền nấu và bán rượu ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ đã 36 năm rồi, mỗi năm công-ti này phải chịu thuế có tới bốn triệu đồng, đến ngày 12 Juillet này là ngày hết hạn độc-quyền. Từ nay Chính-phủ rộng cho nhân-dân ai đủ tư-cách thì được xin phép lập lò nấu rượu và bán cạnh-tranh. Hiện nay ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ cả thầy có tám lò được phép nấu. Trong số ấy thì ba lò ở Hà-nội Hải-dương và Nam-định là của công-ti cũ S. F. D. I. C. nấu bán, hai lò nữa ở Yên-viên và Hàm-rồng của công-ti S. A. A. T. là công-ti mới nấu, nhưng cũng do công-ti cũ chủ-trương đứng bán. Còn một lò ở Văn-diên của Nam-tửu công-ti (*Société des distilleries tonkinoises*); một lò ở Đại-lâm của hai ông NGUYỄN ĐỨC-TRẠC và NGUYỄN VĂN-TIẾN; và một lò ở Thanh-hóa của công-ti *Société commerciale et industrielle de l'Annam Tonkin* (S. C. I. A. T.)

Lễ trao cờ ở Huế. — Hồi 6 giờ rưỡi ngày 14, ở Huế có một lễ trao cờ cho đội quân thứ 10. Thị-lễ có quan Khâm-sứ THIBAudeau, quan Phụ-chánh thân-thần TÔN-TRƯỜNG HÂN, các vị đại-thần thân-thương tầy Nam đến đông. Quan Trung-tá BEAUFRERE chỉ-huy đạo quân ấy dọc chực-từ rồi thì quân lính đi diễu rất nghiêm-chỉnh. Có cả đội lính khố xanh và lính trong Hoàng-cung dự lễ.

Khánh-thành cầu Phong-lệ.— Chiều ngày 15, ở Tourane có khánh-thành cái cầu sắt là chiếc cầu lớn nhất trên đường xe-lửa từ Tourane đến Nha-trang.

Quan Thượng-bộ Lại Ngô Đình-Diệm từ-chức.— Quan Thượng-thư bộ Lại Ngô Đình-Diệm tâu lên đức Bảo-dại rằng vì tính-chất và chí-hướng cùng thời khác xa, vậy xin từ chức. Ngày 25 tháng 5 nhuận (17-7-1933) đức Bảo-dại đã chuẩn-y cho quan Naô Đình-Diệm được từ-chức.

Quan Thượng-thư bộ Công Thái Văn-Toản đổi sang bộ Lại.— Vì quan Thượng-thư bộ Lại Ngô Đình-Diệm đã từ chức, nên có Chỉ đổi quan Thượng-thư bộ Công Thái Văn-Toản sang làm Thượng-thư bộ Lại.

Quan Tổng-dốc Tôn-thất Quảng lĩnh chức Thượng-thư bộ Công.— Vì quan Thượng-thư bộ Công Thái Văn-Toản đổi sang bộ Lại, nên có Chỉ thăng bổ quan Tổng-dốc Thanh-hóa kiêm Thanh-tra các tỉnh Bắc-bộ Trung-kỳ Tôn-Thất Quảng lên lĩnh chức Thượng-thư bộ Công.

Tiền trợ cấp về thuốc tiêm trị bệnh dịch hạch ở Đông-dương.— Về năm 1933 này, viện Pasteur cung cho xứ Đông-dương mười vạn liều thuốc tiêm trị bệnh dịch hạch. Số thuốc ấy chia cho năm xứ trong cõi Đông-dương như sau này:

Trung-kỳ 20.000 liều.

Nam-kỳ 25.000 —

Hắc-kỳ 25.000 —

Ái-lao 5.000 —

Cao-miên 25.000 —

Chính-phủ Đông-dương định trợ cấp cho viện Pasteur một số tiền 89.000 đồng bạc về năm 1933. Số tiền ấy do ngân-sách mỗi xứ phải chịu như sau này:

Trung-kỳ 16.000 đồng.

Nam-kỳ 20.000 —

Bắc-kỳ 20.000 —

Ái-lao 4.000 —

Cao-miên 20.000 —

Quan Thống-sứ PAGES về Pháp.— Hồi trưa ngày 22 quan Thống-sứ PAGES cùng phu-nhân đã từ Hà-nội đi ô-tô xuống Hải-phòng để đáp tàu "Claude chappe" vào Sài-gòn. Ngày 27, ngài đã từ Sài-gòn đáp tàu "Aramis" khởi-hành về Pháp.

Đổi lại cách tổ-chức mấy trường Cao-dẳng.— Ngày 23, quan Toàn-quyền đã ký mấy đạo nghị-dịnh tại Sài-gòn định sửa đổi lại cách tổ-chức mấy trường Cao-dẳng Pháp-luật, Công-chính và Mĩ thuật.

Chức Thống-sứ Bắc-kỳ.— Vì quan Thống-sứ PAGES về Pháp, nên ngày 27 có sắc-lệnh quan Giám-quốc cử quan cai-trị hạng nhất JULES JOSEPH BRIDE làm quyền Thống-sứ Bắc-kỳ cho đến ngày quan Thống-sứ THOLANCE ở Pháp sang.

Chức Học-chính Tổng-trưởng.— Vì quan quyền Học-chính Tổng-trưởng BRACHET về Pháp nghỉ, nên quan Thanh-tra học-chính BERNARD được lên thay.

Cải-cách lễ-liết của Hoàng-gia.— Đức Bảo-dại mới hạ dụ cải-cách các lễ-tiết. Từ nay về sau trong những khi tế lễ hết thấy bỏ cả lễ tam-sinh như trâu bò dê lợn gà vịt, bỏ cả các vàng mã, chỉ dùng các thứ hoa-quả hương-nến chè nước thôi.

Lại bỏ cả những lễ-liết hằng năm kể sau này:

Tiết Đoan-đương (mồng 5 tháng 5).

Tiết Tam-nguyên (rằm tháng giêng, rằm tháng bảy và rằm tháng mười).

Lễ Thất-tịch (mồng 7 tháng 7).

Tiết Trung-thu (rằm tháng 8).

Tiết Trùng-dương (mồng 9 tháng 9).

Tiết Đông-chi (tùy theo lịch).

Hạp-hương (ngày 20 tháng chạp).

Thượng-tiên và trừ-tịch (ngày 30 tháng chạp).

Lại định các lễ-phục của các quan dùng khi dự lễ-lễ.

Lễ Bảo-đại lập thư-viện.— Đức Bảo-đại mới hạ dụ lập một thư-viện đặt tên là «Bảo-đại thư-viện» tại trường Quốc tử-giám, lại chuẩn trích 2.000 đồng bạc để mua thêm sách và báo chí.

Đường hàng không ở Viễn đông.— Khoảng giữa năm 1929, đường hàng-không Viễn-đông mới đi được từ Pháp tới Syrie; cuối năm ấy đi được tới Damas và Bagad; đầu năm 1931 thì đi thông được tới Sài-gòn. Công-ti Air-Orient đương trừ-liệu để nối liền đường ấy sang tới Hương-cảng hoặc Quảng-đông.

Tờ dụ về việc mở kỳ thi tuyển-thủ quan-lại ở Trung Bắc-kỳ

Dụ về việc cải-cách sự tuyển-thủ ngạch quan-lại ở Trung Bắc-kỳ; định chương-trình kỳ thi như sau này :

Điều 1.— Từ nay mỗi năm sẽ có tờ Chỉ định ngày mở kỳ thi đồng-thời ở Hà-nội và ở Huế để tuyển-thủ người bổ vào ngạch các quan phủ, huyện ở Bắc-kỳ và ngạch các viên-chức bậc trung trong Chính-phủ Nam-triều ở trung-kỳ.

Điều 2.— Mỗi năm, mỗi xứ định tuyển-thủ bao nhiêu người, là tùy với số thiếu ở mỗi ngạch trong hai xứ, riêng hẳn nhau. Trong tờ Chỉ ấn-định mở kỳ thi mỗi năm sẽ định số ấy.

Điều 3.— Danh-sách các thí-sinh được phép ứng-thí phải làm xong 15 ngày trước hôm thi, tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ cho các thí-sinh ứng-thí ở Hà-nội, tại bộ Lại cho các thí-sinh ứng-thí ở Huế.

Điều 4.— Các đơn xin của các thí-sinh ứng-thí ở Hà-nội thì nộp tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ; của các thí-sinh ứng-thí ở Huế thì nộp tại bộ Lại. Đơn ấy phải đính theo các giấy-má văn-bằng của thí-sinh.

Điều 5.— Chỉ những thí-sinh nào tinh đến năm 55 tuổi được đủ lệ về hưu thì mới được ứng-thí.

Điều 6.— Những người nào không có các văn-bằng bắt-buộc như trong tờ Dụ này, hay là không hợp mọi thể-lệ về quốc-tịch, về hạn tuổi, về hạnh-kiểm, về sức khỏe, theo trong thể-lệ quan-trưởng; hay là trước đã can-án về hình-luật, về tội không theo kỷ-luật, đều không được liệt vào danh-sách những người ứng-thí.

Những người nào dùng cách gian-trá để được liệt tên vào danh-sách các thí-sinh, phạm vào mọi thể-lệ nói trong điều này, sẽ bị chiếu luật trị tội.

Điều 7.— Suốt trong kỳ thi, các thí-sinh phải mỗi người mang một cái giấy căn-cứơc theo như thể-lệ, khi khám hỏi thì phải đưa ra trình, nhất là khi xướng danh vào những kỳ thi; nếu không có, sẽ không được phép ứng-thí.

Điều 8.— Những người có các văn-bằng sau này, được xin ứng-thí :

1° Văn-bằng về bậc cao-học Pháp hay Đông-dương (Diplôme de l'Enseignement supérieur Français ou Indo-chinois);

2° Văn-bằng về bậc Trung-học hay Cao-dẳng tiền-học (Diplôme de l'Enseignement secondaire ou de l'Enseignement primaire supérieur) từ ra là đã được 4 năm ;

3° Các viên-chức tông-sự các công sở thuộc ngạch chung của xứ Đông-dương hay ngạch riêng của các xứ, đã được bốn năm và các viên-chức ngạch dưới thuộc chính-phủ Nam-triều và đã được «nốt» tới.

Các thí-sinh có các văn-bằng về bậc Cao-học (Docteurs, Agrégés, licenciés) thì không kỳ thi viết được thêm ba điểm ngoài nữa.

Điều 9.— Danh-sách các thí-sinh ở Bắc-kỳ do quan Thống-sứ Bắc-kỳ chuyển giao cho quan chánh-chủ-khảo.

ở Trung-kỳ do quan Lại-bộ Thượng-thư chuyển giao cho quan chánh-chủ-khảo. Lại có một bản sao các danh-sách có đính theo cả giấy khai-sinh của mỗi thí-sinh, ở Bắc-kỳ thì gửi cho ông chánh-hội-đồng kiểm-sát ở Hà-nội, ở Trung-kỳ thì gửi cho ông chánh-hội-đồng kiểm-sát ở Huế.

Điều 10. — Hội-đồng điểm-duyệt và các hội-đồng kiểm-sát các kỳ thi viết ở Huế và Hà-nội sẽ do quan Toàn-quyền Đồng-dương cử.

Hội-đồng điểm-duyệt sẽ do một vị thượng-quan người Pháp đại-biểu quan Toàn-quyền làm chánh-chủ-khảo và hai vị phó-chủ-khảo đại-biểu cho Chính-phủ Nam-triều, và gồm có hai vị khảo-quan người Pháp và hai vị khảo-quan người Nam chọn trong các bậc tài giỏi trong nước, có tiếng là người có học-thức, có danh-vọng.

Hội-đồng kiểm-sát thì tùy theo số thí-sinh nhiều ít mà định liệu, để có thể giữ-gìn trong phòng thi được có trật-tự và ngăn-ngừa mọi sự gian-lậu.

Điều 11. — Các thí-sinh phải làm bài vào giấy của nhà-nước cấp cho, do ông chánh-hội-đồng kiểm-sát phát cho khi vào thi.

Mỗi thí-sinh phải để vào đầu trang giấy thứ nhất, chỗ để rọc phách, tên họ, chỗ ở, ngày sinh tháng đẻ và thi về bài gì.

Mỗi kỳ thi xong, ông chánh-hội-đồng kiểm-sát thu lấy các bài thi của thí-sinh, rồi đánh số riêng, không cho thí-sinh biết, vào chỗ rọc phách một nửa vào mảnh phách, một nửa vào tờ giấy thi.

Đoạn, ông chánh-hội-đồng kiểm-sát rọc phách ra; các mảnh phách cho vào một cái phong-bì, đóng dấu cẩn-thận gửi cho quan chánh-hội-đồng điểm-duyệt.

Còn các bài thi đã rọc phách rồi ông chánh-hội-đồng kiểm-sát cũng cho vào

phong-bì dán cẩn-thận, để cho quan chánh-hội-đồng điểm-duyệt.

Điều 12. — Ông chánh-hội-đồng kiểm-sát khi thu các bài thi của các thí-sinh phải xét xem hoặc có ký tên hay có đánh dấu hiệu gì để có thể biết là của ai được chẳng. Nếu thấy như thế, thì phải họp ban Hội-đồng kiểm-sát lại để xét. Nếu Hội-đồng xét ra là có ý gian-lậu, thì lập biên-bản, trục-xuất thí-sinh ấy không cho dự-thi nữa. Biên-bản ấy phải lập tức đệ trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ hay bộ Lại tùy khi thí-sinh đó thi ở Bắc-kỳ hay Trung-kỳ, và báo cho quan chánh-hội-đồng điểm-duyệt biết rằng thí-sinh ấy đã bị xóa tên trong sổ ứng thi.

Điều 13. — Các bài thi viết sẽ do các khảo-quan lần lượt điểm-duyệt riêng từng dấu một. Khi điểm-duyệt xong, Hội-đồng sẽ họp để định « nổi » của các thí-sinh được trúng-tuyển vào kỳ vấn-đáp.

Điều 14. — Kỳ thi vấn-đáp, các thí-sinh phải ứng thi trước Hội-đồng các quan điểm-duyệt và công-khai. Khi ấy, Hội-đồng điểm-duyệt sẽ tới Hội-văn tới Hà-nội để sát-hạch.

Điều 15. — Sau kỳ vấn-đáp, Hội-đồng điểm-duyệt lập ngay danh-sách các thí-sinh được trúng-tuyển.

Về việc ấy, sau khi mở các phong-bì gắn kỹ đựng các mảnh phách để tên của các thí-sinh, thì lập một cái bảng để liệt kê các điểm số của các thí-sinh. Bảng ấy chia ra làm sáu cột: Cột thứ nhất để danh-sách các thí-sinh trúng-tuyển vào kỳ vấn-đáp. Cột thứ hai, đối với chỗ tên ra, biên điểm-số của mỗi thí-sinh đã được trong vấn-đáp và đã nhân với số nhân; cột thứ ba, biên điểm số của kỳ thi viết thứ nhất; cột thứ tư biên điểm-số của kỳ thi viết thứ hai; cột thứ năm biên điểm-số của kỳ thi viết thứ ba; cột thứ sáu biên tổng cộng điểm-số của cả bốn kỳ.

Bảng ấy, do quan chánh chủ-khảo và tất cả các khảo-quan nhận-thực là đúng.

Các người trúng-cử sẽ chiếu theo thứ-tự từ người được điểm-số nhiều nhất mà đi, cho tới khi đủ số người đã định lấy.

Những người trúng-cử đều được cấp mỗi người một đạo bằng của nhà vua.

Việc bổ-dụng sẽ tùy chỗ khuyết và cứ theo thứ-tự ở bảng nói trên đó mà bổ.

Sau này sẽ có thể-lệ ấn-định cái lễ-diễn về các người trúng-cử mới ấy.

Điều 16.— Về cái thời-hạn và thể-lệ của các người trúng-cử mới ấy phải tập-sự trước khi được thực-thụ, sẽ do các thể-lệ riêng do quan Thống-sứ Bắc-kỳ định cho các nhân-viên ở Bắc-kỳ và do quan Lại-bộ Thượng-thư định cho các nhân-viên ở Trung-kỳ.

Điều 17.— Các bài thi cả thầy gồm có bốn kỳ, là ba kỳ thi viết và một kỳ thi vấn-đáp. Các đầu bài thi sẽ do quan chánh-chủ-khảo ra, cho vào trong phong-bì dán kín.

Các kỳ thi viết có:

Kỳ đệ-nhất: Một bài nói về lịch-sử văn-minh bên Viễn-dông: Hạn trong 5 giờ.

Kỳ đệ-nhị: Một bài nói về lịch-sử văn-minh Tây-phương: Hạn trong 5 giờ.

Kỳ đệ-tam: Một bài bàn về việc chính-trị ở Đông-dương: Hạn trong 5 giờ.

Điều 18.— Kỳ vấn-đáp phải diễn-thuyết một bài bằng tiếng Nam, trong 45 phút đồng-hồ, về một đầu đề sẽ rút thăm lấy trong chương-trình kỳ đệ-tam về thi viết, chứ khảo-quan không phải hỏi từng câu.

Khi thi-sinh đã rút thăm được đầu đề đề diễn rồi, thì được hạn trong ba giờ đồng-hồ để soạn bài diễn. Khi ấy

thi-sinh vào phòng riêng, có các khảo-quan trông coi, cấm không được thông với người ngoài. Thi-sinh được phép mượn các sách để kê-cứu về bài diễn.

Điều 19.— Điểm-số kỳ thi viết và kỳ thi vấn-đáp lấy từ 0 tới 10. Ai phải bài nào 0, thì bị loại.

Điểm-số phê theo như cách-thức sau này:

10 điểm: Composition distinguée, originale, personnelle, impeccable quant au fond et à la forme.

9 điểm: Très bien, fond solide, forme très correcte

8 điểm: Presque très bien, fond excellent, forme laissant légèrement à désirer.

7 điểm: Bien, fond et forme simplement corrects.

6 điểm: Assez bien, fond correct mais faiblesses dans la forme; ou faiblesse dans le fond mais forme excellente.

5 điểm: Assez bien; faiblesse dans le fond et dans la forme.

4 điểm: Passable; erreurs dans le fond, maladresses dans la forme.

3 điểm: Médiocre; erreurs et fautes grossières de fond ou de style.

2, 1, 0 điểm: Mauvais et très mauvais; nul.

Điều 20.— Các thi-sinh nào kỳ thi viết tổng-cộng không được đủ 20 điểm, thì không được vào kỳ vấn-đáp.

Điều 21.— Kỳ vấn-đáp, điểm-số sẽ được nhân 3. Hội-đồng sát-hạch kỳ này, phải xét ở cái giá-trị vừa về thể, vừa về lượng cái bài của thi-sinh đem diễn, lại, vừa phải xét về cái bộ điệu, cái khẩu-khi, cái cách ngôn-ngữ cử-chỉ của thi-sinh đã tỏ ra trước Hội-đồng, mà phê điểm-số.

Mỗi khảo-quan cho một điểm-số riêng, rồi chia lấy số trung-bình.

Điều 22.— Chương-trình thi do ở các môn định sau này:

KỶ ĐỆ-NHẤT

Dissertation sur un sujet tiré de
l'Histoire des civilisations
Extrême-Orientales

INDE

Antiquité

L'Inde antique : védisme, brahmanisme, bouddhisme. La conquête d'Alexandre et ses résultats : l'empire Maurya (Açoka), les Indo grecs, les indo-scythes (Kanishka).

Evolution du bouddhisme et son expansion en Asie centrale et en Chine.

Contacts de la civilisation indienne avec l'Indochine (Fouan, Champa, Formation de l'Empire Khmer).

Moyen-âge

L'Empire-Gupta.

Les royaumes du Sud. Renaissance hindouiste.

Expansion de la civilisation indienne en Indochine et en Insulinde : Cambodge et Champa. Descente des Thai. Ruine de l'Empire Khmer et formation du royaume de Siam.

Temps Modernes

La conquête musulmane. L'empire mongole.

Les Européens dans l'Inde.

L'Inde française : Dupleix.

L'Inde britannique.

Epoque contemporaine

Le nationalisme hindou : Gandhi.

CHINE

Antiquité

La Chine antique : les Yin et les Tcheou, les hégémonies, Confucius, Lao-Tseu.

Fondation de l'Empire : Ts'in Che Houang Ti. Les Han.

Contacts de la Chine avec l'occident : la route de la soie. Introduction du bouddhisme, Contacts de la Chine et de l'Indochine ; les premières conquêtes du Tonkin par les Chinois. La réaction nationale annamite : les premières dynasties.

Moyen-âge

La Chine bouddhique et impérialiste : les Tang.

Expansion de la civilisation chinoise en Annam.

Renaissance confucéenne : les Song.

Gengis khan et la dynastie mongole.

La lutte entre l'Annam et le Champa. Absorption du Champa.

Relation de l'Annam avec la Chine.

Temps Modernes

Restauration chinoise : Les Ming.

La conquête mandchoue ; les grands empereurs K'ang hi, Yong-tcheng, Kien-long.

Les Européens en Chine et en Indochine. Introduction du christianisme.

1.—Epoque contemporaine

La révolution : La République. Kouo Min Tang. L'intervention européenne en Annam et la dynastie des Nguyen.

La politique française en Indochine et en Extrême-Orient.

KỶ ĐỆ-NHỊ

Dissertation sur un sujet tiré de
l'Histoire de la civilisation
occidentale

a) Les civilisations de l'Asie antérieure (Assyrie, Chaldée, Perse, Lydie, Phénicie et Judée) ;

b) Les civilisations méditerranéennes ; (Egypte, Grèce et Rome) ;

c) Le monde romain ; la cité antique ; l'esclavage ;

d) Le christianisme : doctrine et propagation ; la révolution chrétienne ;

2.—Le Moyen-âge

a) L'Empire romain et les Barbares ; la lutte entre le droit et la coutume ; le servage ; la féodalité ;

b) L'islamisme : doctrine et propagation ; défense de l'Europe contre l'Islam ; les Croisades et leurs conséquences sociales ;

c) La Papauté et la naissance des Etats européens ; rivalité du spirituel et du temporel ;

d) la civilisation européenne au Moyen

âge ; les ordres religieux, sciences, lettres, arts ; la chrétienté ;

3 — Les temps modernes

a) les grandes découvertes maritimes et les grandes empires coloniaux ; fin de l'isolement européen ;

b) constitution des Grands Etats européens, renaissance et réforme : fin de l'unité européenne ;

c) les monarchies absolues en Europe ; état politique et social ; sciences, lettres et arts ; la prépondérance française aux 17 et 18^e siècles ;

d) la révolution de 1789 en France, en Europe et dans le monde ; ses causes et ses conséquences ;

4. — Les temps contemporains

a) Les nationalismes européens ; les Révolutions de 1830 et 1848 en France, en Europe et dans le monde ; l'Unité allemande et l'Unité italienne ; l'équilibre européen ;

b) l'expansion coloniale européenne aux 19 et 20^e siècles : l'Empire anglais, l'Empire français et l'Empire russe ;

c) la question sociale : apparition du machinisme au 19^e siècle et ses conséquences ; capitalisme et prolétariat.

Libéralisme économique et socialisme. Le marxisme : la Révolution soviétique, ses conséquences mondiales et ses répercussions en Extrême-Orient. L'américanisme.

d) Sciences, lettres et arts, aux 19 et 20^e siècles en Europe et dans les pays de civilisation occidentale.

Le mouvement philosophique et religieux aux 19 et 20^e siècles

e) La Société des nations, sécurité ; arbitrage ; désarmement.

KỶ ĐỆ-TAM

Dissertation sur un sujet ayant trait à l'organisation politique, administrative et financière de l'Indochine française et du royaume d'Annam

1. Institutions politiques et administratives françaises en Indochine.

Création de l'Union Indochinoise.

Le Gouvernement Général, les Administrations locales ; les provinces.

Ses services publics indochinois.

Les conseils.

L'idée fédérale et constitution d'un Etat fédéral indochinois.

2. Le Royaume d'Annam — Régime du Protectorat. Etude des textes diplomatiques ayant créé le Protectorat français. Le Roi, les Ministères, l'Administration des provinces. La commune annamite : origine, évolution, état actuel. Le droit annamite et son évolution.

3. — Organisation financière de l'Indochine. Les budgets.

Système fiscal ; système douanier.

4. — Economie indochinoise : Banques, monnaie ; protection douanière. L'agriculture, l'industrie. Régime de la propriété privée.

5. — Questions sociales indochinoises. La santé publique.

L'enseignement : formation de l'élite. Les libertés publiques. Législation du travail. Le sort matériel de la masse ouvrière et paysanne. Surpopulation et paupérisme. Les remèdes possibles.

Điều 23. — Bộ Lợi tuân Dụ này thi hành ở xứ Trung-kỳ.

Còn về Bắc-kỳ thì do quan Thống-sứ Bắc-kỳ thay chức Kinh-lược, chiếu Dụ thi-hành ở xứ Bắc-kỳ.

Khâm-thủ !

(Nguyên-văn chữ Pháp nhà báo Trung-Bắc Tân-văn dịch)

Thái-độ hạng trí-thức Trung-kỳ đối với viện Dân-biểu

Theo ý tôi «hạng trí-thức» là những người chuyên làm việc bằng khối óc, hoặc chỉ biết Hán-văn, hoặc chỉ biết Pháp-văn, hoặc chỉ biết quốc-văn, hoặc kiêm-thông Hán, Pháp, Việt-văn, đã rõ-ràng có một cái nhàn-cách về tinh-thần hằng ngày đem trí khôn mà quan-sát nhân-vật, sự-vật và suy-trắc hoàn-cảnh.

Nay ta xét cái thái-độ của toàn-thể giai-cấp ấy đối với Dân-biểu-viện, ta thấy rõ rằng thái-độ ấy không thuần-nhất, nghĩa là giai-cấp ấy chia ra nhiều bộ-phận, mỗi bộ-phận có một thái độ riêng.

Tôi xin kể các bộ-phận và thái-độ mỗi bộ-phận như sau này :

I. Bọn tiểu-mạ. — Bọn này tuy biết phân-biệt phải trái, dở hay, nhưng cái gì hay, cái gì phải, họ cố ý «lờ lút» đi mà chỉ chăm-chăm nêu cái xấu, cái dở ra để mắng nhiếc cho sướng miệng. Họ tuyệt-nhiên không có tâm muốn sửa lỗi của ai, muốn sửa-sang cái gì bao giờ.

Hễ có cơ-hội, là họ dùng lời nói, câu văn mà mắng mắng cá-nhân họ, đoàn-thể kia, chủ-nghĩa này, chế-độ khác.

Tôn-chỉ của bọn tiểu-mạ là : « Vì một con sâu, ta cố quấy rầy nổi canh ! » Vì họ có khối óc đặc-biệt như thế, cho nên đối với viện Dân-biểu, họ chỉ cốt kiếm cách, kiếm cơ-hội, nhân một người làm bậy mà trách cả đoàn thợ, nhân một việc làm «hớ» mà cho là mọi việc đều hỏng, nhân một bản thỉnh-cầu vô-hiệu mà cho rằng điều thỉnh-cầu nào cũng nhằm-nhì.

II. Bọn lãnh-đạm. — Bọn này cho rằng trong xã-hội mỗi người nhận một việc, ai biết phận nấy, phạm pháp thì bị trừng-phạt, không phạm pháp là yên thân.

Ất làm giáo-học, Giáp làm dân-biểu, hai bên tuyệt-nhiên không dính-dáng với nhau, cũng giống như con trai của Ất chết thổ tả mà con gái của Giáp lại đi lấy chồng ! Vì hạng này « hết sức hòa-bình », cho nên ông nghị-viên này hay, ông nghị kia dở, năm nay xin giảm thuế muối, năm ngoài xin lập-hiến, việc nào cũng giống việc nào, họ chẳng thiết để tai đến ! Hỡi trong tỉnh họ mấy dân-biểu, cả xứ Trung-kỳ mấy nghị-viên họ cho câu hỏi ấy điên lảm.

III. Bọn hoài-nghĩ. — Không biết Thượng-đế vật chất óc họ bằng cái chi chi mà họ chỉ biết có hoài-nghĩ, hoài-nghĩ mãi, hoài-nghĩ hết thấy. Họ hoài-nghĩ cái chân-lâm khai-hóa của Chính-phủ Bảo-hộ, hoài-nghĩ cái chân-tâm ái-quốc của nghị-viên, họ hoài-nghĩ cái tinh-chất đại-nghị của nghị-viên, họ hoài-nghĩ cái thiên-chức hướng-đạo của kẻ trí-thức, họ hoài-nghĩ luôn cả cuộc tiến-hóa của loài người. Họ tự-phụ là môn-đồ của học-phái DESCARTES (*l'école cartésienne*), nhưng DESCARTES không hoài-nghĩ sự tồn-tại của tiên-sinh, mà họ thì muốn như hoài-nghĩ hết.

Vì họ hoài-nghĩ sự sống-còn của bản-thân, nên chỉ đối với họ không có Dân-biểu-viện, đối với dân-biểu-viện không có họ.

Biểu-hiệu-ngữ của bọn hoài-nghĩ là : « Ta tư-tưởng thật, vậy thật là không có ta ! » (*Je pense, donc je ne suis pas !*)

IV. Bọn thất vọng. — Khi mới dời viện Tư-vấn ra viện Dân-biểu, họ hăm-hở về việc dân, việc nước, về sau cứ mỗi năm lại đem cho họ một mối thất-vọng mới, cho đến ngày nay họ thất-vọng hăm rồi. Họ coi bài diễn-văn khai-mạc cũng vô-vị như bài diễn-văn bế mạc, họ coi tờ biên-bản hội-đồng thường-niên cũng chán ngắt như văn kinh Dịch đối với nhà khoa-học.

Họ «mất vía» đến nỗi họ không dám ước mong điều gì cho Dân-biểu-viện, mong-mỏi việc gì ở Dân-biểu-viện.

Tôn-chỉ họ là «Muốn khỏi thất-vọng thì đừng hy-vọng nữa !»

V. Bọn chực-sẵn. — Họ cho rằng quyền-hạn của viện còn hẹp-hòi, người đi bầu phiếu còn ít, thế-lực viện chưa có. Vào làm việc trong viện bây giờ là đại, vừa bị Chính-phủ khinh-thường, vừa bị quốc-dân công-kịch. Khi nào có một cái viện «hoàn-toàn», khi ấy làm nghị-viên vừa dễ làm việc dân, việc nước, vừa dễ giữ trọn thanh-danh. Đối

với viện hiện-tại họ cứ một mực lắc đầu, ăm-ừ và chối bải... Khi nào bàn dọn sẵn, cao-lương mỹ-vị ngào-ngạt ngồn-ngang, khi ấy sẽ vào bàn dự tiệc!

Tôn-chỉ họ là «không sống bằng chết».

VI. *Bọn thích-thời*. — Hoặc họ có vận-dộng mà thất bại rồi đổi phương-châm, hoặc họ bản-tính ôn-hòa. Họ tin rằng phải hết sức lợi-dụng hoàn-cảnh mà làm việc công, phải làm sao thích-hợp thời-đại mà mưu dân đại-cuộc, mỗi ngày làm nên một điều ích nhỏ còn hơn là quanh năm chẳng được điều gì to.

Họ hết sức biện-bạch mọi lẽ cho dân chúng hiểu cái địa-vị khó-khăn của Dân-viện và cho sự trách-bị đúng mực công-bình, cho ai nấy đừng đem lỗi của một chế-độ mà đổ trút cả vào lưng vào đầu mấy chục người vô-quyền. Họ vui lòng vào Dân-viện mà thí-nghiệm sự hợp-tác với Bảo-hộ, nhưng vì họ trung-trực, quả-quyết và ít tuổi, nên chỉ quốc-dân không tin-nhiệm; nếu họ ra ứng-cử cũng ít phần trúng-cử. Họ thường bị những bọn trên kia công-kích, mắng nhiếc là «hoạt đầu», lẫn thế nào cũng được. Khổ-tâm của họ ở chỗ đó. Tôn-chỉ họ là «ít còn hơn không!»

Ngoài sáu bộ-phận ấy của hạng trí-thức Trung-kỳ, còn có số rất ít người «hỗ-đồ», không thể liệt vào bộ-phận nào, vì khi họ thế này, khi họ thế khác. Dù sao đặc-tính của bọn hỗ-đồ này cũng nhất-thiết là «vô-vị».

Cuộc tiến-hóa trong một nước phải trông vào hạng trí-thức; thái-độ hạng trí-thức Trung-kỳ đối với chính-trị Trung-kỳ như thế, có cần phải nói nhiều không...?

BÁI-XƯƠNG-NGŨN
(*Thực-nghiệp Dân-báo*)

Giới-thiệu sách và báo mới

1.— Nam-ngữ chính-tả tự-vị (Dictionnaire d'orthographe d'usage de la

langue annamite) của ông Yên-dăng NGUYỄN DUYÊN-NIÊN soạn, tập thứ I về văn Ch. Khổ sách 22×15 phần tây, 106 trang giá 4 hào.

2.— Pháp-Việt giáo-khoa-thư của ông giáo ĐẶNG ĐÌNH-HƯỜNG soạn. Sách có hơn 60 bài tập-đọc, mỗi bài có mười câu bằng chữ Pháp, mỗi câu có dịch ra quốc-ngữ, để cho học-trò lớp tư và lớp năm dùng. Khổ sách 21×15 phần tây, hơn 60 trang, giá 2 hào, bán tại nhà người làm sách số nhà 50 A. phố Trúc-Lạc Hà-nội, và ở các hiệu sách khắp Trung-kỳ Bắc-kỳ và Nam-kỳ.

3.— Tu là cõi phúc (Tu-thân-học thực-nghiệm yếu-lý) cũng của ông ĐẶNG ĐÌNH-HƯỜNG soạn, sách có 8 trang nhỏ, giá 0 \$ 02.

Báo Phụ-nữ Tân-văn lại được lưu-hành tại Bắc kỳ. — Báo Phụ-nữ Tân-văn bị cấm không được lưu-hành ở Bắc-kỳ đã gần hai năm nay, ngày 10 Juillet này nghị-định quan Thống sứ Bắc-kỳ lại cho lưu-hành ở Bắc-kỳ như cũ. Đến 15 Août này báo ấy đã gửi ra tới Bắc-kỳ, vậy giới-thiệu cùng các độc-giả.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kính Ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền-cước ngoài).

Mời xuất-bản :

Tuồng Lối-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1.— Văn-minh-luận 4 hào.

2.— Ba tháng ở Paris 4 hào.

3.— Văn-học nước Pháp : 4 hào.

4.— L'idéal du Sage 4 hào.

5.— Chính-trị nước Pháp,

Quyển thứ I 4 hào.

Quyển thứ II 5 hào.

6.— Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.

7.— Lịch-sử thế-giới 4 hào.

8.— Le Paysan Tonkinois 4 hào.

9.— Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.

10.— Phật-giáo đại-quan.

(In lan thứ hai). 5 hào.

11.— La Poésie annamite. 4 hào.

12.— Tục-ngữ ca-đạo. 4 hào.

QUỐC-NGŨ ĐÌNH-NGOA (1)

VII

Lân	Lân-bàng, lân-hương, lân-quốc, trò chuyện lân-la, con kỳ-lân.	Phân	Phân chia, phân-phát, phân-cấp, phân-ly, hôn phân, phân-vân.
Lần	Lần-lừa, lần-cán, một lần, lần ngón tay, chín lần (tức cửu trùng, (là nơi vua ở).	Phần	Chia phần, phần mộ, phần hương (đốt hương), phần-hương (quê quán).
Lấn	Lấn lút, xâm lấn.	Phấn	Son phấn, phấn-sức, phấn-chấn, phấn-khi.
Lận	Lận-sắc, lận sến, lận-dân (cách số phận lao đao.	Phận	Chức-phận, trách phận, bản-phận, số phận.
Lấn	Lấn lộn, lẩn-quẩn.	Phần	Phần-uất (ôm lòng tức giận).
Mần	Mần việc (tiếng nhà quê gọi tiếng « làm việc »).	Quân	Quân-vương, quân-chủ, quân-quyền, quân-lính, quân-binh (công-binh), quân cấp điền-thò.
Mẩn	Cái mẩn (tả cái váy đàn bà bận).	Quấn	Quấn-quít.
Mận	Nổi mận lên.	Quận	Châu quận, ông quận-trưởng.
Mẫn	Mẫn-tiếp, mẫn-cán, minh-mẫn, linh-mẫn.	Quẩn	Quẩn-quít, quẩn-bức.
Nân	Béo nân, nân nải, nân không dễ con.	Rân	Tiếng đồn rân, giọng cười rân, mặt mọc rân rân.
Nâng	Nâng-niu, nâng lên cho cao.	Rần	Huyết chạy rần rần.
Nấn	Nấn-ná, uốn-nấn, thấy ai mềm thì nấn.	Rận	Con rận (ở nơi ẩm).
Nận	Có khức, có nện.	Sân	Cái sân, ăn nói sân si.
Ngân	Ngân-nga, kim-ngân, nhà ngân-hàng.	Sần	Sần mặt, sần sượng, quả bị sần.
Ngần	Ngần-ngại, chần-ngần, vô-ngần (không chừng).	Sấn	Sấn vào, chữ này sấn với chữ kia.
Ngấn	Cắt ra từng ngấn.	Tân	Tân-cự, tân-khách, tân-chủ, tân-bảng, tân-khò, tân-loan, tân-nhai (bờ bến).
Ngần	Ngần-ngờ, ngần-hồn.	Tần	Tần sắc, tần-phiên, Tần Tần (2 nước thông-gia).
Nhân	Nhân-tử, nhân-đức, nhân-dân, nhân-mạng, nhân-quần, nhân-duyên, nhân-quả, tạo-nhận, nhân dịp.	Tăng	Tăng trải, cái lâu ba tầng.
Nhần	Cần-nhần (cách không biết thẹn).	Tấn	Tra tấn, vấn tấn (tra hỏi), tấn-khẩu (cửa bệ).
Nhấn	Nhấn dây đàn.	Tận	Kiệt tận, khánh tận, đi tận nơi.
Nhận	Tiếp nhận, công-nhận, nhận lỗi mình.	Tấn	Tấn mẩu (cái vụn dụn).
Nhấn	Nhấn-tâm, ấn-nhấn, nhấn-nại, cái nhấn đeo tay.	Thân	Thân-thể, thân-phụ, thân-sơ, thân-thuộc, thân-mật, thân oan (vết oan cho người nào).

(1) Xem Nam-Phong từ số 180.

Thần	Tinh thần, quán thần, thần thánh, thần bí, thần diệu, thần minh.	Trận	Chiến-trận, thắng-trận, một trận mưa.
Thận	Cẩn-thận, trái thận (là trái cật).	Trần	Trần minh đi (không ra mặt).
Thần	Thor-thần, thần-thor, lãn-thần.	Vân	Vân vũ (mây mưa), vân vi (nần-nĩ), phân-vân, vân-vân....
Trần	Trần lười, trần lì, trần-quí, trần-trọng, trần-cam, trần-châu, trần tàng (thu cất một cách qui trọng lắm), cái dây trần (chạy ngoài vành tròn).	Vâng	Vâng lời (tức vưng lời).
Trần	Trần truồng, trần-hủ (lâu ngày bị mục đi), trần độc (bụi dơ), Châu Trần (hai họ thông-gia), trần-thế (quãng đời gio bụi), vị trần-bì.	Văn	Cây văn, bài thơ có văn, họa văn.
Trần	Trần-áp, trần-vũ.	Vấn	Học-vấn, vấn-đề, chất-vấn, vấn-vương, vấn-vi.
		Vạn	Vạn-mệnh, số-vạn, âm-vạn, chuyển-vạn.
		Vấn	Vợ-vấn, vấn-vít, vấn là...

VIII. — En. Eng.

70°		Keng	Tiếng chuông đánh leng-keng
En	Con chim én.	Kèn	Trống kèn.
Ben	Ben lọ, mặt lang ben.	Kén	Kén chọn, gái kén chồng, cái kén (của con tằm).
Bén	Bén hơi, bén màu, bén duyên.	Khen	Khen lao, khen ngợi.
Bến	Bến-lến (dáng thẹn hồ).	Khén	Lúc phơi khén.
Chen	Chen chúc, chen vai, chen vào chỗ đông người.	Len	Len-lỏi, len lúc, dẹt len (tiếng tây).
Chén	Ve chén, một chén rượu.	Lèn	Hòn lèn đá, một dầy lèn.
Chẹn	Chẹn lúa.	Lén	Rình lén, lén lúc.
Chèn	Cái áo chèn (áo chặt tay).	Lễn	Lễn vào, lỏn lễn, bển-lễn.
Đen	Đen đỏ, thời-vận đen.	Men	Máu men, mon-men, mẩn-men, hơi men (hơi rượu).
Đèn	Đèn đuốc.	Mèn	Cái mèn (trên mái nhà).
Đẹn	Chứng bệnh đẹn (của trẻ con vừa trong tháng).	Mén	Tấm mén, con rận mén.
Đèn	Con đèn (loài rắn ở dưới nước).	Mễn	(cũng như tiếng «nữ») không ăn mễn (tiếng riêng tỉnh Quảng-trị).
Ghen	Ghen-gét, ghen bà có tính hay ghen.	Nén	Đè nén, một nén bạc, một nén hương.
Ghèn	Ghèn con mắt.	Nghèn	Hòn núi Nghèn (Nghien-sơn ở Hà-tĩnh).
Hen	Hồ hen.		
Hèn	Hèn hạ, hèn mặt, hèn chí mà...		
Hẹn	Hẹn hò, hẹn với nhau.		

Nghén	Nghén chữa.	Đền	Đền-đài, đền ơn, đền bồi.
Nhen	Nhỏ nhen, nhen lửa cho đỏ lên.	Đến	Đi đến nơi.
Nhén	Nhón-nhén (cách đi nhẹ-nhẹ).	Ghềnh	Gập-ghềnh.
Phen	Một vài phen.	Hեն	Con hեն (loài sò ốc).
Phèn	Đường phèn, phèn chua.	Hềnh	Nói hềnh hăng, hềnh mặt lên.
Phèng	Tiếng đồng la kêu phèng-phèng.	Kեն	Chim kեն kեն.
Quen	Quen biết, quen thuộc.	Kénh	Cái kénh đào.
Rեն	Thợ rեն, tập rեն.	Kềnh	Kềnh cang (cách to lớn giở giang).
Rén	Rón-rén.	Kệnh	Kệnh cang (không liên-hiệp nhau).
Sen	Hoa sen.	Kềnh	Kềnh-cang (không khít nhau).
Sեն	Bón-sեն, lặn sեն.	Khեն	Cắt ra từng khեն.
Then	Then chốt, then máy.	Lեն	Lên xuống.
Thẹn	Thẹn hồ.	Lện	Sợ lện.
Trեն	Trơ-trեն.	Lềnh	Lềnh-lẳng (không chăm chú), lềnh-loảng (như nước đổ lá sen).
Ven	Von ven, một ven bờ.	Mենh	Mենh-móng, mենh-mang.
Vén	Vùn vén, dọn vén, vén áo lên.	Mեն	Cái mեն (tức cái chắp).
Vẹn	Trộn vẹn, toàn vẹn, vẹn tuyền.	Mեն	Yêu mեն, triu mեն.
Vền	Vền-vang.	Mệnh	Vạn-mệnh (tức vạn-mang).
Xen	Xen vào, xen lộn, xen lẫn.	Nեն	Nեն việc, nեն nỗi, cớ nեն chi...
Xén	Cắt xén, xén hót.	Nեն	Nեն nhà, nեն văn-hóa.
71°		Nեն	Cây nեն (tức cây bạch-lạp).
Ệng	Ệng ạng (tiếng to lớn).	Nện	Nện xuống cho chặt.
Ềnh	Chềnh-ềnh (cách to mập).	Nghենh	Nghենh-ngang.
Bեն	Bեն này, bեն kia.	Nghենh	Nghենh ngăng (không hiệp ý nhau).
Bénh	Bénh-vực.	Nhենh	Nhենh nháng.
Bեն	Bեն chặt, bեն chỉ.	Nhện	Con nhện (hay vắng tơ).
Bệnh	Bệnh-bồng.	Phեն	Tấm phեն.
Bến	Bờ bến, bến dò.	Phềnh	Pháp-phềnh, nời phềnh-phềnh.
Bện	Bện sợi dây.	Quեն	Quên rồi không nhớ được.
Bệnh	Tật-bệnh, bệnh hoạn.	Quենh	Quենh-quàng.
Chենh	Chենh lệch, chենh vênh, chենh chենh, chung-chենh.	Quենh	Quենh-quáng.
Chենh	Chենh chàng (cách sắp té ngã).	Rեն	Rեն-ri.
Chềnh	Chềnh-măng (không hòa-hợp).	Rềng	Rềng van.
Đենh	Lệnh-đենh.		

Rền	Tiếng nói rền, con mắt rền.	Trềnh	Trềnh-trềnh trăng-tràng (cách phỏ bày).
Sén	Con sên (loài sâu hay đeo cần người).	Trềng	Trềng (trăng) (cách bằng và trệt).
Sến	Cây gỗ sến.	Vénh	Vénh vang, vénh vào, vénh râu lên.
Tên	Tên họ, mũi tên bắn.	Vénh	Vénh-vàng (cách ấu nói không thiết sự tình).
Thénh	Rộng thénh, thénh.	Xénh	Xénh-xang.

IX. — In. Inh.

72*		Dính	Dính liền với nhau.
In	In sách, in nhau, in như hệt.	Dính	Dính-ngộ (người thông-thái sớm), thông-dính.
Inh	Thối inh.	Đinh	Dân-dinh, đinh-ninh (khẩn vó), cái đinh sắt, năm đinh-sửu.
inh	Màu inh	Đinh	Gia-dinh, đình chùa, linh-dinh, đình bãi, đình sức, đình-dồn (ngừng lại), cây đùng-dinh.
Bính	Bính lình, bính vực (tức bênh vực).	Đính	Chính-dính, đính-chính (sửa-sang lại), đính-ước, đính-nhật, đính vào một tờ giấy gì vào phía sau.
Bính	Bính yên, bính-thường, bính-nhật, bính-bồng (cách trôi nổi), cái bính nước.	Định	Định đoán, định hạn, nghị-dịnh, nhất-dịnh, quyết-dịnh.
Bín	Cái bín (là cái tóc gióc lại của người Tàu).	Đinh	Đinh núi, đinh chung (lương bổng nhà vua), đùng-dinh.
Bính	Tuổi bính-tí.	Gìn	Gìn-giữ.
Bịn	Bần-bịn, bịn-rịn, cây nhỏ bịn vào cây lớn.	Hính	Hính hương (thơm-tho).
Bính	Tật-bính (tức tật bệnh).	Hinh	Hinh phạt, bính-án, hinh-ngục.
Bính	Quyền-bính, bính-công.	Kinh	Kinh-đồ, kinh-dinh, kinh sợ, kinh-ngạc (sợ hãi), thần-kinh (cái kinh-lạc trong thần người), lục kinh (sáu thứ sách).
Chính	Chính thu (đánh thuế), chính-chiến, chính-phu (người đi đường).	Kín	Kín-đáo.
Chính	Con cá chính.	Kính	Mặt kính (tức mặt gương), kính-trọng, cung-kính.
Chín	Số chín, chín chắn, nấu chín, quả cam chín.	Kính	Kính trọng, kính biểu.
Chính	Chính-trị (tức chánh-trị), chính-kiến (ý-kiến thuộc về chính-trị), trung-chính, chính-dính, người tứ-chính (người bốn phương tụ lại).	Khính	Khính dề, kính thương, kính khoái, kính-trọng.
Chính	Chính-tề, chính-dồn, chính-hạ.	Khính	Khấp khính (cách đứng không vững).
Dính	Kính-dinh, dinh-nghiệp, dinh-mão, dinh-thự, hành-dinh (dinh các quan tướng đồn trú).		

Linh	Thần-linh, vong-linh, anh-linh, linh-dinh, linh-lợi.	Sinh	Sinh-lễ (lễ đi cưới) sinh-vật, sinh-tài, sinh-nghề.
Linh	Quân linh.	Tin	Tin dùng, tin cậy, tin nhau, tin tức.
Linh	Hiệu linh, chiếu linh, linh-lang (gọi con trai người), linh-ái (gọi con gái người).	Tinh	Tinh-tù, tinh-thần, tinh-nhuệ, tinh-thông, tinh-tế, tinh-anh, tinh-xảo, yếu-tinh, ngọc thủy-tinh.
Linh	Hàng linh (dùng may quần).	Tinh	Tinh dục, tinh nghĩa, ân tình, sự tình, sinh tình.
Mìn	(Nghĩa là ta, tiếng vua tự xưng với người).	Tin	Trung tín, tin dụng, tin người, âm tín, giai-tín.
Minh	Thông-minh, phân-minh, minh-bạch, minh-mẫn, minh-tinh (một đoạn lụa dài để thụy hiệu người chết, dùng lúc đưa đám) minh-phủ (là âm-phủ).	Tính	Đức tính, tính hạnh, tính chất, tính toán, tính toan.
Mìn	(Là một thứ thuốc bắn được).	Tịch	Thanh tịch.
Minh	Thần minh.	Tinh	Tu tình, tình sự (bớt việc) tình táo, tình-ly.
Mịn	Mịn màng.	Tinh	Tinh khiết.
Mìn	Mìn cười, cười mủn mìn.	Thin	Hồn thin.
Ninh	Khương-ninh (bằng yên) dinh-ninh (khăn vó) ninh-thổ (yên đất, an tàng).	Thinh	Lặng thinh.
Nín	Nín lặng, nín hơi, nín xuống sát đất.	Thin	Năm thin.
Ninh	Nê-ninh.	Thinh	Bất thinh-linh.
Ninh	Siêm ninh, ninh hót, ninh-nọt.	Thinh	Thâm thính, thính quan (lỗ tai), bột thính (để muối cá).
Nghinh	Nghinh-tiếp, hoan-nghinh.	Thịnh	Thịnh-vượng, thịnh suy, thịnh-tinh, thịnh-tâm.
Nhìn	Nhìn mặt, nhìn họ, con bù-nhìn.	Thỉnh	Trần thỉnh, thỉnh cầu, thỉnh thoả, thỉnh thỉnh.
Nhịn	Nhịn ăn, nhịn nhục, nhịn không nói.	Trinh	Trinh chính, trinh khiết, trinh thám.
Phinh	Phinh phờ.	Trinh	Trinh báo, cái trinh (đựng nước), trinh-dộ.
Rinh	Rinh nhắc, rung-rinh.	Trịnh	Trịnh-trọng (cách thủng thỉnh).
Rinh	Rinh mò, thổi rinh rinh, rùng-rinh.	Trin	Màu trin.
Rịn	Nước rịn ra, bịn-rịn.	Trinh	Đỉnh trinh (cách to trước ra).
Sinh	Sinh-sản, sinh sự, sinh-nhai, sinh-ly, sinh ca (kèn hát), quyền sinh (liều mình).	Vin	Vin với, vin vai.
Sinh	Trưởng sinh lên, chân đi sinh-sịch.	Vinh	Vinh-hoa, vinh-hạnh, vinh-hiền, vinh dự.
		Vin	Vin cảnh cây.
		Vịn	Vịn vai.

Vịnh	Ngâm vịnh, dề vịnh, cái vịnh bề (là chỗ bề cong vào trong đất).	Chiến	Chính chiến.
Vĩnh	Vĩnh viễn (lâu dài), vĩnh-quyết (tạ tuyệt).	Diên	Khiên diên, tri diên, diên dóc diên sậy.
Xin	Xin nài, kêu xin.	Diễn	Xóm diễn, láng diễn.
Xinh	Xinh tốt.	Diễn	Diễn thuyết, diễn kịch (làm trò), diễn đàn, diễn mạc.
Xinh	Xùng xinh (tiếng trống đánh).	Diên	Diên đảo, diên cuồng.
78°		Diên	Diên thổ, diên viên, diên thế.
Yên	Bình yên, yên ổn, yên tâm, cái yên khẩu (nơi con ngựa).	Điện	Điện-lín.
Yêng	Diêng yêng (cách con trẻ hay khóc).	Giếng	Tháng giếng.
Yềng	Con chim yềng (hay nói).	Giếng	Cái giếng (dề mức nước).
Biên	Biên chép, biên-bỉ, biên-cương, biên-lập, biên-cảnh, biên-thùy, biên-tái, hai đường biên, cái biên-lai.	Hiên	Ngoài hiên, hiên mai.
Biên	Võ biên, binh biên.	Hiên	Thánh hiên, hiên lành, hiên-triết, hiên-thê (tiếng tôn vợ).
Biển	Biển cổ, biển hóa, biển cái, biển hình, biển chừng, biển báo (báo cho khắp).	Hiên	Cống hiên, đại-hiến (quan lớn), thủ-hiến, lập-hiến, hiến-pháp.
Biếng	Nhạc biếng, lưới biếng.	Hiên	Hiên-thời, hiên-trạng, hiên-hiện, hiên hình ra.
Biện	Biện bác, biện bạch, biện biệt, chiết biện, biện lẽ.	Hiên	U hiên, hiên hiên, hiên dương (làm nên danh tiếng cho cha mẹ).
Biệng	Biệng cho một gậy.	Kiên	Kiên-cổ, kiên chấp, kiên trinh.
Biển	Biển hiệp, biển lận, cuống biển (dối trá), cái biển (tức cái bề), biển-ngạch (cái bức hoành treo ngang).	Kiêng	Kiêng nề, kiêng cũ.
Chiên	Chiên xào, con chiên (tức con cừu) con chiên (người có đạo).	Kiên	Kiên khôn, cây kiên kiên.
Chiêng	Chiêng trống, bỏ lã chiêng ra.	Kiên	Mục kiên, kiên văn, kiên thiết, một con kiên.
Chiến	Chùa chiến.	Kiêng	Một tấm mặt kiêng.
Chiềng	Đi chiềng chiềng bên núi.	Kiện	Kiện cáo, án kiện, trảng kiện.
Chiến	Chinh chiến, chiến tranh, chiến-trận, chiến-địa (chỗ đánh giặc), chiến-trường, bát-chiến (đánh nhau bằng ngòi bút).	Khiêng	Khiêng gánh.
Chiống	Dân từ chiống (tức từ trần).	Khiến	Sai khiến.
		Khiến	Khiến phạt, khiến trách, tiêu khiến, khu khiến.
		Khiểng	Dáng người liểng khiểng.
		Liên	Liên tiếp, liên hiệp, liên minh, liên lạc, trà liên-tử.
		Liền	Liền khít.
		Liễn	Liễn lão.

Liếng	Vốn liếng, lòng liếng, chiếc thuyền hay liếng.	Quyền	Quyển dự, quyển tuyến, giấy quyển, gia-quyển, bà con trong nhà, quí-quyển (gọi bà con người ta), tề-quyển (tự xưng bà con mình).
Liêng	Bay liêng quanh.	Quyệt	Lão kiệt (già yếu), bì kiệt (mỏi mệt).
Liễn	Đổi liễn.	Quyển	Một quyển sách, kèn quyển.
Liếng	Dáng người liếng kiếng.	Riêng	Riêng tư, riêng chung, theo ý riêng mình.
Miền	Miền núi, miền đồi.	Riêng	Cá riêng, củ riêng.
Miến	Lúa miến, bột miến.	Siêng	Siêng năng.
Miếng	Một miếng cơm.	Siêng	Cái siêng dùng để đựng đồ).
Miền	Miền chấp, miến trách, miến thứ, miến là... đồ cón miến.	Tiền	Tiền-nhận, tiền-phong, thần-tiền, giấy hoa-tiền, cây thủy-tiền.
Niên	Niên-xỉ, niên-canh, niên-nghị (bạn thi đồ đồng niên).	Tiền	Tiền bạc, ngân tiền, tiền diện (trước mặt), tiền-thần (kiếp trước).
Niên	Niên lại cho chặt.	Tiền	Tiền thối, tiền bộ, tiền hóa, tiền ich, cung tiền, tiền cử.
Niêng	Con niêng niêng.	Tiếng	Tiếng nói, tiếng làm, danh tiếng.
Nghiên	Nghiên bút, nghiên-cửu, nghiên cho nhỏ.	Tiện	Bàn tiện, hà tiện, ăn tiền, tiền lợi, nhân tiện, người thợ tiện.
Nghiêng	Nghiêng ngựa, nghiêng lệch, nghiêng đồ, nghiêng nước nghiêng thành.	Tiền	Tổng tiền, tiền hành, tiền biệt.
Nghiễn	Nghiễn nhỏ ra.	Thiên	Thiên-hạ, thiên-tử, thiên-văn, thiên-hiêm (chỗ hiêm trở trời sinh), thiên vị, thiên ái, thiên thính, thiên di, củ thiên-môn.
Nghiễn	Nghiễn nghèo.	Thiêng	Thiêng liêng, linh thiêng.
Nghịen	Nghịen ngập, nghịen rượu, nghịen nha-phiến.	Thiên	Thiên môn (nhà tu).
Nghiêng	Nghiêng cổ, nghiêng nghiêng.	Thiêng	Cửa thiêng (tức cửa thành).
Phiến	Phiến thứ, luân phiến, phiến phúc, phiến ti và niết-ti (là ti quan Bồ và ti quan Ấn).	Thiên	Gà thiên (là gà lật).
Phiễn	Phiễn - phức, phiễn - nhiều, phiễn-hà, phiễn-phí, phiễn-muộn, phiễn rối, ưa phiễn, tính phiễn, giải phiễn.	Thiện	Lương thiện, từ thiện, thiện tiện, thiện quyền, ngư-thiện (bữa cơm vua gọi).
Phiễn	Phiễn tấu, nha-phiễn, một phiễn gỗ, phiễn loạn, phiễn biến.	Thiên	Thiên càn, thám thiên, thiên-y (lời khiêm).
Quyển	Quyển trợ, quyển sinh (liều mình), gái thuyền-quyển, chim đồ-quyển.	Triêng	Triêng mối, triêng gánh.
Quyển	Quán-quyển, dân-quyển, lợi-quyển, quyền nhiếp, quyền thế, quyền-trữ (thu trữ tạm thời).	Triễn	Triễn núi, thế triễn tử phục.

Triềng	Trùng triềng (cách không vững).	Viễn	Một đường viễn (ở nơi áo).
Triễn	Làm cho hai mỗi triễn với nhau.	Viếng	Thăm viếng, đi viếng qua.
Triềng	Trùng - triềng (cách không vững).	Viện	Cửu viện, viện lệ, viện chứng, viện hàn-lâm.
Triện	Đồng triện, tư triện, thẻ chữ triện.	Viễn	Vĩnh viễn (lâu dài), viễn lự (to xa), viễn phương.
Triộng	Trung triộng (cách biếng nhác không chịu làm việc).	Xiên	Xiên xẹo, xiên méo, xỏ xiên.
Triễn	Khất triễn, triễn hạn, triễn khản (mở ra mà xem).	Xiềng	Cái xiềng (mang cho người có tội).
Viễn	Diễn viên (ruộng vườn) phương viên, đoàn viên, một viên đạn.	Xiễn	Phát xiễn (mở được một cái tán-lý), xiễn minh phát lý ra.

X. — Oan. Oang.

74*		Đoán	Đoán xét, đoán hần, đoán quyết.
Oan	Oan ức, oan khổ, oan nghiệp, oan-hồn, thân oan (làm cho mình sự oan ra).	Đoạn	Đoạn mai (là bán đứt đi) đoạn tình (đứt tình nghĩa) một đoạn đường, cắt đoạn ra.
Oang	Giọng nói oang oang.	Đoản	Trường đoản (dài vắn) đoản thiên (là bài vắn tắt).
Oán	Oán hận, oán thù, cừu oán, kết oán.	Đoảng	Đoảng ra (tình nghĩa văng ra một lúc).
Oản	Xôi oán.	Hoan	Hoan lạc, hoan hỉ, hoan-nghinh.
Choang	Tiếng kêu choang choảng,	Hoang	Đất hoang, hoang phí, hoang đường, hoang-dẫn (nói chuyện đặt bầy) chữa hoang ra.
Choàng	Say loàng choàng, hót choàng lấy cò, choàng áo vào mình.	Hoàn	Hoàn-toàn (trọn vẹn) lại hoàn (trả lại), hoàn-cầu (quanh địa-cầu), hoàn thành (thành chung quanh), hoàn-cảnh (cảnh chung quanh), bàn hoàn (xôn xao trong trí).
Choán	Chiếm choán, choán một phần.	Hoàng	Ngọc hoàng, hoàng-đế, trang hoàng, đường hoàng, bàng-hoàng (bối rối) kinh hoàng, giặc hoàng-lương, ông thành-hoàng.
Choáng	Loáng choáng, chênh choáng, choáng mắt,	Hoán	Hô hoán, luân hoán, hoán cải, hoán tính (đánh thức dậy), hoán
Choạng	Lở choạng ra, buđi loạng choạng, hời chập choạng.		
Doãn	Bình doãn (bằng thẳng), du doãn (đánh lòng cho), lệnh-doãn (quan trí-huyện).		
Đoan	Đoan-chính, đoan trang, đoan nghiêm, đoan kết, cam đoan, cựa đoan (một đầu mũi).		
Đoàn	Đoàn viên, đoàn tụ, đoàn thể một đoàn người như một hình thể, quần nghĩa-đoàn.		

	bỏ (bỏ đi chức khác, hoặc nơi khác).	Soạng	Nghe một tiếng soạng (tiếng vật gì đồ té).
Hoạn	Hoạn-nạn, hoạn-trường, hoạn-huống (tình cảnh làm quan), hoạn-du (nhân sự làm quan đi đi du lịch).	Toan	Toan hồng, lo toan, tân-toan (chưa cay), lưu-cường-toan.
Hoạng	Con hoạng (như con nai mà nhỏ).	Toang	Mở toang ra.
Hoãn	Hoãn cấp, khoan hoãn, triển hoãn, hoãn lại kỳ sau.	Toàn	Chu toàn, hoàn-toàn, thập-toàn, toàn-thể, toàn-hảo.
Hoảng	Hoảng hốt, khững hoảng (trợ trệ).	Toán	Tính-toán, một toán quân.
Khoan	Khoan thai, khoan thứ, khoan hòa, cái khoan (của thợ mộc).	Toản	Quan Toản-tu.
Khoang	Một khoang thuyền, con quạ khoang cò.	Thoảng	Nhỏ thoảng (không thấy được), mắt thoảng qua.
Khoán	Khoán ước, người thầu khoán.	Troạng	Việc đã troạng ra (đã bày ra rõ ràng).
Khoáng	Khoáng phẫn, khoáng trưng (tức khuếch trương), khoáng vật.	Xoang	Xoang nhăm..., xoang tay áo ra.
Khoản	Điều khoản, khoản đãi, khoản tiếp.	Xoàng	Say loàng-xoàng, xềnh-xoàng.
Khoảng	Một khoảng dây thép.	75	
Loan	Chim loan, phượng loan, phụng loan, loan giá (xe nhà vua).	Oảng	Con chó kêu oảng-oảng.
Loang	Mở cửa toang loang.	Oản	Cong oản xuống.
Loàn	Dây loạn (tức dây-loạn), lằng loạn (không có từ lộn).	Oạn	Sa oạn xuống, oản xuống, oản-oẹo.
Loán	Cây mọc bỏ loạn ra.	Khoảng	Bằng-khoảng.
Loảng	Loảng quáng (cách không rõ-ràng), loảng choảng.	Khoản	Đau khoản khoản.
Loạn	Loạn lạc, xướng loạn, phiến loạn.	Ngoản	Ngoản-ngẻo.
Loảng	Bát cháo loãng/ lằng loãng (nước chảy lá sen).	Ngoân	Ngủn-ngôn (cách ngoắt đuôi).
Ngoan	Khôn ngoan, ngoan ngoãn.	Thoản	Làm thoản-thoản (làm tắt cho mau).
Ngoạn	Ngoạn-vật (đồ chơi), ngoạn-mục (ưa mắt), du-ngoạn (đi chơi ngắm phong-cảnh).	Xoản	Xoản-xoẻo (cách đau bụng).
Nhoảng	Loảng-nhoảng qua nhোảng một chút.	Xoản	Xủn-xoản (cách cụt cấn).
Soạn	Sửa soạn, soạn thuật (làm sách), hàm tu-soan.	76	
		Hoan	Màu hoan (một sắc gì bị ủa).
		Ngoan	Chối ngoen-ngoen.
		Thoen	Thoen chốt, thoen máy.
		77	
		Ong	Con ong, lén ong bướm, ve kêu ong-ong.
		Ốn	Ốn lại (thu ốn lại).

Óng	Cái xương óng, con ve kêu ong- ong.	Đòn	Roi đòn, cái đòn gánh, cái đòn cân, cái đòn ngỡi.
Ồn	Hòn ồn (của con trẻ đánh cầu).	Đòng	Thắng đòng, cái đòng-đòng (của lửa non).
Ổng	Màu da ong-ổng.	Đón	Ngăn đón, đưa đón, đón rước.
Bon	Bon chen.	Đóng	Đóng cửa, đóng đinh, đóng thuế.
Bong	Trắng bong, cái bong-bóng, xà bong (tức <i>savon</i>).	Độn	Con người nhỏ độn (là lâu lớn).
Bòn	Bòn chải, bòn mót.	Động	Động nước lại.
Bồng	Đeo bồng, quả bồng (tức quả bưởi), chêm thắng bồng.	Gòn	Cây bồng gòn, tỉnh Sài-gòn.
Bón	Phân bón, chạy bón chân.	Gọn	Gọn gàng, thu gọn lại.
Bóng	Bóng vĩa, chụp bóng, cái bong bóng.	Giòn	Gỗ giòn (hay gãy).
Bọn	Bọn giặc, một bọn người.	Giống	Giống giấy (cách người cao, bộ chân giống).
Bọng	Cái bọng (là cái bọc đựng phân).	Giòn	Giòn-giã (cách ăn nói lạnh-lợi).
Bồn	Bồn chẵn, bồn sên.	Giòng	Giòng-giã (cách ước muốn).
Bông	Cái bông đèn, nhẩy bong-bông.	Giống	Đôi giống, giống phượng hường.
Con	Con cháu, con thú-vật, bé con.	Giọng	Giọng nói, giọng hát.
Cong	Cong-queo, long-cong.	Hòn	Hòn đá, quả mòn hòn.
Còn	Còn thừa, còn lại, đương còn.	Hòng	Toan hòng.
Còng	Còng lưng lại, con còng (ở nước).	Hóng	Hóng gió, hóng mát.
Cóng	Cóng tay (bởi trời rét)	Họng	Cổ họng.
Cọng	Cọng tính lại, sỏ tọng cọng.	Hông	Thị hông (không độ), hông mất cả.
Công	Công lên vai, cái công cưa.	Không	Lông không (cách yếu ốm).
Chong	Đèn thấp chong, đi chơi chong.	Lon	Cái lon (của quan võ), một lon gạo.
Chóng	Mau chóng, chóng mắt, cái lòng chóng.	Long	Long đong, long leo, long-lanh, long-trọng, giao-long, long-hồ, quả long-nhãn.
Chọn	Chọn lựa, lựa chọn, kén chọn.	Lòn	Lòn cúi, lòn lỏi, gạo lòn.
Chông	Lông-chông (cách không vững), chông chân lên.	Lòng	Lòng bụng, lòng thương, lòng sống.
Chống	Giường chống.	Lóng	Lóng-lãnh, lóng-nhòng (cách trông đợi), lóng nước cho trong, lóng tai mà nghe.
Dong	Khoan dong, dong-thứ.	Lọng	Dù lọng.
Dòng	Dòng dãi, dòng sông, dòng nước chảy.		
Dống	Hũ-g-dống, võ-dống, tri-dống.		
Đong	Đong đưa, đong lường, long đong.		

(Còn nữa)